

Số: 274 /TTr-UBND

Đà Nẵng, ngày 19 tháng 11 năm 2024

TỜ TRÌNH

Dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố quy định trình tự, thủ tục, điều kiện, số lượng, nội dung và mức hỗ trợ không hoàn lại từ ngân sách nhà nước để phát triển dự án khởi nghiệp sáng tạo trên địa bàn thành phố Đà Nẵng

Kính gửi: Hội đồng nhân dân thành phố

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2020, Ủy ban nhân dân thành phố kính trình Hội đồng nhân dân thành phố xem xét thông qua dự thảo Nghị quyết của HĐND thành phố quy định trình tự, thủ tục, điều kiện, số lượng, nội dung và mức hỗ trợ không hoàn lại từ ngân sách nhà nước để phát triển dự án khởi nghiệp sáng tạo trên địa bàn thành phố Đà Nẵng, cụ thể như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH VĂN BẢN

1. Cơ sở chính trị, pháp lý

a) Cơ sở chính trị

- Ngày 24/01/2019, Bộ Chính trị đã ban hành Nghị quyết số 43-NQ/TW về “Xây dựng và phát triển thành phố Đà Nẵng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045”, trong đó đã xác định mục tiêu đến năm 2030 “Xây dựng thành phố Đà Nẵng trở thành một trong những trung tâm kinh tế - xã hội lớn của cả nước và Đông Nam Á với vai trò là trung tâm về khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo” và tầm nhìn đến năm 2045 thành phố “trở thành đô thị lớn, sinh thái và thông minh, là trung tâm khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo và thành phố biển đáng sống đạt đẳng cấp khu vực Châu Á”.

- Kết luận số 79-KL/TW ngày 13/5/2024 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 43-NQ/TW của Bộ Chính trị khóa XII về “Xây dựng và phát triển thành phố Đà Nẵng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045”, trong đó tiếp tục chỉ đạo “phát triển Đà Nẵng thành trung tâm đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp, trung tâm công nghệ cao của cả nước”, “tiếp tục đẩy mạnh cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, lấy khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo là động lực chính, phát triển kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn” và “ưu tiên nguồn lực đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng khoa học và công nghệ, khởi nghiệp đổi mới sáng tạo”.

- Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 01/11/2012 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam về phát triển khoa học và công nghệ phục vụ sự

ngành công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế; Kết luận số 69-KL/TW ngày 11/01/2024 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW, ngày 01/11/2012 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XI về phát triển khoa học và công nghệ phục vụ sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế; Trong đó xác định “phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo là nhiệm vụ trung tâm trong phát triển kinh tế - xã hội”. Bên cạnh đó, tại Quyết định số 569/QĐ-TTg ngày 11/5/2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành chiến lược phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đến năm 2030 đã xác định mục tiêu phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo là “Đến năm 2030, khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo được phát triển vững chắc, thực sự trở thành động lực tăng trưởng, góp phần quyết định đưa Việt Nam trở thành nước đang phát triển có công nghiệp hiện đại, thu nhập trung bình cao; góp phần phát triển toàn diện văn hóa, xã hội, con người, bảo đảm quốc phòng - an ninh, bảo vệ môi trường và phát triển bền vững, nâng cao vị thế và uy tín quốc tế của Việt Nam; tiềm lực, trình độ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đạt mức tiên tiến ở nhiều lĩnh vực quan trọng, thuộc nhóm dẫn đầu trong các nước có thu nhập trung bình cao; trình độ, năng lực công nghệ, đổi mới sáng tạo của doanh nghiệp đạt mức trên trung bình của thế giới; một số lĩnh vực khoa học và công nghệ đạt trình độ quốc tế”.

- Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đã xác định đẩy nhanh thành lập các trung tâm khởi nghiệp sáng tạo quốc gia, trước mắt tại Hà Nội, Đà Nẵng, thành phố Hồ Chí Minh. Trên cơ sở đó, tại Nghị quyết số 50/NQ-CP ngày 17/4/2020 của Chính phủ về việc ban hành Chương trình hành động quốc gia thực hiện Nghị quyết số 52-NQ/TW cũng đã giao cho Bộ KH&CN thúc đẩy phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo quốc gia; phát triển các khu đô thị sáng tạo đạt đẳng cấp quốc tế trên cơ sở các Khu công nghệ cao Hòa Lạc, thành phố Hồ Chí Minh, thành phố Đà Nẵng. Đồng thời, Quyết định số 844/QĐ-TTg ngày 18/05/2016 của Thủ tướng Chính phủ về Đề án “Hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia đến năm 2025” và Quyết định số 188/QĐ-TTg ngày 09 tháng 02 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 844/QĐ-TTg ngày 18/5/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án Hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia đến năm 2025 đã xác định “Xây dựng hệ thống Trung tâm đổi mới sáng tạo hỗ trợ nghiên cứu phát triển, khởi nghiệp sáng tạo, đảm bảo vận hành thành công các Trung tâm với các cơ chế, chính sách đặc thù, vượt trội, cạnh tranh so với khu vực và quốc tế; phát triển Trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo quốc gia tại 03 thành phố Hà Nội, Đà Nẵng và thành phố Hồ Chí Minh”.

Trên cơ sở định hướng, chỉ đạo của Bộ Chính trị và Chính phủ, Thành ủy Đà Nẵng đã ban hành Chương trình số 35-Ctr/TU ngày 16/12/2019 triển khai thực hiện Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27 tháng 9 năm 2019 của Bộ Chính trị

về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, Chương trình số 36-CTr/TU ngày 13/01/2020 về triển khai thực hiện Chuyên đề "Phát triển công nghiệp công nghệ cao, xây dựng Đà Nẵng thành trung tâm khởi nghiệp, đổi mới, sáng tạo tầm quốc gia, là khu đô thị sáng tạo - khoa học - công nghệ đạt đẳng cấp quốc tế, có sức cạnh tranh cao"; UBND thành phố Đà Nẵng đã ban hành Quyết định số 3836/QĐ-UBND ngày 13/10/2020 về phê duyệt "Đề án Xây dựng Đà Nẵng thành trung tâm khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo quốc gia tại khu vực miền Trung - Tây Nguyên" đã xác các mục tiêu và định hướng chính sách thúc đẩy hoạt động khởi nghiệp sáng tạo tại thành phố Đà Nẵng.

b) Cơ sở pháp lý

- Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

- Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020; Trong đó, khoản 1 Điều 27 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2020) quy định "Hội đồng nhân dân cấp tỉnh ban hành Nghị quyết để quy định chi tiết điều, khoản, điểm được giao trong văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên".

- Luật hỗ trợ Doanh nghiệp nhỏ và vừa năm 2017; Nghị định số 80/2021/NĐ-CP ngày 26/8/2021 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa;

Đặc biệt, ngày 26/6/2024, Quốc hội đã thông qua Nghị quyết số 136/2024/QH15 về tổ chức chính quyền đô thị và thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển thành phố Đà Nẵng. Trong đó, Điểm d khoản 1 Điều 14 của Nghị quyết số 136/2024/QH15 ngày 26/6/2024 của Quốc hội về tổ chức mô hình chính quyền đô thị và thí điểm thực hiện một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển thành phố Đà Nẵng, giao: Hội đồng nhân dân thành phố quy định trình tự, thủ tục, điều kiện, số lượng, nội dung và mức hỗ trợ quy định tại điểm d khoản 1 Điều 14 Nghị quyết số 136/2024/QH15.

Điểm d khoản 1 Điều 14 Nghị quyết số 136/2024/QH15 quy định: "Hỗ trợ không hoàn lại từ nguồn ngân sách Thành phố chi phí phát triển dự án khởi nghiệp sáng tạo gồm: chi phí tổ chức hoạt động tuyển chọn dự án; chi phí thuê chuyên gia; tiền công lao động trực tiếp; dịch vụ hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo; chi phí sử dụng cơ sở kỹ thuật, cơ sở ươm tạo, khu làm việc chung; chi phí ươm tạo, nghiên cứu phát triển, hoàn thiện công nghệ, sản xuất thử nghiệm sản phẩm khởi nghiệp đổi mới sáng tạo".

Trên cơ sở đó, ngày 22/7/2024, Thành ủy Đà Nẵng đã ban hành Chỉ thị số 44-CT/TU về lãnh đạo triển khai thực hiện Nghị quyết số 136/2024/QH15 của Quốc hội về tổ chức chính quyền đô thị và thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển thành phố Đà Nẵng, trong đó giao Đảng đoàn HĐND chủ trì,

phối hợp với Ban cán sự đảng Ủy ban nhân dân thành phố lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng Nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố và các quy định có liên quan theo thẩm quyền về thực hiện thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển thành phố theo quy định tại Nghị quyết số 136/2024/QH15 và 4 hướng dẫn của Chính phủ; trong đó tập trung ban hành các cơ chế, chính sách theo thẩm quyền về quản lý đầu tư; quản lý tài chính, ngân sách nhà nước; quản lý quy hoạch, đô thị, tài nguyên, môi trường; thu hút nhà đầu tư chiến lược; đầu tư phát triển vi mạch bán dẫn, trí tuệ nhân tạo, thông tin và truyền thông, quản lý khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo. Hoàn thành, trình Hội đồng nhân dân thành phố tại Kỳ họp cuối năm 2024 và các kỳ họp tiếp theo. Đồng thời, tại khoản 18 Điều 2 Nghị quyết số 57/NQ-HĐND ngày 30/7/2024 về triển khai Nghị quyết số 136/2024/QH15 quy định trách nhiệm của HĐND thành phố trong triển khai nội dung: quy định trình tự, thủ tục, điều kiện, số lượng, nội dung và mức hỗ trợ quy định tại điểm d khoản 1 Điều 14 Nghị quyết số 136/2024/QH15 (điểm đ khoản 1 Điều 14).

2. Cơ sở thực tiễn

Trong xu thế hội nhập và phát triển hiện nay, khởi nghiệp và tạo dựng doanh nghiệp là động lực quan trọng của nền kinh tế. Đảng và Nhà nước đã có nhiều chủ trương, chính sách, tạo điều kiện, môi trường thuận lợi thúc đẩy khoa học, công nghệ và khởi nghiệp đổi mới sáng tạo (KNĐMST); Chính phủ đã cụ thể hóa bằng các cơ chế, chính sách, ban hành các khung khổ pháp lý và các đề án hỗ trợ hệ sinh thái KNĐMST quốc gia. Đây là cơ sở chính trị, nền tảng pháp lý quan trọng để phát triển mạnh mẽ hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo trong cả nước. Trên cơ sở Quyết định số 844/QĐ-TTg ngày 18/5/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia đến năm 2025”, thành phố Đà Nẵng đã triển khai nhiều hoạt động về KNĐMST, đặc biệt là xây dựng các cơ chế, chính sách để triển khai hoạt động KNĐMST trên địa bàn thành phố. Một số văn bản tiêu biểu đã được ban hành như: Chương trình số 36-CTr/TU ngày 13/01/2020 của Ban Thường vụ Thành ủy về Phát triển công nghệ cao, xây dựng Đà Nẵng thành trung tâm KNĐMST tầm quốc gia, là khu đô thị sáng tạo - khoa học - công nghệ đạt đẳng cấp quốc tế, có sức cạnh tranh cao; Quyết định số 3836/QĐ-UBND ngày 13/10/2020 của UBND thành phố phê duyệt “Đề án Xây dựng Đà Nẵng thành trung tâm KNĐMST quốc gia tại khu vực miền Trung - Tây Nguyên”; Nghị quyết số 328/NQ-HĐND ngày 09/12/2020 của HĐND thành phố quy định nội dung và mức chi từ ngân sách nhà nước để thực hiện hỗ trợ hệ sinh thái KNĐMST trên địa bàn thành phố Đà Nẵng đến năm 2025; Kế hoạch số 216/KH-UBND ngày 21 tháng 12 năm 2021 của UBND thành phố về việc thực hiện Đề án “Hỗ trợ hệ sinh thái KNĐMST quốc gia đến năm 2025” trên địa bàn thành phố Đà Nẵng giai đoạn 2022 - 2025;...

Qua đó, hoạt động KNĐMST của thành phố đã có các kết quả tích cực và đi vào chiều sâu. Hiện nay, trên địa bàn thành phố hiện đang có 03 Trung tâm Hỗ trợ KNĐMST; 09 vườn ươm; 03 không gian sáng chế; 08 không gian làm việc chung; 06 quỹ đầu tư khởi nghiệp; 10 câu lạc bộ khởi nghiệp ở các trường

đại học, cao đẳng và cùng cộng đồng các doanh nghiệp KNĐMST. Cơ sở vật chất kỹ thuật từng bước được đầu tư, xây dựng phục vụ phát triển KNĐMST của thành phố. Cộng đồng doanh nghiệp KNĐMST không ngừng gia tăng về số lượng và chất lượng, trong đó một số doanh nghiệp KNĐMST có nền tảng công nghệ cao, bắt kịp xu hướng phát triển nhất là trong các lĩnh vực về công nghệ thông tin, ứng dụng trí tuệ nhân tạo, cơ khí tự động hóa, công nghệ sinh học, trong đó đã có các doanh nghiệp phát triển mạnh, tăng trưởng nhanh, gọi được vốn hàng triệu USD như Công ty Datbike, Selly, Hekate, EM and AI, FiveSS,... Bên cạnh đó, theo số liệu điều tra, khảo sát về tình hình hoạt động của các doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trên địa bàn thành phố Đà Nẵng trong năm 2024, các doanh nghiệp khởi nghiệp tập trung vào lĩnh vực công nghệ thông tin, thiết kế phần mềm chiếm tỷ lệ 20,15%, lĩnh vực nông nghiệp và nông nghiệp công nghệ cao với tỷ lệ 17,91%, lĩnh vực robot, trí tuệ nhân tạo (11,19%), được liệu/mỹ phẩm (8,21%), giáo dục (7,46%), cơ khí chế tạo (6,72%), các lĩnh vực còn lại chiếm khoảng 34,35%.

Với những kết quả đã đạt được, thành phố Đà Nẵng đã 3 lần nhận được danh hiệu “Thành phố hấp dẫn khởi nghiệp Đổi mới sáng tạo” do Hiệp hội phần mềm và dịch vụ Công nghệ thông tin Việt Nam vinh danh (năm 2020, 2022 và 2023); được Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam tặng danh hiệu “Địa phương tiêu biểu xây dựng hệ sinh thái khởi nghiệp”, được Bộ Khoa học và Công nghệ đánh giá là một trong những địa phương có đóng góp nổi bật cho hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia. Đây là những lợi thế hỗ trợ thành phố Đà Nẵng phát triển hệ sinh thái KNĐMST trong thời gian tới.

Tuy đã đạt được một số kết quả ban đầu, có ý nghĩa tích cực thúc đẩy hoạt động khởi nghiệp trên địa bàn thành phố như đã nêu trên, nhưng nhìn chung cơ chế chính sách hỗ trợ phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo hiện nay còn nhiều hạn chế vướng mắc và chưa đủ mạnh để thúc đẩy phát triển các dự án, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo.

Trong đó, thực hiện Thông tư số 45/2019/TT-BTC ngày 19/7/2019 của Bộ Tài chính về quy định quản lý tài chính thực hiện Đề án “Hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo Quốc gia đến năm 2025”, HĐND thành phố Đà Nẵng đã ban hành Nghị quyết số 328/NQ-HĐND ngày 09/12/2020 quy định nội dung và mức chi từ ngân sách nhà nước để thực hiện hỗ trợ hệ sinh thái KNĐMST trên địa bàn thành phố Đà Nẵng đến năm 2025. Nội dung chính của Nghị quyết số 328/NQ-HĐND bao gồm nội dung và mức chi: Tổ chức sự kiện ngày hội khởi nghiệp đổi mới sáng tạo; Phát triển hoạt động đào tạo, nâng cao năng lực và dịch vụ cho khởi nghiệp đổi mới sáng tạo; Phát triển cơ sở vật chất - kỹ thuật phục vụ hoạt động khởi nghiệp đổi mới sáng tạo; Hoạt động truyền thông về khởi nghiệp đổi mới sáng tạo; Hoạt động kết nối mạng lưới khởi nghiệp; Hỗ trợ đối với doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo; Phục vụ công tác quản lý và các hoạt động chung và quy định hỗ trợ tham gia cuộc thi về khởi nghiệp đổi mới sáng tạo; Tổ chức cuộc thi sinh viên nghiên cứu khoa học. Trong các nội dung quy định tại Nghị quyết số 328/NQ-HĐND có một nội dung về hỗ trợ đối với doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, tuy nhiên quy định

này chỉ tập trung hỗ trợ ở giai đoạn đã hình thành doanh nghiệp, với số lượng hỗ trợ tối đa không quá 10 doanh nghiệp/năm. Nhiệm vụ hỗ trợ được xây dựng dưới hình thức các nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo quy định của Bộ khoa học và công nghệ nên quy trình thủ tục rất phức tạp, doanh nghiệp khó tiếp cận. Trong khi, Bộ Khoa học và Công nghệ cũng chưa có hướng dẫn thống nhất, cụ thể đối với việc quản lý các nhiệm vụ này nên cơ quan quản lý khó triển khai. Đồng thời, thời hạn thực hiện Nghị quyết số 328/NQ-HĐND là đến năm 2025 và chỉ còn 01 năm để thực hiện Nghị quyết.

Mặt khác, để được hỗ trợ thì việc lựa chọn doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo thực hiện theo Điều 21 Nghị định số 80/2021/NĐ-CP và hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo đáp ứng quy định tại Điều 14, 15 của Thông tư số 06/2022/TT-BKHĐT ngày 10 tháng 5 năm 2022 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về hướng dẫn một số điều của Nghị định số 80/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của luật hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa. Trong khi thực tiễn số lượng doanh nghiệp đạt các yêu cầu trên rất ít và các doanh nghiệp đã có quỹ đầu tư tham gia thường không cần sự hỗ trợ của nhà nước. Ngoài ra nếu đã là doanh nghiệp khoa học và công nghệ hoặc doanh nghiệp công nghệ cao thì đã có các chính sách ưu đãi hiện hành và không cần đến chính sách hỗ trợ này.

Bên cạnh đó, các chính sách hiện nay chưa tập trung hỗ trợ các cá nhân và nhóm cá nhân có dự án khởi nghiệp sáng tạo tại các cơ sở ươm tạo, các trường đại học đang trong các giai đoạn ươm tạo và chưa thành lập doanh nghiệp, trong khi đây là nhóm đối tượng tiềm năng, đầu vào cho sự hình thành và phát triển thành doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo. Hàng năm trên địa bàn thành phố Đà Nẵng đã tổ chức nhiều cuộc thi về khởi nghiệp như cuộc thi khởi nghiệp sáng tạo thành phố Đà Nẵng, cuộc thi sinh viên nghiên cứu khoa học, cuộc thi khởi nghiệp công nghệ trong sinh viên, cuộc thi startup runway và một số cuộc thi khác (bình quân có trên 30 dự án tham gia/cuộc thi). Kết quả đã phát hiện nhiều dự án có tính mới, tính khả thi về công nghệ và mô hình kinh doanh, có thể tiếp tục phát triển, thương mại hóa sản phẩm nhưng chưa có chương trình, chính sách hỗ trợ. Về phía các tổ chức trung gian, các cơ sở ươm tạo trên địa bàn thành phố hiện đang hoạt động rất khó khăn, một mặt là các dự án khởi nghiệp sáng tạo giai đoạn non trẻ chưa sẵn sàng trả chi phí để tham gia các chương trình ươm tạo. Mặt khác, với các mục tiêu, định hướng khác nhau thì đa số các vườn ươm sẽ tuyển chọn các dự án ở các giai đoạn sẵn sàng tiếp cận thị trường nên tiêu chí lựa chọn vào các chương trình ươm tạo tại các cơ sở ươm tạo cũng sẽ khắt khe để đảm bảo thu lợi nhuận nhanh nhất, chính vì vậy các cơ sở ươm tạo lâu năm trên địa bàn thành phố như DNES, Sông Hàn cũng khó tuyển đủ dự án đầu vào cho các chương trình ươm tạo của mình. Trong khi đó giai đoạn tiền ươm tạo để giúp tạo ra các dự án tiềm năng cho thành phố thì hầu như còn bỏ ngỏ, chưa có đơn vị thực hiện nhất là các dự án hình thành trong các trường đại học, viện nghiên cứu.

Trong quá trình phát triển, một doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo (startup) cần trải qua rất nhiều giai đoạn, gồm: Ý tưởng – Nghiên cứu và phát triển

(R&D) - Tiền ươm tạo - Ươm tạo - Tăng tốc - Phát triển và tăng trưởng, nhân rộng mô hình. Trong đó ở các giai đoạn nghiên cứu và phát triển (R&D) - tiền ươm tạo - ươm tạo hầu hết các nhóm đều là các dự án khởi nghiệp sáng tạo và chưa thành lập doanh nghiệp, đây cũng là giai đoạn mà hầu như các nguồn lực tư nhân không tham gia vào do rủi ro lớn, tuy nhiên đây lại là giai đoạn vô cùng quan trọng để tạo ra nguồn dự án khởi nghiệp sáng tạo, là đầu vào tiếp theo cho các chương trình của các tổ chức hỗ trợ tư nhân. Các chính sách về khoa học và công nghệ hiện nay đang tập trung chủ yếu cho giai đoạn hoạt động R&D, trong khi đó các giai đoạn còn lại bao gồm: tiền ươm tạo, ươm tạo (giai đoạn thương mại hóa) và tăng tốc chưa được cụ thể và đầy đủ so với thực tiễn phát triển của các doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo tại thành phố Đà Nẵng.

Trên thực tế để có được 01 doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, chưa nói đến việc có sản phẩm tốt đã được thị trường kiểm chứng thì phải ươm tạo được gấp 10 lần con số này, nghĩa là phải ươm tạo và hỗ trợ 10 dự án khởi nghiệp sáng tạo thì mới có được 01 doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo. Ngoài ra, để có được 01 doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo đủ điều kiện tiếp cận với các nhà đầu tư thì các tổ chức ươm tạo và tăng tốc tư nhân phải tiếp tục hỗ trợ cho 10 đến 15 doanh nghiệp trong vòng 4 tháng đến 6 tháng trước khi tiếp cận với các quỹ đầu tư mạo hiểm. Kinh nghiệm của các quốc gia khác như Singapore, Israel, New Zealand, ... đã chứng minh rằng ở giai đoạn dự án khởi nghiệp sáng tạo hay dự án đổi mới sáng tạo của doanh nghiệp nhỏ và vừa đều cần hoàn thiện sản phẩm và mô hình kinh doanh thì nhà nước là nguồn lực quan trọng đóng vai trò hỗ trợ chính cho các dự án được ươm tạo và phát triển, vì lúc này các dự án chưa đủ khả năng để tiếp cận các nguồn lực tư nhân và các tổ chức hỗ trợ, quỹ đầu tư cũng không mặn mà vì khả năng rủi ro cao, sinh lợi nhuận kém. Do đó, Nhà nước cần phát huy vai trò chính trong giai đoạn đầu (giai đoạn tiền ươm tạo, ươm tạo và tăng tốc) của các hoạt động thương mại hóa các sản phẩm từ kết quả nghiên cứu nhằm tạo ra sự thay đổi tích cực về mặt tư duy, ý thức xã hội về hoạt động đổi mới sáng tạo cũng như tạo nguồn dự án khởi nghiệp sáng tạo nhiều hơn để kết nối với thị trường của khu vực tư nhân và thu hút nguồn vốn từ nước ngoài. Nói cách khác, hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo cần sự phát triển bền vững và lâu dài dựa trên việc tập trung phát triển các hoạt động ươm tạo doanh nghiệp ngay từ giai đoạn hình thành ý tưởng để từng bước hình thành và phát triển thành doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo. Để triển khai việc hỗ trợ phát triển các dự án khởi nghiệp đáp ứng yêu cầu thực tiễn cần thiết phải quy định cụ thể đối tượng, nội dung và mức hỗ trợ, trình tự thủ tục hỗ trợ để các đối tượng thụ hưởng có thể tiếp cận chính sách theo nội dung quy định tại Nghị quyết số 136/2024/QH15.

Như vậy, việc xây dựng Nghị quyết của HĐND thành phố quy định trình tự, thủ tục, điều kiện, số lượng, nội dung và mức hỗ trợ không hoàn lại từ ngân sách nhà nước để phát triển dự án khởi nghiệp sáng tạo trên địa bàn thành phố Đà Nẵng là rất cần thiết, phù hợp với quy định của pháp luật và nhu cầu thực tiễn của hoạt động khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trên địa bàn thành phố.

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT

1. Mục đích

a) Xây dựng, ban hành quy định trình tự, thủ tục, điều kiện, số lượng, nội dung và mức hỗ trợ không hoàn lại từ ngân sách nhà nước để phát triển dự án khởi nghiệp sáng tạo trên địa bàn thành phố Đà Nẵng theo nội dung được giao tại Nghị quyết số 136/2024/QH15 nhằm triển khai có hiệu quả Nghị quyết số 136/2024/QH15.

b) Tạo cơ sở pháp lý cho công tác hỗ trợ phát triển dự án khởi nghiệp nhằm thúc đẩy việc hình thành và phát triển doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo cho thành phố Đà Nẵng từ việc ứng dụng khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học.

c) Xây dựng nền tảng vững chắc và lâu dài cho hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tại thành phố Đà Nẵng nói riêng và Việt Nam nói chung, từ đó góp phần vào sự phát triển kinh tế xã hội của đất nước.

2. Quan điểm xây dựng

Việc xây dựng Nghị quyết đảm bảo đúng nội dung được giao tại Nghị quyết số 136/2024/QH15, đúng quy định của pháp luật hiện hành và phù hợp với chủ trương, định hướng của thành phố.

III. PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH, ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG CỦA NGHỊ QUYẾT

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết quy định trình tự, thủ tục, điều kiện, số lượng, nội dung và mức hỗ trợ không hoàn lại từ ngân sách nhà nước để phát triển dự án khởi nghiệp sáng tạo trên địa bàn thành phố Đà Nẵng quy định tại điểm d, khoản 1, Điều 14 của Nghị quyết số 136/2024/QH15 ngày 26 tháng 6 năm 2024 của Quốc hội về tổ chức mô hình chính quyền đô thị và thí điểm thực hiện một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển thành phố Đà Nẵng.

2. Đối tượng áp dụng

Cá nhân, nhóm cá nhân (gọi tắt là cá nhân), tổ chức có dự án khởi nghiệp sáng tạo trên địa bàn thành phố Đà Nẵng và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

IV. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO VĂN BẢN

Dự thảo Nghị quyết được xây dựng theo đúng trình tự quy định tại Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2020, cụ thể:

1. Sở Khoa học và Công nghệ đã tiến hành xây dựng hồ sơ dự thảo từ tháng 7/2024; lập hồ sơ đề nghị xây dựng Nghị quyết trình UBND thành phố. UBND thành phố đã trình Thường trực HĐND thành phố (tại Tờ trình số 192/TTr-UBND ngày 27/9/2024);

2. Ngày 07/10/2024, Ban Kinh tế - Ngân sách đã làm việc với Sở Khoa và Công nghệ về Tờ trình số 192/TTr-UBND ngày 27/9/2024 và yêu cầu giải trình các nội dung có liên quan.

3. Đã hoàn thành hồ sơ đề nghị xây dựng Nghị quyết và được Thường trực Hội đồng nhân thành phố thống nhất chủ trương tại Công văn số 333/HĐND-KTNS ngày 14/10/2024.

4. Đã lấy ý kiến góp ý dự thảo Nghị quyết của các đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của Nghị quyết như: các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo; các cơ sở ươm tạo; cơ sở giáo dục; quỹ đầu tư khởi nghiệp; các thành viên Hội đồng khoa học và công nghệ thành phố, thành viên Hội đồng Điều phối mạng lưới khởi nghiệp thành phố và các cơ quan, đơn vị liên quan. Lấy ý kiến Văn phòng UBND thành phố đối với nội dung báo cáo đánh giá tác động thủ tục hành chính trong dự thảo, đồng thời đăng tải trên Cổng Thông tin điện tử thành phố để lấy ý kiến của các cơ quan, tổ chức, cá nhân trên địa bàn thành phố.

5. Đã tổng hợp, hoàn chỉnh nội dung theo ý kiến góp ý để hoàn chỉnh dự thảo Nghị quyết.

6. Đã lấy ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp; tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp.

7. Đã hoàn chỉnh hồ sơ dự thảo Nghị quyết trình Hội đồng nhân dân thành phố.

V. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CHÍNH CỦA NGHỊ QUYẾT

1. Bố cục Nghị quyết

Bố cục của Nghị quyết gồm 4 chương 14 Điều, cụ thể:

Chương I. QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Điều 4. Nguyên tắc hỗ trợ

Điều 5. Điều kiện hỗ trợ

Chương II. NỘI DUNG VÀ MỨC HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN DỰ ÁN KHỞI NGHIỆP SÁNG TẠO

Điều 6. Nội dung, mức hỗ trợ phát triển dự án khởi nghiệp sáng tạo giai đoạn tiền ươm tạo, ươm tạo, tăng tốc tại các tổ chức trung gian

Điều 7. Nội dung, mức hỗ trợ dự án khởi nghiệp sáng tạo ở giai đoạn phát triển doanh nghiệp

Chương III. THẨM QUYỀN VÀ TRÌNH TỰ THỦ TỤC XÉT HỒ SƠ ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ

Điều 8. Thẩm quyền quyết định hỗ trợ

Điều 9. Trình tự, thủ tục xét hồ sơ đề nghị hỗ trợ phát triển dự án khởi nghiệp sáng tạo giai đoạn tiền ươm tạo, ươm tạo, tăng tốc tại các tổ chức trung gian và dự án khởi nghiệp sáng tạo ở giai đoạn phát triển doanh nghiệp theo phương thức hỗ trợ trước.

Điều 10. Đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ hỗ trợ phát triển dự án khởi nghiệp sáng tạo

Điều 11. Trình tự, thủ tục xét hồ sơ đề nghị hỗ trợ dự án khởi nghiệp sáng tạo ở giai đoạn phát triển doanh nghiệp theo phương thức hỗ trợ sau

Chương IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 12. Kinh phí thực hiện chính sách

Điều 13. Tổ chức thực hiện.

Điều 14. Điều khoản thi hành

2. Nội dung cơ bản của dự thảo Nghị quyết

Dự thảo Nghị quyết quy định trình tự, thủ tục, điều kiện, số lượng, nội dung và mức hỗ trợ không hoàn lại từ ngân sách nhà nước để phát triển dự án khởi nghiệp sáng tạo trên địa bàn thành phố Đà Nẵng, bao gồm các nội dung cơ bản sau:

a) Giải thích từ ngữ

Giải thích một số thuật ngữ sử dụng trong dự thảo Nghị quyết như: Dự án khởi nghiệp sáng tạo; Dự án khởi nghiệp sáng tạo ở giai đoạn tiền ươm tạo, ươm tạo, tăng tốc; Dự án khởi nghiệp sáng tạo ở giai đoạn phát triển doanh nghiệp; Phương thức hỗ trợ trước; Phương thức hỗ trợ sau.

b) Nguyên tắc hỗ trợ

- Việc hỗ trợ phát triển phải đảm bảo nguyên tắc công khai, minh bạch, bình đẳng, không trùng lặp.

- Tổ chức, cá nhân có dự án khởi nghiệp sáng tạo quy định tại khoản 2 Điều 3 Nghị quyết được hỗ trợ thông qua các tổ chức trung gian hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo (sau đây gọi tắt là tổ chức trung gian).

- Doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo có dự án khởi nghiệp sáng tạo quy định tại khoản 3 Điều 3 (sau đây gọi tắt là doanh nghiệp) được hỗ trợ trực tiếp từ Sở Khoa học và Công nghệ.

- Nhà nước không hỗ trợ phát triển những dự án thuộc ngành nghề cấm đầu tư kinh doanh.

- Trường hợp thuộc đối tượng ưu đãi, hỗ trợ của nhiều chính sách hỗ trợ phát triển dự án khởi nghiệp sáng tạo thì tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp được chọn chính sách có mức hỗ trợ cao nhất, thuận lợi nhất cho tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp.

- Thời gian hỗ trợ nhiệm vụ theo phương thức hỗ trợ trước không quá 12 tháng/nhiệm vụ.

c) Quy định điều kiện hỗ trợ

- Tổ chức, cá nhân có dự án khởi nghiệp sáng tạo phải đáp ứng điều kiện: Tại thời điểm đăng ký, chưa nhận được bất kỳ nguồn kinh phí hỗ trợ từ ngân sách thành phố cho nội dung đề nghị hỗ trợ theo giai đoạn đề xuất hỗ trợ của dự án.

- Đối với doanh nghiệp và tổ chức trung gian phải đảm bảo điều kiện tại khoản 1 Điều 5 và chấp hành các nghĩa vụ về thuế đối với Nhà nước và bảo hiểm xã hội cho người lao động.

- Tổ chức trung gian phải có tư cách pháp nhân được thành lập theo quy định của pháp luật Việt Nam có hoạt động hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

- Doanh nghiệp phải đăng ký thành lập trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

- Trường hợp doanh nghiệp lựa chọn đề nghị hỗ trợ phát triển dự án theo phương thức hỗ trợ sau thì hồ sơ chứng từ có liên quan của dự án phải trong thời gian có hiệu lực của Nghị quyết và trước thời điểm nộp hồ sơ đề nghị hỗ trợ không quá 36 tháng.

d) Nội dung, mức hỗ trợ phát triển dự án khởi nghiệp sáng tạo giai đoạn tiền ươm tạo, ươm tạo, tăng tốc tại các tổ chức trung gian

- Nội dung hỗ trợ

+ Hỗ trợ tiền công lao động trực tiếp cho tổ chức, cá nhân thực hiện dự án khởi nghiệp sáng tạo;

+ Hỗ trợ chi phí cho tổ chức hoạt động tuyển chọn dự án; chi phí thuê chuyên gia; dịch vụ hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo (bao gồm hoạt động marketing, quảng bá sản phẩm, dịch vụ; đánh giá, định giá tài sản trí tuệ, công nghệ, doanh nghiệp; hỗ trợ tư vấn, xây dựng áp dụng và chứng nhận các hệ thống quản lý; tư vấn pháp lý; sở hữu trí tuệ); chi phí sử dụng cơ sở kỹ thuật, cơ sở ươm tạo, khu làm việc chung; chi phí ươm tạo, nghiên cứu phát triển, hoàn thiện công nghệ, sản xuất thử nghiệm sản phẩm khởi nghiệp đổi mới sáng tạo.

- Mức hỗ trợ

+ Dự án ở giai đoạn tiền ươm tạo

Mức hỗ trợ theo điểm a khoản 1 Điều 6 là 10 triệu đồng/dự án;

Mức hỗ trợ theo điểm b khoản 1 Điều 6 là 20 triệu đồng/dự án.

+ Dự án ở giai đoạn ươm tạo

Mức hỗ trợ theo điểm a khoản 1 Điều 6 là 20 triệu đồng/dự án;

Mức hỗ trợ theo điểm b khoản 1 Điều 6 là 40 triệu đồng/dự án.

+ Dự án ở giai đoạn tăng tốc

Mức hỗ trợ theo điểm a khoản 1 Điều 6 là 30 triệu đồng/dự án;

Mức hỗ trợ theo điểm b khoản 1 Điều 6 là 50 triệu đồng/dự án.

đ) Nội dung, mức hỗ trợ dự án khởi nghiệp sáng tạo ở giai đoạn phát triển doanh nghiệp

- Nội dung hỗ trợ

+ Hỗ trợ tiền công lao động trực tiếp thực hiện dự án khởi nghiệp sáng tạo;

+ Hỗ trợ chi phí thuê chuyên gia; dịch vụ hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo (bao gồm hoạt động marketing, quảng bá sản phẩm, dịch vụ; đánh giá, định giá tài sản trí tuệ, công nghệ, doanh nghiệp; hỗ trợ tư vấn, xây dựng áp dụng và chứng nhận các hệ thống quản lý; tư vấn pháp lý; sở hữu trí tuệ); chi phí sử dụng cơ sở kỹ thuật, cơ sở ươm tạo, khu làm việc chung; chi phí ươm tạo, nghiên cứu phát triển, hoàn thiện công nghệ, sản xuất thử nghiệm sản phẩm khởi nghiệp đổi mới sáng tạo.

- Mức hỗ trợ

+ Hỗ trợ tiền công lao động trực tiếp thực hiện dự án khởi nghiệp sáng tạo tối đa 400 triệu đồng/dự án.

Định mức lập dự toán tiền công lao động theo quy định tại điểm a khoản 1 mục II Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 58/2023/NQ-HĐND ngày 21/9/2023 của Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng quy định mức lập dự toán thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

+ Mức hỗ trợ chi phí thuê chuyên gia tư vấn, huấn luyện, đào tạo, phối hợp nghiên cứu phát triển dự án khởi nghiệp sáng tạo

Hỗ trợ chi phí thuê chuyên gia trong nước: mức hỗ trợ tối đa 15 triệu đồng/chuyên gia. Trong trường hợp cần thiết phải thuê chuyên gia đào tạo chuyên sâu, dài ngày (từ 30 ngày trở lên), mức hỗ trợ tối đa 40 triệu đồng/chuyên gia;

Hỗ trợ chi phí thuê chuyên gia quốc tế: doanh nghiệp căn cứ nội dung yêu cầu công việc thuê chuyên gia thực hiện thương thảo mức tiền thuê chuyên gia, thuyết minh rõ sự cần thiết, kết quả của việc thuê chuyên gia, tiêu chí đánh giá kết quả thuê chuyên gia làm cơ sở phê duyệt về số lượng và mức kinh phí thuê chuyên gia theo hợp đồng khoán việc;

+ Mức hỗ trợ chi phí dịch vụ hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tối đa 200 triệu đồng/dự án, trong đó:

Hỗ trợ hoạt động marketing, quảng bá sản phẩm, dịch vụ; đánh giá, định giá tài sản trí tuệ, công nghệ, doanh nghiệp; hỗ trợ tư vấn, xây dựng áp dụng và chứng nhận các hệ thống quản lý; tư vấn pháp lý: Hỗ trợ tối đa 150 triệu/dự án.

Thực hiện theo các quy định hiện hành về chế độ và định mức chi tiêu ngân sách nhà nước (nếu có), thanh toán theo hợp đồng và thực tế phát sinh trong phạm vi dự toán được phê duyệt;

Hỗ trợ hoạt động sở hữu trí tuệ, bao gồm: Hỗ trợ 35 triệu đồng/văn bằng bảo hộ đối với sáng chế/giải pháp hữu ích/ giống cây trồng mới trong nước; Hỗ trợ kinh phí 15 triệu đồng/văn bằng bảo hộ đối với đơn đăng ký bảo hộ kiểu dáng công nghiệp và nhãn hiệu trong nước; Hỗ trợ 60 triệu đồng/văn bằng bảo hộ đối với sáng chế, giải pháp hữu ích, kiểu dáng công nghiệp và nhãn hiệu, giống cây trồng mới ở nước ngoài.

+ Mức hỗ trợ sử dụng cơ sở kỹ thuật, cơ sở ươm tạo, khu làm việc chung:

Hỗ trợ chi phí sử dụng trang thiết bị tại cơ sở kỹ thuật, cơ sở ươm tạo, khu làm việc chung nhưng tối đa 50 triệu đồng/năm/doanh nghiệp;

Hỗ trợ chi phí thuê mặt bằng tại các cơ sở ươm tạo, khu làm việc chung nhưng tối đa 15 triệu đồng/tháng/doanh nghiệp. Thời gian hỗ trợ tối đa 12 tháng/doanh nghiệp;

Hỗ trợ kinh phí thuê không gian số, dịch vụ hỗ trợ trực tuyến cho doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, mức hỗ trợ tối đa 10 triệu đồng/tháng/doanh nghiệp. Thời gian hỗ trợ tối đa 12 tháng/doanh nghiệp.

Thực hiện theo các quy định hiện hành về chế độ và định mức chi tiêu ngân sách nhà nước (nếu có), thanh toán theo hợp đồng và thực tế phát sinh trong phạm vi dự toán được phê duyệt;

+ Hỗ trợ kinh phí sản xuất thử nghiệm, làm sản phẩm mẫu, hoàn thiện công nghệ để phát triển dự án cho doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, mức hỗ trợ tối đa 300 triệu đồng.

Thực hiện theo các quy định hiện hành về chế độ và định mức chi tiêu ngân sách nhà nước (nếu có), thanh toán theo hợp đồng và thực tế phát sinh trong phạm vi dự toán được phê duyệt.

- Tổng mức hỗ trợ dự án khởi nghiệp sáng tạo ở giai đoạn phát triển doanh nghiệp tối đa 01 tỷ đồng/dự án.

e) Thẩm quyền quyết định hỗ trợ: Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ.

g) Trình tự, thủ tục xét hồ sơ đề nghị hỗ trợ phát triển dự án khởi nghiệp sáng tạo giai đoạn tiền ươm tạo, ươm tạo, tăng tốc tại các tổ chức trung gian và dự án khởi nghiệp sáng tạo ở giai đoạn phát triển doanh nghiệp theo phương thức hỗ trợ trước

- Trình tự thực hiện

+ Cá nhân có dự án khởi nghiệp sáng tạo theo khoản 2 Điều 3 đăng ký tham gia các chương trình tiền ươm tạo, ươm tạo, tăng tốc tại các tổ chức trung gian. Tổ chức trung gian tổ chức tuyển chọn các dự án khởi nghiệp sáng tạo để hỗ trợ phát triển dự án khởi nghiệp sáng tạo giai đoạn tiền ươm tạo, ươm tạo, tăng tốc;

+ Hàng năm, Sở Khoa học và Công nghệ thông báo về việc tiếp nhận hồ sơ đề xuất hỗ trợ phát triển dự án khởi nghiệp sáng tạo để các tổ chức trung gian, doanh nghiệp biết và đề xuất nhiệm vụ hỗ trợ;

+ Tổ chức trung gian, doanh nghiệp có dự án khởi nghiệp sáng tạo nộp hồ sơ đề xuất nhiệm vụ hỗ trợ phát triển dự án khởi nghiệp sáng tạo về Sở Khoa học và Công nghệ;

+ Sở Khoa học và Công nghệ tiếp nhận hồ sơ đầy đủ, hợp lệ từ bộ phận tiếp nhận và trả kết quả;

+ Sở Khoa học và Công nghệ tổ chức Hội đồng đánh giá hồ sơ đề xuất nhiệm vụ hỗ trợ

Trong 20 (hai mươi) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, Sở Khoa học và Công nghệ tổ chức Hội đồng đánh giá hồ sơ đề xuất nhiệm vụ hỗ trợ. Quy định về việc thành lập Hội đồng tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị quyết.

Trên cơ sở kết quả làm việc của Hội đồng, trong 05 (năm) ngày làm việc, Sở Khoa học và Công nghệ đề nghị tổ chức trung gian/doanh nghiệp bổ sung, làm rõ thêm nội dung đề xuất và các hồ sơ liên quan (nếu có). Thời gian bổ sung hoàn thiện hồ sơ tối đa 15 (mười lăm) ngày làm việc.

Trường hợp không hỗ trợ, Sở Khoa học và Công nghệ có văn bản thông báo kết quả xét duyệt hồ sơ cho tổ chức, doanh nghiệp.

+ Sở Khoa học và Công nghệ thành lập Tổ thẩm định kinh phí

Trong 30 (ba mươi) ngày làm việc kể từ khi nhận được thuyết minh nhiệm vụ hoàn thiện theo ý kiến của Hội đồng, Sở Khoa học và Công nghệ thành lập Tổ thẩm định và tổ chức thẩm định kinh phí hỗ trợ. Quy định về việc thành lập Tổ thẩm định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị quyết.

+ Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hoàn thiện theo kết luận của Tổ thẩm định, Sở Khoa học và Công nghệ ban hành Quyết định phê duyệt đơn vị chủ trì và kinh phí hỗ trợ (theo Mẫu 04.QĐPD tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị quyết), ký kết Hợp đồng hỗ trợ kinh phí thực hiện nhiệm vụ.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

- Thành phần hồ sơ gồm có:

+ Bản chính Đơn đề nghị hỗ trợ (theo Mẫu 01. ĐĐN theo Phụ lục II);

+ Bản sao có chứng thực Quyết định thành lập hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của tổ chức trung gian/doanh nghiệp đề xuất nhiệm vụ. Trong trường hợp tra cứu, khai thác được thông tin từ cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp thì tổ chức không phải nộp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

+ Bản chính thuyết minh nhiệm vụ theo Mẫu 02.TMNV-TCTG (đối với tổ chức trung gian), Mẫu 03.TMNV-DN (đối với doanh nghiệp) theo phụ lục II đính kèm;

+ Xác nhận việc chấp hành nghĩa vụ thuế, bảo hiểm xã hội đối với người lao động (Bản chính hoặc bản sao có chứng thực).

- Quy định cách thức thực hiện, thời hạn giải quyết, cơ quan giải quyết và kết quả giải quyết thủ tục hành chính.

h) Đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ hỗ trợ phát triển dự án khởi nghiệp sáng tạo

- Trình tự thực hiện

+ Trước thời điểm kết thúc hợp đồng, tổ chức trung gian, doanh nghiệp chủ trì thực hiện nhiệm vụ gửi hồ sơ đề nghị đánh giá, nghiệm thu về Sở Khoa học và Công nghệ; Trong trường hợp bất khả kháng không thể tiếp tục thực hiện nhiệm vụ, tổ chức trung gian, doanh nghiệp chủ trì thực hiện nhiệm vụ gửi hồ sơ đề nghị dừng triển khai nhiệm vụ về Sở Khoa học và Công nghệ.

+ Sở Khoa học và Công nghệ tiếp nhận hồ sơ đầy đủ, hợp lệ từ bộ phận tiếp nhận và trả kết quả.

+ Trong thời hạn 20 (hai mươi) ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Sở Khoa học và Công nghệ quyết định thành lập hội đồng đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện. Quy định về việc thành lập Hội đồng tại Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị quyết. Trường hợp kết quả thực hiện nhiệm vụ được đánh giá đạt yêu cầu, trong thời hạn 07 ngày làm việc, tổ chức trung gian, doanh nghiệp chủ trì thực hiện nhiệm vụ có trách nhiệm chỉnh sửa, bổ sung các ý kiến góp ý của Hội đồng (nếu có).

Trường hợp kết quả thực hiện nhiệm vụ được Hội đồng đánh giá nghiệm thu xếp loại không đạt yêu cầu hoặc nhiệm vụ dừng thực hiện. Hội đồng đánh giá, nghiệm thu tiến hành xác định nguyên nhân dẫn đến việc nhiệm vụ không hoàn thành hoặc dừng thực hiện.

+ Phê duyệt kết quả thực hiện nhiệm vụ: Trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ đầy đủ và đạt yêu cầu, Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm xem xét ban hành Quyết định công nhận kết quả thực hiện nhiệm vụ (theo Mẫu 07.QĐCN tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị quyết);

Đối với kết quả thực hiện nhiệm vụ được Hội đồng đánh giá nghiệm thu xếp loại không đạt yêu cầu hoặc nhiệm vụ dừng thực hiện, Sở Khoa học và Công nghệ ban hành Quyết định về việc hoàn trả kinh phí cho ngân sách nhà nước và tiến hành thu hồi kinh phí hỗ trợ, cụ thể như sau:

Tổ chức trung gian, doanh nghiệp chủ trì thực hiện nhiệm vụ có trách nhiệm nộp hoàn trả ngân sách nhà nước toàn bộ số kinh phí của nhiệm vụ đã được cấp nhưng chưa sử dụng.

Đối với phần kinh phí của nhiệm vụ đã sử dụng:

Trường hợp do nguyên nhân khách quan (thiên tai, hỏa hoạn, tai nạn hoặc các nguyên nhân khách quan liên quan đến công nghệ, thị trường và các trường hợp khách quan khác theo ý kiến của Hội đồng đánh giá nghiệm thu nhiệm vụ): không phải hoàn trả kinh phí đã sử dụng.

Trường hợp do nguyên nhân chủ quan: Tổ chức chủ trì có trách nhiệm nộp hoàn trả ngân sách nhà nước 20% tổng kinh phí ngân sách nhà nước đã sử dụng đúng quy định. Trường hợp do nguyên nhân chủ quan và không chứng minh được kinh phí đã sử dụng đúng quy định: nộp trả 100% kinh phí đã sử dụng.

Căn cứ biên bản đánh giá, nghiệm thu của Hội đồng, Quyết định công nhận kết quả triển khai nhiệm vụ/ Quyết định về việc hoàn trả kinh phí cho ngân sách nhà nước, Sở Khoa học và Công nghệ thực hiện thủ tục thanh lý hợp đồng.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

- Thành phần hồ sơ gồm có:

+ Bản chính văn bản đề nghị đánh giá, nghiệm thu/dừng thực hiện nhiệm vụ (Mẫu 05.ĐNNT tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị quyết);

+ Bản chính báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ (Mẫu 06.BCKQ tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị quyết);

+ Bản chính báo cáo quyết toán tình hình sử dụng kinh phí;

+ Các hồ sơ, tài liệu khác có liên quan đến các sản phẩm trung gian theo thuyết minh nhiệm vụ và hợp đồng hỗ trợ thực hiện nhiệm vụ đã ký kết (nếu có).

- Quy định cách thức thực hiện, thời hạn giải quyết, cơ quan giải quyết và kết quả giải quyết thủ tục hành chính.

i) Trình tự, thủ tục xét hồ sơ đề nghị hỗ trợ dự án khởi nghiệp sáng tạo ở giai đoạn phát triển doanh nghiệp theo phương thức hỗ trợ sau

- Trình tự thực hiện

+ Nộp hồ sơ: Doanh nghiệp có dự án khởi nghiệp sáng tạo nộp hồ sơ đề nghị hỗ trợ trực tiếp về Sở Khoa học và Công nghệ. Thành phần hồ sơ theo quy định tại khoản 2 Điều 11 của dự thảo Nghị quyết.

+ Sở Khoa học và Công nghệ tiếp nhận hồ sơ đầy đủ, hợp lệ từ bộ phận tiếp nhận và trả kết quả;

+ Sở Khoa học và Công nghệ thành lập Tổ thẩm định hồ sơ: Hồ sơ đủ và hợp lệ, trong 15 (mười lăm) ngày làm việc, Sở Khoa học và Công nghệ thành lập Tổ thẩm định và tổ chức tổ chức thẩm định hồ sơ. Trên cơ sở kết quả làm việc của Tổ thẩm định, trong 05 (năm) ngày làm việc, Sở Khoa học và Công nghệ đề nghị doanh nghiệp bổ sung, làm rõ thêm nội dung dự án và các hồ sơ liên quan. Thời gian bổ sung hoàn thiện hồ sơ tối đa 10 (mười) ngày làm việc. Quy định về việc thành lập Tổ thẩm định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị quyết này.

+ Trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày làm việc kể từ ngày doanh nghiệp bổ sung đầy đủ hồ sơ, hợp lệ, Sở Khoa học và Công nghệ tổ chức Hội đồng đánh giá hồ sơ đề nghị hỗ trợ.

+ Trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày họp Hội đồng đánh giá, Sở Khoa học và Công nghệ ban hành Quyết định hỗ trợ kinh phí (theo Mẫu

08.HTKP tại phụ lục II ban hành kèm theo Nghị quyết này), ký kết Hợp đồng hỗ trợ, văn bản thông báo kết quả cho đơn vị đề xuất.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

- Thành phần hồ sơ:

+ Trường hợp doanh nghiệp có dự án khởi nghiệp sáng tạo đề xuất hỗ trợ theo nội dung quy định tại điểm a khoản 2 Điều 7 của Nghị quyết hoặc tổng hợp nhiều nội dung quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 7 của Nghị quyết, thành phần hồ sơ bao gồm:

Bản chính Đơn đề nghị hỗ trợ (theo Mẫu 01. ĐĐN đơn tại Phụ lục II).

Bản sao có chứng thực Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Trong trường hợp tra cứu, khai thác được thông tin từ cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp thì tổ chức không phải nộp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

Xác nhận việc chấp hành nghĩa vụ thuế, bảo hiểm xã hội đối với người lao động (Bản chính hoặc bản sao có chứng thực).

Bản chính báo cáo kết quả phát triển dự án khởi nghiệp sáng tạo theo Mẫu 06. BCKQ theo phụ lục II đính kèm.

+ Trường hợp doanh nghiệp có dự án khởi nghiệp sáng tạo đề xuất hỗ trợ một phần nội dung quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 7 của Nghị quyết, thành phần hồ sơ bao gồm:

Bản chính Đơn đề nghị hỗ trợ (theo Mẫu 01. ĐĐN đơn tại Phụ lục II).

Bản sao có chứng thực Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Trong trường hợp tra cứu, khai thác được thông tin từ cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp thì tổ chức không phải nộp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

Xác nhận việc chấp hành nghĩa vụ thuế, bảo hiểm xã hội đối với người lao động (Bản chính hoặc bản sao có chứng thực).

Bản chính báo cáo kết quả hoạt động thuê chuyên gia tư vấn, huấn luyện, đào tạo, phối hợp nghiên cứu phát triển dự án khởi nghiệp sáng tạo và các tài liệu minh chứng kèm theo đối với nội dung đề xuất hỗ trợ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 7 của Nghị quyết.

Bản chính báo cáo kết quả triển khai hoạt động marketing, quảng bá sản phẩm, dịch vụ và các tài liệu minh chứng kèm theo đối với nội dung đề xuất hỗ trợ quy định tại tiết đầu tiên điểm c khoản 2 Điều 7 của Nghị quyết.

Bản sao có chứng thực văn bằng bảo hộ sáng chế, giải pháp hữu ích, kiểu dáng công nghiệp và nhãn hiệu, giống cây trồng mới đối với nội dung đề xuất hỗ trợ quy định tại tiết thứ hai điểm c khoản 2 Điều 7 của Nghị quyết.

Bản sao có chứng thực Hợp đồng thuê sử dụng cơ sở kỹ thuật, cơ sở ươm tạo, khu làm việc chung; Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh của dự

án khởi nghiệp sáng tạo trong thời gian sử dụng dụng cụ kỹ thuật, cơ sở ươm tạo, khu làm việc chung đối với nội dung đề xuất hỗ trợ quy định tại điểm d khoản 2 Điều 7 của Nghị quyết.

Báo cáo kết quả triển khai hoạt động sản xuất thử nghiệm, làm sản phẩm mẫu, hoàn thiện công nghệ đối với nội dung đề xuất hỗ trợ quy định tại điểm d khoản 2 Điều 7 của Nghị quyết.

- Quy định cách thức thực hiện, thời hạn giải quyết, cơ quan giải quyết và kết quả giải quyết thủ tục hành chính.

k) Kinh phí thực hiện chính sách

Kinh phí thực hiện cân đối từ nguồn ngân sách nhà nước được bố trí trong dự toán ngân sách nhà nước hàng năm cho Sở Khoa học và Công nghệ. Sở Khoa học và Công nghệ tổ chức thực hiện và thanh quyết toán đảm bảo theo đúng quy định hiện hành.

VI. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHO VIỆC THI HÀNH VĂN BẢN SAU KHI ĐƯỢC THÔNG QUA

1. Nguồn lực thực hiện: Kinh phí được đảm bảo từ nguồn ngân sách nhà nước của thành phố.

Với vai trò, vị trí của thành phố Đà Nẵng đã được xác định trong Nghị quyết số 43/NQ-TW ngày 24/01/2019: “Xây dựng thành phố Đà Nẵng trở thành một trong những trung tâm kinh tế - xã hội lớn của cả nước và Đông Nam Á với vai trò là trung tâm về khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo”; tầm nhìn đến năm 2045 thành phố “trở thành đô thị lớn, sinh thái và thông minh, là trung tâm khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo và thành phố biển đáng sống đạt đẳng cấp khu vực Châu Á” và Nghị quyết Đại hội đại biểu lần thứ XXII Đảng bộ thành phố Đà Nẵng nhiệm kỳ 2020-2025 và Chương trình hành động số 01-CTr/TU ngày 10/12/2020 thực hiện Nghị quyết Đại hội lần thứ XXII Đảng bộ thành phố đã xác định: Phát triển mạnh mẽ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo để tạo sự bứt phá về năng suất lao động và sức cạnh tranh trong bối cảnh Cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Vì vậy, thành phố cần có chính sách đủ mạnh để hỗ trợ phát triển các dự án khởi nghiệp sáng tạo, góp phần phát triển kinh tế-xã hội của thành phố và mức chi hỗ trợ cần ở mức tương đương với trung ương và các địa phương khác.

Mức chi đề xuất trên cơ sở tham khảo mức chi tại Thông tư số 45/2019/TT-BTC; Điều 22 Nghị định số 80/2021/NĐ-CP ngày 26/8/2021 của Chính phủ; Nghị quyết số 328/NQ-HĐND ngày 09/12/2020 của HĐND thành phố quy định nội dung và mức chi từ ngân sách nhà nước để thực hiện hỗ trợ hệ sinh thái KNDMST trên địa bàn thành phố Đà Nẵng đến năm 2025; Nghị quyết 20/2023/NQ-HĐND ngày 11/11/2023 của HĐND thành phố Hồ Chí Minh quy định lĩnh vực ưu tiên, tiêu chí, điều kiện, nội dung và mức hỗ trợ dự án đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh và tham khảo mức chi hỗ trợ hoạt động KNDMST của một số địa phương khác cũng như

căn cứ tình hình thực tế hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, ươm tạo dự án khởi nghiệp sáng tạo trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

Dự kiến tổng mức chi ngân sách hỗ trợ trung bình khoảng 13,2 tỷ/năm được bố trí từ nguồn ngân sách nhà nước của thành phố Đà Nẵng. Trong đó: Hỗ trợ phát triển dự án khởi nghiệp sáng tạo giai đoạn tiền ươm tạo, ươm tạo, tăng tốc tại các tổ chức trung gian: dự kiến 3,2 tỷ đồng/năm; Hỗ trợ dự án khởi nghiệp sáng tạo ở giai đoạn phát triển doanh nghiệp: dự kiến 10 tỷ đồng/năm (Chi tiết tại Phụ lục II kèm theo).

2. Điều kiện đảm bảo thi hành sau khi văn bản được thông qua: Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm triển khai, hướng dẫn thực hiện.

3. Thời điểm thực hiện: Kể từ ngày Nghị quyết có hiệu lực.

Dự kiến trình Hội đồng nhân dân thành phố tại kỳ họp cuối năm 2024, khóa X, nhiệm kỳ 2021-2026.

Trên đây là Tờ trình dự thảo Nghị quyết quy định trình tự, thủ tục, điều kiện, số lượng, nội dung và mức hỗ trợ không hoàn lại từ ngân sách nhà nước để phát triển dự án khởi nghiệp sáng tạo trên địa bàn thành phố Đà Nẵng, UBND thành phố kính trình Hội đồng nhân dân thành phố xem xét, quyết định. /

Nơi nhận:

- Như trên;
- Các PCT UBND thành phố;
- Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND thành phố;
- Ban pháp chế HĐND thành phố;
- Sở Tư pháp;
- Sở Tài chính;
- Lưu: VT, SKHCN, KGVX.

10/11 + 10

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Lê Trung Chinh



Phụ lục I

BẢNG THUYẾT MINH ĐỀ XUẤT XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT CỦA HĐND THÀNH PHỐ QUY ĐỊNH TRÌNH TỰ, THỦ TỤC, ĐIỀU KIỆN, SỐ LƯỢNG, NỘI DUNG VÀ MỨC HỖ TRỢ KHÔNG HOÀN LẠI TỪ NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC ĐỂ PHÁT TRIỂN DỰ ÁN KHỞI NGHIỆP SÁNG TẠO TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG (Ban hành kèm theo Tờ trình số 274/TTr-UBND ngày 29 tháng 11 năm 2024 của UBND thành phố Đà Nẵng)

I. XÁC ĐỊNH VẤN ĐỀ BẮT CẬP TỔNG QUAN

1. Bối cảnh xây dựng chính sách

Trong xu thế hội nhập và phát triển hiện nay, khởi nghiệp và tạo dựng doanh nghiệp là động lực quan trọng của nền kinh tế. Đảng và Nhà nước đã có nhiều chủ trương, chính sách, tạo điều kiện, môi trường thuận lợi thúc đẩy khoa học, công nghệ và khởi nghiệp đổi mới sáng tạo (KNĐMST); Chính phủ đã cụ thể hóa bằng các cơ chế, chính sách, ban hành các khung khổ pháp lý và các đề án hỗ trợ hệ sinh thái KNĐMST quốc gia. Đây là cơ sở chính trị, nền tảng pháp lý quan trọng để phát triển mạnh mẽ hệ sinh thái khởi nghiệp - sáng tạo trong cả nước. Trên cơ sở Quyết định số 844/QĐ-TTg ngày 18/5/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia đến năm 2025”, thành phố Đà Nẵng đã triển khai nhiều hoạt động về KNĐMST, đặc biệt là xây dựng các cơ chế, chính sách để triển khai hoạt động KNĐMST trên địa bàn thành phố. Một số văn bản tiêu biểu đã được ban hành như: Chương trình số 36-CTr/TU ngày 13/01/2020 của Ban Thường vụ Thành ủy về Phát triển công nghệ cao, xây dựng Đà Nẵng thành trung tâm KNĐMST tầm quốc gia, là khu đô thị sáng tạo - khoa học - công nghệ đạt đẳng cấp quốc tế, có sức cạnh tranh cao; Quyết định số 3836/QĐ-UBND ngày 13/10/2020 của UBND thành phố về phê duyệt “Đề án Xây dựng Đà Nẵng thành trung tâm KNĐMST quốc gia tại khu vực miền Trung - Tây Nguyên”; Nghị quyết số 328/NQ-HĐND ngày 09/12/2020 của HĐND thành phố quy định nội dung và mức chi từ ngân sách nhà nước để thực hiện hỗ trợ hệ sinh thái KNĐMST trên địa bàn thành phố Đà Nẵng đến năm 2025; Kế hoạch số 216/KH-UBND ngày 21 tháng 12 năm 2021 của UBND thành phố về việc thực hiện Đề án “Hỗ trợ hệ sinh thái KNĐMST quốc gia đến năm 2025” trên địa bàn thành phố Đà Nẵng giai đoạn 2022 – 2025;...

Thành phố Đà Nẵng đã hình thành và phát triển hệ sinh thái KNĐMST với nhiều thành tố đa dạng được kết nối, hỗ trợ lẫn nhau với 03 Trung tâm Hỗ trợ KNĐMST; 09 vườn ươm; 03 không gian sáng chế; 08 không gian làm việc chung; 06 quỹ đầu tư khởi nghiệp; 10 câu lạc bộ khởi nghiệp ở các trường đại học, cao đẳng và cùng cộng đồng các doanh nghiệp KNĐMST. Thành phố đã ban hành nhiều cơ chế chính sách, chương trình, kế hoạch tạo cơ sở đẩy mạnh các hoạt động KNĐMST. Qua đó, hoạt động KNĐMST của thành phố đã có các kết quả tích cực và đi vào chiều sâu. Cơ sở vật chất kỹ thuật từng bước được đầu

tư, xây dựng phục vụ phát triển KNĐMST của thành phố. Cộng đồng doanh nghiệp KNĐMST không ngừng gia tăng về số lượng và chất lượng, trong đó một số doanh nghiệp KNĐMST có nền tảng công nghệ cao, bắt kịp xu hướng phát triển nhất là trong các lĩnh vực về công nghệ thông tin, ứng dụng trí tuệ nhân tạo, cơ khí tự động hóa, công nghệ sinh học... đã thu hút được vốn đầu tư từ các quỹ đầu tư trong nước và quốc tế, nhiều dự án đã gọi vốn thành công. Với những kết quả đã đạt được, thành phố Đà Nẵng đã 3 lần nhận được danh hiệu “Thành phố hấp dẫn khởi nghiệp Đổi mới sáng tạo” do Hiệp hội phần mềm và dịch vụ Công nghệ thông tin Việt Nam vinh danh (năm 2020, 2022 và 2023); được Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam tặng danh hiệu “Địa phương tiêu biểu xây dựng hệ sinh thái khởi nghiệp”, được Bộ Khoa học và Công nghệ đánh giá là một trong những địa phương có đóng góp nổi bật cho hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia. Đây là những lợi thế hỗ trợ thành phố Đà Nẵng phát triển hệ sinh thái KNĐMST trong thời gian tới.

Trong bối cảnh đó, ngày 24/01/2019, Bộ Chính trị đã ban hành Nghị quyết số 43-NQ/TW về “Xây dựng và phát triển thành phố Đà Nẵng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045”, trong đó đã xác định mục tiêu đến năm 2030 “Xây dựng thành phố Đà Nẵng trở thành một trong những trung tâm kinh tế - xã hội lớn của cả nước và Đông Nam Á với vai trò là trung tâm về khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo” và tầm nhìn đến năm 2045 thành phố “trở thành đô thị lớn, sinh thái và thông minh, là trung tâm khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo và thành phố biển đáng sống đạt đẳng cấp khu vực Châu Á”; Kết luận số 79-KL/TW ngày 13/5/2024 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 43-NQ/TW của Bộ Chính trị khóa XII về “Xây dựng và phát triển thành phố Đà Nẵng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045”, trong đó tiếp tục chỉ đạo “phát triển Đà Nẵng thành trung tâm đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp, trung tâm công nghệ cao của cả nước”, “tiếp tục đẩy mạnh cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, lấy khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo là động lực chính, phát triển kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn” và “ưu tiên nguồn lực đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng khoa học và công nghệ, khởi nghiệp đổi mới sáng tạo”. Đây là các cơ sở chính trị quan trọng để thành phố Đà Nẵng tiếp tục tập trung nguồn lực để thúc đẩy các hoạt động khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trên địa bàn thành phố.

Tuy đã đạt được một số kết quả ban đầu, có ý nghĩa tích cực thúc đẩy hoạt động khởi nghiệp trên địa bàn thành phố như đã nêu trên, nhưng nhìn chung cơ chế chính sách hỗ trợ phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo hiện nay còn nhiều hạn chế vướng mắc và chưa đủ mạnh để thúc đẩy phát triển các dự án, doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo. Để tiếp tục thực hiện các mục tiêu đã xác định tại Nghị quyết số 43-NQ/TW của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển thành phố Đà Nẵng “trở thành đô thị lớn, sinh thái và thông minh, là trung tâm khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo và thành phố biển đáng sống đạt đẳng cấp khu vực Châu Á” thì việc tham mưu Hội đồng nhân dân Thành phố ban hành Nghị quyết của HĐND thành phố quy định trình tự, thủ tục, điều kiện, số lượng, nội dung và mức hỗ trợ không hoàn lại từ ngân sách nhà nước để phát

triển dự án khởi nghiệp sáng tạo trên địa bàn thành phố Đà Nẵng là thật sự cần thiết và phù hợp với các quy định sau:

- Điểm d, đ khoản 1 Điều 14, Nghị quyết số 136/2024/QH15 của Quốc hội quy định như sau:

“...đ) Hội đồng nhân dân thành phố quy định trình tự, thủ tục, điều kiện, số lượng, nội dung và mức hỗ trợ quy định tại điểm d khoản 1 Điều 14 Nghị quyết số 136/2024/QH15.

d) Hỗ trợ không hoàn lại từ nguồn ngân sách Thành phố chi phí phát triển dự án khởi nghiệp sáng tạo gồm: chi phí tổ chức hoạt động tuyển chọn dự án; chi phí thuê chuyên gia; tiền công lao động trực tiếp; dịch vụ hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo; chi phí sử dụng cơ sở kỹ thuật, cơ sở ương tạo, khu làm việc chung; chi phí ương tạo, nghiên cứu phát triển, hoàn thiện công nghệ, sản xuất thử nghiệm sản phẩm khởi nghiệp đổi mới sáng tạo”.

- Khoản 1 Điều 27 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật quy định năm 2015 *“Hội đồng nhân dân cấp tỉnh ban hành Nghị quyết để quy định chi tiết điều, khoản, điểm được giao trong văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên”.*

2. Mục tiêu xây dựng chính sách

a) Mục tiêu tổng thể

Xây dựng cơ chế chính sách nhằm tạo bước đột phá trong hoạt động hỗ trợ phát triển các dự án khởi nghiệp sáng tạo trên địa bàn thành phố Đà Nẵng, góp phần xây dựng thành phố trở thành một trong những trung tâm kinh tế - xã hội lớn của cả nước và Đông Nam Á với vai trò là trung tâm về khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo theo tinh thần Nghị quyết số 43-NQ/TW ngày 24/01/2019 của Bộ Chính trị

b) Mục tiêu cụ thể

- Xây dựng, ban hành quy định trình tự, thủ tục, điều kiện, số lượng, nội dung và mức hỗ trợ không hoàn lại từ ngân sách nhà nước để phát triển dự án khởi nghiệp sáng tạo trên địa bàn thành phố Đà Nẵng theo đúng Nghị quyết số 136/2024/QH15 ngày 26 tháng 6 năm 2024 của Quốc hội về tổ chức mô hình chính quyền đô thị và thí điểm thực hiện một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển thành phố Đà Nẵng.

- Thúc đẩy việc hình thành và phát triển ngày càng nhiều doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo cho thành phố Đà Nẵng từ việc ứng dụng khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học.

- Xây dựng nền tảng vững chắc và lâu dài cho hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tại thành phố Đà Nẵng nói riêng và Việt Nam nói chung, từ đó góp phần vào sự phát triển kinh tế xã hội của đất nước.

- Nâng tầm hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo của thành phố Đà Nẵng và cả nước lên ngang tầm và có khả năng cạnh với hệ sinh thái của các nước trong khu vực và quốc tế.

II. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CHÍNH SÁCH

1. Chính sách 1: Hỗ trợ phát triển dự án khởi nghiệp sáng tạo giai đoạn tiền ươm tạo, ươm tạo, tăng tốc

1.1. Xác định vấn đề

a) Về trình tự, thủ tục

Hiện nay, hoạt động hỗ trợ phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trên địa bàn thành phố Đà Nẵng đang được triển khai thực hiện trên cơ sở Nghị quyết 328/2020/NQ-HĐND ngày 9/12/2020 của HĐND thành phố quy định nội dung và mức chi từ NSNN để thực hiện hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trên địa bàn thành phố đến năm 2025. Các nội dung hỗ trợ được xây dựng dưới hình thức các nhiệm vụ KH&CN hoặc hình thức tương đương nhiệm vụ khoa học công nghệ. Trong khi, Bộ Khoa học và Công nghệ cũng chưa có hướng dẫn thống nhất, cụ thể đối với việc quản lý các nhiệm vụ này nên cơ quan quản lý khó triển khai (Thông tư Thông tư số 45/2019/TT-BTC ngày 19/7/2019 của Bộ Tài chính về quy định quản lý tài chính thực hiện Đề án “Hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo Quốc gia đến năm 2025” hướng dẫn thực hiện theo hình thức nhiệm vụ khoa học và công nghệ; Thông tư 01/2018/TT-BKHHCN thì xếp nhiệm vụ hỗ trợ doanh nghiệp là nhiệm vụ định kỳ thực hiện hàng năm). Đồng thời, các doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo có thể được hỗ trợ theo Thông tư số 06/2022/TT-BKHĐT ngày 10/5/2022 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về Hướng dẫn một số điều của Nghị định số 80/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.

Việc thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo theo hình thức nhiệm vụ khoa học công nghệ gây nhiều khó khăn cho các doanh nghiệp khởi nghiệp nói chung và các dự án khởi nghiệp sáng tạo do các yêu cầu phức tạp về trình tự thủ tục đăng ký nhiệm vụ (đề xuất nhiệm vụ, xét chọn danh mục, đăng thông báo tuyển chọn, xét duyệt tổ chức chủ trì nhiệm vụ,...).

Mặt khác, để được hỗ trợ thì việc lựa chọn doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo thực hiện theo Điều 21 Nghị định số 80/2021/NĐ-CP và hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo đáp ứng quy định tại Điều 14, 15 của Thông tư số 06/2022/TT-BKHĐT ngày 10 tháng 5 năm 2022 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về hướng dẫn một số điều của Nghị định số 80/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của luật hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa. Trong khi thực tiễn số lượng doanh nghiệp đạt các yêu cầu trên rất ít và các doanh nghiệp đã có quỹ đầu tư tham gia thường không cần sự hỗ trợ của nhà nước. Ngoài ra nếu đã là doanh nghiệp khoa học và công nghệ hoặc doanh nghiệp công nghệ cao thì đã có các chính sách ưu

đãi hiện hành và không cần đến chính sách hỗ trợ này.

b) Về điều kiện và số lượng

Tại Mục II, Quyết định số 844/QĐ-TTG có quy định đối tượng được thụ hưởng chính sách hỗ trợ phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia là các cá nhân, nhóm cá nhân có dự án khởi nghiệp, doanh nghiệp khởi nghiệp có khả năng tăng trưởng nhanh dựa trên khai thác tài sản trí tuệ, công nghệ, mô hình kinh doanh mới; Doanh nghiệp khởi nghiệp có thời gian hoạt động không quá 5 năm kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu. Đồng thời, theo tại khoản 2 Điều 10, Thông tư số 45/2019/TT-BTC chỉ ưu tiên hỗ trợ kinh phí cho các doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo có thành tích xuất sắc, đạt thứ hạng cao tại cuộc thi khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trong các sự kiện khởi nghiệp đổi mới sáng tạo cấp quốc gia hoặc quốc tế, thời gian hỗ trợ: tối đa không quá 01 năm và số lượng hỗ trợ không quá 10 doanh nghiệp/năm. Việc khống chế số lượng doanh nghiệp được hỗ trợ sẽ làm giảm số lượng doanh nghiệp được thụ hưởng chính sách trên địa bàn thành phố, khó có thể xây dựng hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo với đa dạng các loại hình doanh nghiệp nhiều về số lượng, mạnh về chất lượng.

c) Về nội dung và mức chi

Hiện nay, Nghị quyết số 328/2020/NQ-HĐND chỉ thực hiện hỗ trợ trực tiếp cho các doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, chưa tập trung hỗ trợ các cá nhân và nhóm cá nhân có dự án khởi nghiệp sáng tạo tại các cơ sở ươm tạo, các trường đại học đang trong các giai đoạn ươm tạo và chưa thành lập doanh nghiệp, trong khi đây là nhóm đối tượng tiềm năng, đầu vào cho sự hình thành và phát triển thành doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo. Hàng năm trên địa bàn thành phố Đà Nẵng đã tổ chức nhiều cuộc thi về khởi nghiệp như cuộc thi khởi nghiệp sáng tạo thành phố Đà Nẵng, cuộc thi sinh viên nghiên cứu khoa học, cuộc thi khởi nghiệp công nghệ trong sinh viên, cuộc thi startup runway và một số cuộc thi khác (bình quân có trên 30 dự án tham gia/cuộc thi). Kết quả đã phát hiện nhiều dự án có tính mới, tính khả thi về công nghệ và mô hình kinh doanh, có thể tiếp tục phát triển, thương mại hóa sản phẩm nhưng chưa có chương trình, chính sách hỗ trợ. Về phía các tổ chức trung gian, các cơ sở ươm tạo trên địa bàn thành phố hiện đang hoạt động rất khó khăn, một mặt là các dự án khởi nghiệp sáng tạo giai đoạn non trẻ chưa sẵn sàng trả chi phí để tham gia các chương trình ươm tạo. Mặt khác, với các mục tiêu, định hướng khác nhau thì đa số các vườn ươm sẽ tuyển chọn các dự án ở các giai đoạn sẵn sàng tiếp cận thị trường nên tiêu chí lựa chọn vào các chương trình ươm tạo tại các cơ sở ươm tạo cũng sẽ khắt khe để đảm bảo thu lợi nhuận nhanh nhất, chính vì vậy các cơ sở ươm tạo lâu năm trên địa bàn thành phố như DNES, Sông Hàn cũng khó tuyển đủ dự án đầu vào cho các chương trình ươm tạo của mình. Trong khi đó giai đoạn tiền ươm tạo để giúp tạo ra các dự án tiềm năng cho thành phố thì hầu như còn bỏ ngỏ, chưa có đơn vị thực hiện nhất là các dự án hình thành trong các trường đại học, viện nghiên cứu. Thực tế, trong giai đoạn từ 2020-2023, thành phố có chỉ hỗ trợ 08 lượt doanh nghiệp, Viện triển khai chương trình ươm tạo,

tăng tốc với tổng kinh phí là 1.414 triệu đồng để thuê chuyên gia thực hiện các chương trình ươm tạo, nhưng chỉ tập trung vào việc thuê chuyên gia chưa có các nội dung khác và cũng không có nội dung hỗ trợ công lao động cho các dự án. Đặc biệt, chưa có hỗ trợ phát triển các dự án ở giai đoạn mới hình thành qua chương trình tiền ươm tạo. Vì vậy, số lượng dự án đầu vào cho các chương trình ươm tạo tiếp theo bị thiếu hụt nghiêm trọng, các vườn ươm gặp khó khăn trong việc tìm kiếm, tuyển chọn các dự án đủ tiêu chuẩn đầu vào.

Ngoài ra, đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa, Thông tư số 06/2022/TT-BKHĐT chỉ quy định về nội dung hỗ trợ cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo và chưa quy định việc hỗ trợ cho các dự án khởi nghiệp sáng tạo ở các giai đoạn ban đầu.

d) Về thực tiễn

Trong quá trình phát triển, một doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo (startup) cần trải qua rất nhiều giai đoạn, gồm: Ý tưởng – Nghiên cứu và phát triển (R&D) - Tiền ươm tạo - Ươm tạo - Tăng tốc - Phát triển và tăng trưởng, nhân rộng mô hình. Trong đó ở các giai đoạn nghiên cứu và phát triển (R&D) - tiền ươm tạo - ươm tạo hầu hết các nhóm đều là các dự án khởi nghiệp sáng tạo và chưa thành lập doanh nghiệp, đây cũng là giai đoạn mà hầu như các nguồn lực tư nhân không tham gia vào do rủi ro lớn, tuy nhiên đây lại là giai đoạn vô cùng quan trọng để tạo ra nguồn dự án khởi nghiệp sáng tạo, là đầu vào tiếp theo cho các chương trình của các tổ chức hỗ trợ tư nhân. Các chính sách về khoa học và công nghệ hiện nay đang tập trung chủ yếu cho giai đoạn hoạt động R&D, trong khi đó các giai đoạn còn lại bao gồm: tiền ươm tạo, ươm tạo (giai đoạn thương mại hóa) và tăng tốc chưa được cụ thể và đầy đủ so với thực tiễn phát triển của các doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo tại thành phố Đà Nẵng.

Trên thực tế để có được 01 doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, chưa nói đến việc có sản phẩm tốt đã được thị trường kiểm chứng thì phải ươm tạo được gấp 10 lần con số này, nghĩa là phải ươm tạo và hỗ trợ 10 dự án khởi nghiệp sáng tạo thì mới có được 01 doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo. Ngoài ra, để có được 01 doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo đủ điều kiện tiếp cận với các nhà đầu tư thì các tổ chức ươm tạo và tăng tốc tư nhân phải tiếp tục hỗ trợ cho 10 đến 15 doanh nghiệp trong vòng 4 tháng đến 6 tháng trước khi tiếp cận với các quỹ đầu tư mạo hiểm. Kinh nghiệm của các quốc gia khác như Singapore, Israel, New Zealand, ... đã chứng minh rằng ở giai đoạn dự án khởi nghiệp sáng tạo hay dự án đổi mới sáng tạo của doanh nghiệp nhỏ và vừa đều cần hoàn thiện sản phẩm và mô hình kinh doanh thì nhà nước là nguồn lực quan trọng đóng vai trò hỗ trợ chính cho các dự án được ươm tạo và phát triển, vì lúc này các dự án chưa đủ khả năng để tiếp cận các nguồn lực tư nhân và các tổ chức hỗ trợ, quỹ đầu tư cũng không mặn mà vì khả năng rủi ro cao, sinh lợi nhuận kém. Do đó, Nhà nước cần phát huy vai trò chính trong giai đoạn đầu (giai đoạn tiền ươm tạo, ươm tạo và tăng tốc) của các hoạt động thương mại hóa các sản phẩm từ kết quả nghiên cứu nhằm tạo ra sự thay đổi tích cực về mặt tư duy, ý thức xã hội về hoạt động đổi mới sáng tạo cũng như tạo nguồn dự án khởi nghiệp sáng tạo nhiều

hơn để kết nối với thị trường của khu vực tư nhân và thu hút nguồn vốn từ nước ngoài. Nói cách khác, hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo cần sự phát triển bền vững và lâu dài dựa trên việc tập trung phát triển các hoạt động ươm tạo doanh nghiệp ngay từ giai đoạn hình thành ý tưởng để từng bước hình thành và phát triển thành doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo.

Nghị quyết 328/2020/NQ-HĐND ngày 9/12/2020 của HĐND thành phố quy định nội dung và mức chi từ NSNN để thực hiện hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trên địa bàn thành phố đến năm 2025 cũng chỉ mới quy định nội dung và mức chi hỗ trợ đối với doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo và cũng hạn chế về thời gian, số lượng doanh nghiệp hỗ trợ. Việc hỗ trợ các dự án khởi nghiệp sáng tạo chỉ thực hiện đối với hình thức tham gia các cuộc thi khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trong nước và quốc tế. Đồng thời, thời hạn của Nghị quyết 328/2020/NQ-HĐND ngày 9/12/2020 của HĐND thành phố cũng chỉ còn 01 năm thực hiện đến năm 2025 theo thời hạn của Đề án 844 của Thủ tướng Chính phủ.

1.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

Ban hành cơ chế chính sách nhằm hỗ trợ các dự án khởi nghiệp sáng tạo theo từng giai đoạn phát triển bao gồm: tiền ươm tạo, ươm tạo và tăng tốc. Trong đó, quy định cụ thể trình tự thủ tục, điều kiện, số lượng và nội dung mức chi hỗ trợ cho các dự án khởi nghiệp sáng tạo. Để tạo tiền đề cho việc phát triển các doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo trên địa bàn thành phố.

1.3. Các giải pháp đề xuất giải quyết vấn đề

a) Giải pháp 1: Giữ nguyên hiện trạng. Áp dụng các mức chi và nội dung hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo theo các văn bản hiện hành.

b) Giải pháp 2: Quy định chính sách hỗ trợ phát triển dự án khởi nghiệp sáng tạo giai đoạn tiền ươm tạo, ươm tạo, tăng tốc tại các tổ chức trung gian

1. Về trình tự, thủ tục: Quy định xét hồ sơ đề nghị hỗ trợ phát triển dự án khởi nghiệp sáng tạo giai đoạn tiền ươm tạo, ươm tạo, tăng tốc tại các tổ chức trung gian.

2. Hình thức hỗ trợ: Hỗ trợ trực tiếp kinh phí trả công lao động trực tiếp cho dự án và hỗ trợ kinh phí khác thông qua các tổ chức trung gian.

3. Về điều kiện và số lượng: Tại thời điểm đăng ký, chưa nhận được bất kỳ nguồn kinh phí hỗ trợ từ ngân sách thành phố cho nội dung đề nghị hỗ trợ của giai đoạn đề xuất hỗ trợ. Chấp hành đầy đủ các nghĩa vụ về thuế đối với Nhà nước, bảo hiểm xã hội cho người lao động. Về số lượng dự án hỗ trợ: Không giới hạn số lượng dự án khởi nghiệp sáng tạo được hỗ trợ trong năm.

4. Về nội dung, mức hỗ trợ:

Nội dung hỗ trợ: Hỗ trợ tiền công lao động trực tiếp cho tổ chức, cá nhân thực hiện dự án khởi nghiệp sáng tạo; Hỗ trợ chi phí tổ chức hoạt động tuyển chọn dự án; chi phí thuê chuyên gia; dịch vụ hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo (bao gồm hoạt động marketing, quảng bá sản phẩm, dịch vụ và hoạt động đánh

giá, định giá tài sản trí tuệ, tư vấn pháp lý, sở hữu trí tuệ); chi phí sử dụng cơ sở kỹ thuật, cơ sở ươm tạo, khu làm việc chung; chi phí ươm tạo, nghiên cứu phát triển, hoàn thiện công nghệ, sản xuất thử nghiệm sản phẩm khởi nghiệp đổi mới sáng tạo.

Mức hỗ trợ: Mức hỗ trợ dự án ở giai đoạn tiền ươm tạo là 30 triệu đồng/dự án; Dự án ở giai đoạn ươm tạo là 60 triệu đồng/dự án; Mức hỗ trợ dự án ở giai đoạn tăng tốc là 80 triệu đồng/dự án.

1.4. Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan

a) Giải pháp 1: Giữ nguyên hiện trạng. Không quy định chính sách mà áp dụng các mức chi và nội dung hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo theo các văn bản hiện hành.

- Tác động về kinh tế: Khó phát triển nhiều dự án khởi nghiệp sáng tạo, nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ cho thành phố Đà Nẵng. Chưa tạo được cơ chế để hỗ trợ cho các cá nhân và nhóm cá nhân có dự án khởi nghiệp sáng tạo tại các cơ sở ươm tạo, tại các trường đại học đang trong các giai đoạn ươm tạo và chưa thành lập doanh nghiệp; trong khi, đây là nhóm đối tượng tiềm năng để phát triển thành doanh nghiệp KNST (thực tế cho thấy phải ươm từ 7 đến 10 dự án khởi nghiệp sáng tạo mới ra được 01 doanh nghiệp KNST).

Chưa đáp ứng được yêu cầu thực tiễn và chưa tạo được động lực để thúc đẩy doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo. Các doanh nghiệp đang trong giai đoạn hoàn thiện sản phẩm, xây dựng mô hình kinh doanh phù hợp đang rất cần sự hỗ trợ của nhà nước thì không được ưu tiên, không có cơ chế hỗ trợ.

- Tác động về mặt xã hội: Chưa thể hiện được vai trò hỗ trợ của nhà nước trong việc hỗ trợ vào các giai đoạn mà khu vực tư nhân hầu như không tham gia, giai đoạn rủi ro cao, là giai đoạn của các dự án khởi nghiệp sáng tạo còn non trẻ, mà ưu tiên tại các trường đại học, cao đẳng.

- Tác động về vấn đề giới: Giải pháp này không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền và lợi ích của mỗi giới, không có sự phân biệt về giới.

- Tác động về thủ tục hành chính: Không phát sinh các vấn đề về thủ tục hành chính

- Tác động đối với hệ thống pháp luật: không đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật do không thực hiện nội dung được giao tại Nghị quyết của Quốc hội. Các tổ chức, cá nhân không có cơ sở để thi hành chính sách về phát triển dự án khởi nghiệp Nghị quyết số 136/2024/QH15

Khả năng thi hành và tuân thủ của Việt Nam đối với các điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên: không trái với các điều ước quốc tế có liên quan mà Việt Nam là thành viên.

b) Giải pháp 2

Quy định chính sách hỗ trợ phát triển dự án khởi nghiệp sáng tạo giai đoạn tiền ươm tạo, ươm tạo, tăng tốc tại các tổ chức trung gian

- Tác động về kinh tế:

+ Về cơ chế tài chính trong hoạt động hỗ trợ ươm tạo từ ngân sách nhà nước cho các dự án khởi nghiệp sáng tạo, thành phố sẽ xây dựng được một hệ sinh thái KNĐMST có nền tảng ổn định và lâu dài. Kinh nghiệm của các quốc gia có hệ sinh thái phát triển thì hầu hết các doanh nghiệp KNST (startups) đều xuất phát từ các nghiên cứu của trường đại học, cao đẳng. Và ở giai đoạn ươm tạo, nhà nước đóng vai trò là nhà đầu tư thiên thần cho các dự án ở giai đoạn phát triển sớm. Chính sách này cũng sẽ thúc đẩy hình thành các công nghệ lõi, các công nghệ chuyên sâu trong các lĩnh vực là thế mạnh của thành phố từ đó tạo lợi thế cạnh tranh cho hệ sinh thái KNĐMST của thành phố.

Dự kiến mỗi năm thành phố sẽ chi khoảng 3,2 tỷ đồng để hỗ trợ các dự án khởi nghiệp sáng tạo ở các giai đoạn này, trong đó, số lượng dự án khởi nghiệp sáng tạo ở giai đoạn tiền ươm tạo khoảng 30 dự án, tương ứng mức kinh phí 1.200 triệu đồng; số lượng dự án khởi nghiệp sáng tạo ở giai đoạn ươm tạo khoảng 20 dự án, tương ứng mức kinh phí 1.200 triệu đồng; số lượng dự án khởi nghiệp sáng tạo ở giai đoạn tăng tốc khoảng 10 dự án, tương ứng mức kinh phí 800 triệu đồng.

- Tác động về mặt xã hội: Việc hỗ trợ phát triển các dự án khởi nghiệp sẽ tạo tiền đề cho việc thành lập các doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, doanh nghiệp khoa học công nghệ. Từng bước xây dựng cộng đồng doanh nghiệp khởi nghiệp có chiều rộng và chiều sâu. Tạo động lực cho việc phát triển kinh tế - xã hội.

- Tác động về vấn đề giới: Giải pháp này không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền và lợi ích của mỗi giới, không có sự phân biệt về giới.

- Tác động về thủ tục hành chính: Chính sách có quy định thủ tục hành chính.

+ Sự cần thiết: Để đảm bảo việc tổ chức xét chọn, hỗ trợ được công khai, minh bạch, bình đẳng, không trùng lặp, đảm bảo các quyền lợi, trách nhiệm của các dự án khởi nghiệp sáng tạo tham gia chính sách hỗ trợ phát triển dự án khởi nghiệp sáng tạo.

+ Tính hợp pháp: Ban hành theo đúng thẩm quyền được giao tại Nghị quyết số 136/2024/QH15, Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2020) và các quy định của pháp luật về kiểm soát thủ tục hành chính.

+ Tính hợp lý: Xác định rõ và phù hợp tên thủ tục hành chính, xác định rõ đối tượng thực hiện và phạm vi áp dụng là các tổ chức trung gian có chương trình ươm tạo cho các dự án khởi nghiệp sáng tạo ở giai đoạn tiền ươm tạo, ươm tạo và tăng tốc nhằm tạo ra các doanh nghiệp khởi nghiệp có khả năng đóng góp

cho phát triển kinh tế-xã hội thành phố. Xác định rõ thẩm quyền về cơ quan giải quyết thủ tục hành chính. Không mở rộng ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện thủ tục hành chính vì việc quy định Sở Khoa học và Công nghệ là cơ quan đầu mối tiếp nhận hồ sơ, theo dõi tình trạng và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính là phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của Sở Khoa học và Công nghệ.

+ Chi phí tuân thủ: Không phát sinh phí, lệ phí và các chi phí khác.

Báo cáo đánh giá tác động thủ tục hành chính kèm theo.

- Tác động đối với hệ thống pháp luật:

Đảm bảo triển khai các nội dung được giao tại Nghị quyết số 136/2024/QH15, đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật. Tạo cơ sở pháp lý cho việc thi hành và tuân thủ pháp luật của các cơ quan, tổ chức, cá nhân.

Khả năng thi hành và tuân thủ của Việt Nam đối với các điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên: không trái với các điều ước quốc tế có liên quan mà Việt Nam là thành viên.

Do đó, việc đề xuất lựa chọn giải pháp 2 là phù hợp.

2. Chính sách hỗ trợ dự án khởi nghiệp sáng tạo giai đoạn phát triển doanh nghiệp

2.1 Xác định vấn đề bất cập

Theo quy định hiện nay, đối tượng đang được hỗ trợ chủ yếu là các doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo/doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo, nội dung và mức hỗ trợ được thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 328/2020/NQ-HĐND ngày 09/12/2020 của Hội đồng nhân dân thành phố quy định nội dung và mức chi từ ngân sách nhà nước để thực hiện hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trên địa bàn thành phố Đà Nẵng đến năm 2025, Thông tư số 06/2022/TT-BKHĐT ngày 10 tháng 5 năm 2022 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về hướng dẫn một số điều của Nghị định số 80/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của luật hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa. Trong quá trình thực hiện, số lượng doanh nghiệp đạt các yêu cầu của Nghị quyết số 328/2020/NQ-HĐND và Thông tư số 06/2022/TT-BKHĐT nêu trên rất ít, trong giai đoạn từ 2020-2023, số lượng doanh nghiệp được nhận hỗ trợ là 19 doanh nghiệp với tổng kinh phí hỗ trợ là 3,673 tỉ đồng để hoàn thiện công nghệ, phát triển sản phẩm khởi nghiệp, sử dụng các dịch vụ và ươm tạo, phát triển các dự án khởi nghiệp. Trung bình mỗi năm chỉ hỗ trợ được 04 doanh nghiệp, về số lượng và tổng kinh phí hỗ trợ của thành phố Đà Nẵng còn thấp, chưa thu hút được các dự án chất lượng về khởi nghiệp tại thành phố. Trong khi đó, trình tự thủ tục để hỗ trợ doanh nghiệp giai đoạn này thực hiện theo hình thức nhiệm vụ khoa học và công nghệ là rất khó khăn cho doanh nghiệp.

Bên cạnh đó, quá trình triển khai thực tiễn cho thấy hầu hết các doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo có thành tích xuất sắc, đạt thứ hạng cao tại

cuộc thi khởi nghiệp đổi mới sáng tạo thông thường họ không cần sự hỗ trợ của nhà nước vì hầu hết các doanh nghiệp này đã có sản phẩm hoàn thiện, mô hình kinh doanh phù hợp và được thị trường chấp nhận, các nhà đầu tư tư nhân sẵn sàng đầu tư cho họ. Trên thực tế, để có được 01 doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo đủ điều kiện tiếp cận với các Nhà đầu tư thì các tổ chức ươm tạo và tăng tốc tư nhân phải tiếp tục hỗ trợ cho 10 đến 15 doanh nghiệp trong vòng 4 tháng đến 6 tháng trước khi tiếp cận với các quỹ đầu tư mạo hiểm. Kinh nghiệm của các quốc gia khác như Singapore, Israel, New Zealand, ... đã chứng minh rằng ở giai đoạn dự án khởi nghiệp sáng tạo hay dự án đổi mới sáng tạo của doanh nghiệp nhỏ và vừa đều cần hoàn thiện sản phẩm và mô hình kinh doanh thì nhà nước là nguồn lực quan trọng đóng vai trò hỗ trợ chính cho các dự án được ươm tạo và phát triển. Do đó, Nhà nước cần phát huy vai trò chính trong giai đoạn đầu của các doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, tạo tiền đề cho các doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo có khả năng kết nối với các quỹ đầu tư hoặc các nhà đầu tư trong nước và quốc tế, tạo bước nhảy vọt cho các doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, góp phần xây dựng hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo của thành phố Đà Nẵng có cộng đồng khởi nghiệp nhiều về số lượng, mạnh về chất lượng.

1.2. Mục tiêu giải quyết vấn đề

Ban hành chính sách hỗ trợ phát triển dự án khởi nghiệp sáng tạo ở giai đoạn phát triển doanh nghiệp trên cơ sở hoàn thiện các quy định phù hợp với quy định hiện hành và tình hình thực tế tại địa phương, tạo bước đột phá trong hoạt động khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, thúc đẩy phong trào khởi nghiệp sáng tạo của thành phố, từng bước đóng góp vào sự phát triển kinh tế - xã hội của thành phố.

1.3. Các giải pháp đề xuất giải quyết vấn đề

a) Giải pháp 1: Giữ nguyên hiện trạng. Không quy định chính sách mà áp dụng các mức chi và nội dung hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo theo các văn bản hiện hành.

b) Giải pháp 2: Quy định hỗ trợ dự án khởi nghiệp sáng tạo ở giai đoạn phát triển doanh nghiệp

1. Về trình tự, thủ tục: Quy định hỗ trợ dự án khởi nghiệp sáng tạo ở giai đoạn phát triển doanh nghiệp theo 02 phương thức là hỗ trợ trước và hỗ trợ sau.

2. Hình thức hỗ trợ:

Hỗ trợ dự án khởi nghiệp sáng tạo ở giai đoạn phát triển doanh nghiệp theo phương thức hỗ trợ trước.

Hỗ trợ dự án khởi nghiệp sáng tạo ở giai đoạn phát triển doanh nghiệp theo phương thức hỗ trợ sau.

Việc áp dụng linh hoạt hình thức hỗ trợ (hỗ trợ trước và hỗ trợ sau) sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho các dự án khởi nghiệp sáng tạo trên địa bàn thành phố tiếp cận và được hưởng chính sách. Thúc đẩy việc hình thành các doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo trên địa bàn thành phố.

3. Về nội dung, mức hỗ trợ:

Nội dung hỗ trợ: Hỗ trợ tiền công lao động trực tiếp cho tổ chức, cá nhân thực hiện dự án khởi nghiệp sáng tạo; Hỗ trợ chi phí tổ chức hoạt động tuyển chọn dự án; chi phí thuê chuyên gia; dịch vụ hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo (bao gồm hoạt động marketing, quảng bá sản phẩm, dịch vụ và hoạt động đánh giá, định giá tài sản trí tuệ, tư vấn pháp lý, sở hữu trí tuệ); chi phí sử dụng cơ sở kỹ thuật, cơ sở ươm tạo, khu làm việc chung; chi phí ươm tạo, nghiên cứu phát triển, hoàn thiện công nghệ, sản xuất thử nghiệm sản phẩm khởi nghiệp đổi mới sáng tạo.

Mức hỗ trợ:

a) Hỗ trợ tiền công lao động trực tiếp cho tổ chức, cá nhân, nhóm cá nhân, doanh nghiệp thực hiện dự án khởi nghiệp sáng tạo tối đa 400 triệu đồng/dự án.

Định mức lập dự toán tiền công lao động theo quy định tại điểm a khoản 1 mục II Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 58/2023/NQ-HĐND ngày 21/9/2023 của Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng quy định mức lập dự toán thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

b) Mức hỗ trợ chi phí thuê chuyên gia tư vấn, huấn luyện, đào tạo, phối hợp nghiên cứu phát triển dự án khởi nghiệp sáng tạo

- Hỗ trợ chi phí thuê chuyên gia trong nước: mức hỗ trợ tối đa 15.000.000 đồng/chuyên gia. Trong trường hợp cần thiết phải thuê chuyên gia đào tạo chuyên sâu, dài ngày (từ 30 ngày trở lên), mức hỗ trợ tối đa 40.000.000 đồng/chuyên gia;

- Hỗ trợ chi phí thuê chuyên gia quốc tế: doanh nghiệp căn cứ nội dung yêu cầu công việc thuê chuyên gia thực hiện thương thảo mức tiền thuê chuyên gia, thuyết minh rõ sự cần thiết, kết quả của việc thuê chuyên gia, tiêu chí đánh giá kết quả thuê chuyên gia làm cơ sở phê duyệt về số lượng và mức kinh phí thuê chuyên gia theo hợp đồng khoán việc.

c) Mức hỗ trợ chi phí dịch vụ hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo bao gồm: hỗ trợ tối đa 200.000.000 đồng/dự án, trong đó:

- Hỗ trợ hoạt động marketing, quảng bá sản phẩm, dịch vụ; đánh giá, định giá tài sản trí tuệ, công nghệ, doanh nghiệp; tư vấn pháp lý: Hỗ trợ tối đa 150 triệu/dự án.

Thực hiện theo các quy định hiện hành về chế độ và định mức chi tiêu ngân sách nhà nước (nếu có), thanh toán theo hợp đồng và thực tế phát sinh trong phạm vi dự toán được phê duyệt;

- Hỗ trợ hoạt động sở hữu trí tuệ, bao gồm: Hỗ trợ 35 triệu đồng/văn bằng bảo hộ đối với sáng chế/giải pháp hữu ích/ giống cây trồng mới trong nước; Hỗ trợ kinh phí 15 triệu đồng/văn bằng bảo hộ đối với đơn đăng ký bảo hộ kiểu dáng công nghiệp và nhãn hiệu trong nước; Hỗ trợ 60 triệu đồng/văn bằng bảo

hộ đối với sáng chế, giải pháp hữu ích, kiểu dáng công nghiệp và nhãn hiệu, giống cây trồng mới ở nước ngoài.

d) Mức hỗ trợ sử dụng cơ sở kỹ thuật, cơ sở ươm tạo, khu làm việc chung:

- Hỗ trợ chi phí sử dụng trang thiết bị tại cơ sở kỹ thuật, cơ sở ươm tạo, khu làm việc chung nhưng tối đa 50 triệu đồng/năm/doanh nghiệp;

- Hỗ trợ chi phí thuê mặt bằng tại các cơ sở ươm tạo, khu làm việc chung nhưng tối đa 15 triệu đồng/tháng/doanh nghiệp. Thời gian hỗ trợ tối đa 12 tháng/doanh nghiệp;

- Hỗ trợ kinh phí thuê không gian số, dịch vụ hỗ trợ trực tuyến cho doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, mức hỗ trợ tối đa 10 triệu đồng/tháng/doanh nghiệp. Thời gian hỗ trợ tối đa 12 tháng/doanh nghiệp.

Thực hiện theo các quy định hiện hành về chế độ và định mức chi tiêu ngân sách nhà nước (nếu có), thanh toán theo hợp đồng và thực tế phát sinh trong phạm vi dự toán được phê duyệt;

đ) Hỗ trợ kinh phí sản xuất thử nghiệm, làm sản phẩm mẫu, hoàn thiện công nghệ để phát triển dự án cho doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, mức hỗ trợ tối đa 300 triệu đồng.

Thực hiện theo các quy định hiện hành về chế độ và định mức chi tiêu ngân sách nhà nước (nếu có), thanh toán theo hợp đồng và thực tế phát sinh trong phạm vi dự toán được phê duyệt.

2.4. Đánh giá tác động của các giải pháp đối với đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách và các đối tượng khác có liên quan

a) Giải pháp 1: Giữ nguyên hiện trạng. Không quy định chính sách mà áp dụng các mức chi và nội dung hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo theo các văn bản hiện hành.

- Tác động về kinh tế: Khó phát triển nhiều dự án khởi nghiệp sáng tạo, nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ cho thành phố Đà Nẵng. Khó phát triển cộng đồng doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo trên địa bàn thành phố. Chưa đáp ứng được yêu cầu thực tiễn và chưa tạo được động lực để thúc đẩy doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo.

- Tác động về mặt xã hội: Chưa thể hiện được vai trò hỗ trợ của nhà nước trong việc phát triển các dự án khởi nghiệp sáng tạo thành các doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo.

- Tác động về vấn đề giới: Giải pháp này không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền và lợi ích của mỗi giới, không có sự phân biệt về giới.

- Tác động về thủ tục hành chính: Không phát sinh các vấn đề về thủ tục hành chính

- Tác động đối với hệ thống pháp luật: không đảm bảo tính thống nhất,

đồng bộ của hệ thống pháp luật do không thực hiện nội dung được giao tại Nghị quyết của Quốc hội. Các tổ chức, cá nhân không có cơ sở để thi hành chính sách về phát triển dự án khởi nghiệp Nghị quyết số 136/2024/QH15

Khả năng thi hành và tuân thủ của Việt Nam đối với các điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên: không trái với các điều ước quốc tế có liên quan mà Việt Nam là thành viên.

b) Giải pháp 2

Ban hành chính sách cho phép hỗ trợ dự án khởi nghiệp sáng tạo giai đoạn phát triển sản phẩm.

- Tác động về kinh tế:

+ Về cơ chế tài chính trong hoạt động hỗ trợ các dự án khởi nghiệp sáng tạo giai đoạn phát triển doanh nghiệp, thành phố sẽ xây dựng được một hệ sinh thái KNĐMST có nền tảng ổn định và lâu dài. Việc áp dụng hình thức hỗ trợ trước và hỗ trợ sau sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp trong quá trình tham gia thụ hưởng chính sách, được lựa chọn linh hoạt phương thức hỗ trợ phù hợp với thực tế. Các doanh nghiệp này sẽ thúc đẩy việc phát triển cộng đồng doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo từ đó tăng mức độ đóng góp cho phát triển kinh tế-xã hội thành phố. Dự kiến quá trình triển khai sẽ hỗ trợ trực tiếp kinh phí cho khoảng 10-15 doanh nghiệp/năm, tương ứng mức kinh phí khoảng 10 tỷ đồng.

- Tác động về mặt xã hội: Việc hỗ trợ các dự án khởi nghiệp giai đoạn phát triển doanh nghiệp sẽ giúp phát triển mạnh mẽ doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, doanh nghiệp khoa học công nghệ. Từng bước xây dựng cộng đồng doanh nghiệp khởi nghiệp có chiều rộng và chiều sâu. Tạo động lực cho việc phát triển kinh tế - xã hội.

- Tác động về vấn đề giới: Giải pháp này không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền và lợi ích của mỗi giới, không có sự phân biệt về giới.

- Tác động về thủ tục hành chính: Chính sách có quy định thủ tục hành chính.

+ Sự cần thiết: Để đảm bảo việc tổ chức xét chọn, hỗ trợ được công khai, minh bạch, bình đẳng, không trùng lặp, đảm bảo các quyền lợi, trách nhiệm của các dự án khởi nghiệp sáng tạo tham gia chính sách.

+ Tính hợp pháp: Ban hành theo đúng thẩm quyền được quy định tại Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2020) và các quy định của pháp luật về kiểm soát thủ tục hành chính.

+ Tính hợp lý: Xác định rõ và phù hợp tên thủ tục hành chính, xác định rõ đối tượng thực hiện và phạm vi áp dụng là các dự án khởi nghiệp sáng tạo ở giai đoạn phát triển doanh nghiệp. Xác định rõ thẩm quyền về cơ quan giải quyết thủ tục hành chính. Không mở rộng ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện thủ tục hành chính vì việc quy định Sở Khoa học và Công nghệ là cơ quan đầu mối tiếp nhận

hồ sơ, theo dõi tình trạng và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính là phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của Sở Khoa học và Công nghệ.

+ Chi phí tuân thủ: Không phát sinh phí, lệ phí và các chi phí khác.

Báo cáo đánh giá tác động thủ tục hành chính kèm theo.

- Tác động đối với hệ thống pháp luật: Đảm bảo triển khai quy định và các nội dung được giao tại Nghị quyết số 136/2024/QH15, đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật. Tạo cơ sở pháp lý cho việc thi hành và tuân thủ pháp luật của các cơ quan, tổ chức, cá nhân.

Khả năng thi hành và tuân thủ của Việt Nam đối với các điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên: không trái với các điều ước quốc tế có liên quan mà Việt Nam là thành viên.

Do đó, việc lựa chọn giải pháp 2 là phù hợp.



Phụ lục II

KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH DỰ KIẾN

(Ban hành kèm theo Tờ trình số 274/TTr-UBND ngày 29 tháng 11 năm 2024 của UBND thành phố)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Năm	Số lượng dự án (dự kiến)	Mức kinh phí hỗ trợ)	Tổng
01	Hỗ trợ dự án thông qua các tổ chức trung gian			
	Hỗ trợ dự án giai đoạn tiền ươm tạo	30	40	1.200
	Hỗ trợ dự án giai đoạn ươm tạo	20	60	1.200
	Hỗ trợ dự án giai đoạn tăng tốc	10	80	800
02	Hỗ trợ trực tiếp dự án khởi nghiệp sáng tạo	20	500	10.000
	Tổng cộng (01 + 02)	80		13.200

**BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH DỰ
KIẾN BAN HÀNH MỚI TRONG DỰ THẢO VĂN BẢN**

Tên dự án, dự thảo văn bản: Nghị quyết của HĐND thành phố Đà Nẵng ban hành Quy định trình tự, thủ tục, điều kiện, số lượng, nội dung và mức hỗ trợ không hoàn lại từ ngân sách nhà nước để phát triển dự án khởi nghiệp sáng tạo trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

THỦ TỤC HÀNH CHÍNH 1: Hỗ trợ phát triển dự án khởi nghiệp sáng tạo giai đoạn tiền ươm tạo, ươm tạo, tăng tốc tại các tổ chức trung gian và dự án khởi nghiệp sáng tạo ở giai đoạn phát triển doanh nghiệp theo phương thức hỗ trợ trước

I. SỰ CẦN THIẾT CỦA QUY ĐỊNH VỀ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TẠI DỰ ÁN, DỰ THẢO VĂN BẢN	
<p>1. Nội dung cụ thể trong ngành, lĩnh vực mà Nhà nước cần quản lý hoặc các biện pháp có tính chất đặc thù phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương?</p>	<p>a) Nội dung cụ thể trong ngành, lĩnh vực mà Nhà nước cần quản lý hoặc các biện pháp có tính chất đặc thù phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương:</p> <p>Quy định trình tự, cách thức thực hiện, hồ sơ và yêu cầu, điều kiện mà cơ quan có thẩm quyền quy định để giải quyết các công việc cụ thể trong nhiệm vụ hỗ trợ phát triển dự án khởi nghiệp sáng tạo trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.</p> <p>b) Nêu rõ lý do Nhà nước cần quản lý hoặc ban hành các biện pháp có tính chất đặc thù phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương:</p> <p>Để đảm bảo việc hỗ trợ các cá nhân, nhóm cá nhân, tổ chức trung gian, doanh nghiệp phát triển dự án đề xuất nhiệm vụ được công khai, minh bạch, bình đẳng, đảm bảo các quyền lợi, trách nhiệm của các dự án khởi nghiệp sáng tạo trên địa bàn thành phố</p>
<p>2. Nội dung quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp cụ thể của cá nhân, tổ chức cần được bảo đảm?</p>	<p>a) Nội dung quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp cụ thể của cá nhân, tổ chức cần được bảo đảm:</p> <p>Để đảm bảo quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân, nhóm cá nhân có dự án khởi nghiệp sáng tạo trên địa bàn thành phố, đồng thời</p>

	<p>quy định trách nhiệm thực hiện của các cơ quan quản lý nhà nước. TTHC được xây dựng với đầy đủ các cấu phần (phạm vi, đối tượng, loại hình, điều kiện, nguyên tắc, trình tự, cách thức, hồ sơ, thời hạn, kết quả...).</p> <p>b) Nêu rõ lý do Nhà nước cần quy định:</p> <p>TTHC với các cấu phần được quy định đầy đủ và chặt chẽ là biện pháp hữu hiệu nhất giúp bảo đảm quyền và lợi ích của tổ chức, cá nhân, nhóm cá nhân có dự án khởi nghiệp sáng tạo, đảm bảo việc xét hỗ trợ công khai, minh bạch.</p>
<p>3. Lý do lựa chọn biện pháp quy định thủ tục hành chính để thực hiện yêu cầu quản lý nhà nước hoặc thực hiện các biện pháp có tính chất đặc thù phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và bảo đảm quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức?</p>	<p>a) Lý do quy định thủ tục hành chính:</p> <ul style="list-style-type: none"> - TTHC với các cấu phần được quy định đầy đủ và chặt chẽ là biện pháp hữu hiệu nhất giúp bảo đảm quyền và lợi ích của của tổ chức, cá nhân, nhóm cá nhân có dự án khởi nghiệp sáng tạo, đảm bảo việc xét hỗ trợ công khai, minh bạch. - Để đảm bảo quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân, nhóm cá nhân có dự án khởi nghiệp sáng tạo trên địa bàn thành phố, bao gồm: <ul style="list-style-type: none"> Quyền được biết và hiểu rõ trình tự, thủ tục được quy định liên quan đến hoạt động hỗ trợ kinh phí phát triển dự án khởi nghiệp; đảm bảo tổ chức, cá nhân thực hiện đúng các nghĩa vụ được quy định. Qua đó, được xem xét hỗ trợ kinh phí để triển khai các nhiệm vụ liên quan đến hoạt động hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo. Đồng thời quy định trách nhiệm thực hiện của các cơ quan quản lý nhà nước. TTHC được xây dựng với đầy đủ các cấu phần (phạm vi, đối tượng, loại hình, điều kiện, nguyên tắc, trình tự, cách thức, hồ sơ, thời hạn, kết quả...). - Mục tiêu quy định TTHC là để công khai các trình tự, thủ tục giúp các tổ chức, cá nhân hiểu rõ và thực hiện. <p>b) Nêu rõ điều, khoản quy định thủ tục hành chính tại dự án, dự thảo văn bản:</p> <p>Quy định tại Điều 9 Chương III, của Nghị quyết.</p>
<p>4. Có biện pháp nào</p>	<p>Không</p>

khác có thể sử dụng mà không phải bằng quy định thủ tục hành chính không?	Nếu Không, nêu rõ lý do: TTHC với các cấu phần được quy định đầy đủ và chặt chẽ là biện pháp hữu hiệu nhất giúp bảo đảm quyền và lợi ích của các dự án khởi nghiệp sáng tạo, đảm bảo việc xét hỗ trợ công khai, minh bạch. Việc quy định TTHC tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức trung gian, doanh nghiệp có dự án khởi nghiệp sáng tạo cũng như cơ quan xử lý TTHC trong quá trình triển khai thực hiện.
---	--

II. ĐÁNH GIÁ TÍNH HỢP PHÁP CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

1. Có được ban hành theo đúng thẩm quyền không?	<p>Có <input checked="" type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/></p> <p>Nêu rõ lý do: Ban hành theo đúng thẩm quyền được giao tại Nghị quyết số 136/2024/QH15, Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2020) và các quy định của pháp luật về kiểm soát thủ tục hành chính.</p>
2. Có mâu thuẫn, chồng chéo hoặc không phù hợp, thống nhất với quy định tại các văn bản khác không?	<p>- Với văn bản của cơ quan nhà nước cấp trên: Có <input type="checkbox"/> Không <input checked="" type="checkbox"/></p> <p>Nếu Có, đề nghị nêu rõ: + Tên bộ phận tạo thành: + Nêu rõ điều, khoản, tên văn bản tương ứng: + Đề xuất cách thức giải quyết để đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật hoặc lý do vẫn quy định như tại dự án, dự thảo</p> <p>- Với văn bản của cơ quan khác: Có <input type="checkbox"/> Không <input checked="" type="checkbox"/></p> <p>Nếu Có, đề nghị nêu rõ: + Tên bộ phận tạo thành: + Nêu rõ điều, khoản, tên văn bản tương ứng: + Đề xuất cách thức giải quyết để đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật hoặc lý do vẫn quy định như tại dự án, dự thảo</p> <p>- Với điều ước quốc tế có liên quan mà CHXHCN Việt Nam là thành viên: Có <input type="checkbox"/> Không <input checked="" type="checkbox"/></p> <p>Nếu Có, đề nghị nêu rõ: + Tên bộ phận tạo thành:</p>

	<p>+ Nêu rõ điều, khoản, điều ước quốc tế tương ứng: ..</p> <p>+ Đề xuất cách thức giải quyết để đảm bảo tính tương thích với điều ước quốc tế hoặc lý do vẫn quy định như tại dự án, dự thảo</p>
III. ĐÁNH GIÁ TÍNH HỢP LÝ CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	
1. Tên thủ tục hành chính	
Có được quy định rõ ràng, cụ thể và phù hợp không?	<p>Có <input checked="" type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/></p> <p>Nêu rõ lý do: xác định rõ ràng, cụ thể tên của thủ tục hành chính phù hợp với nội dung hỗ trợ nêu tại Điều 9 Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết</p>
2. Trình tự thực hiện	
a) Có được quy định rõ ràng và cụ thể về các bước thực hiện không?	<p>Có <input checked="" type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/></p> <p>Nêu rõ lý do: Trình tự thực hiện được quy định cụ thể tại Điều 9, Chương III của Nghị quyết.</p>
b) Có được quy định, phân định rõ trách nhiệm và nội dung công việc của cơ quan nhà nước và cá nhân, tổ chức khi thực hiện không?	<p>Có <input checked="" type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/></p> <p>Nêu rõ lý do: Việc quy định, phân định rõ trách nhiệm và nội dung công việc của Sở Khoa học và Công nghệ, Hội đồng khoa học, Tổ thẩm định, đảm bảo vai trò, trách nhiệm của các tổ chức trung gian, cá nhân và hiệu quả khi thực hiện thủ tục hành chính.</p>
c) Có áp dụng cơ chế liên thông không?	<p>Có <input type="checkbox"/> Không <input checked="" type="checkbox"/></p> <p>Nêu rõ lý do: Quá trình xử lý hồ sơ thủ tục hành chính chỉ thực hiện ở Sở Khoa học và Công nghệ không liên thông đến các đơn vị khác.</p>
d) Có quy định việc kiểm tra, đánh giá, xác minh thực tế của cơ quan nhà nước không?	<p>Có <input type="checkbox"/> Không <input checked="" type="checkbox"/></p> <p>Nếu Có, nêu rõ nội dung quy định:</p> <p>- Các biện pháp có thể thay thế: Có <input type="checkbox"/> Không <input checked="" type="checkbox"/></p> <p>Nếu Có, nêu rõ lý do vẫn quy định như tại dự án, dự thảo:</p>
3. Cách thức thực hiện	
a) Nộp hồ sơ:	- Có được quy định rõ ràng, cụ thể không?

<p>Trực tiếp <input checked="" type="checkbox"/></p> <p>Bưu chính <input checked="" type="checkbox"/></p> <p>Điện tử <input checked="" type="checkbox"/></p> <p>b) Nhận kết quả:</p> <p>Trực tiếp <input checked="" type="checkbox"/></p> <p>Bưu chính <input type="checkbox"/></p> <p>Điện tử <input type="checkbox"/></p>	<p>Có <input checked="" type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/></p> <p>Nêu rõ lý do: quy định rõ ràng, cụ thể để tổ chức trung gian có nhiều lựa chọn trong việc nộp hồ sơ.</p> <p>- Có được quy định phù hợp và tạo thuận lợi, tiết kiệm chi phí cho cơ quan nhà nước, cá nhân, tổ chức khi thực hiện không?</p> <p>Có <input checked="" type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/></p> <p>Nêu rõ lý do: phù hợp với điều kiện thành phố xây dựng hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính thành phố Đà Nẵng, tạo điều kiện thuận lợi, tiết kiệm chi phí cho cơ quan nhà nước, cá nhân, tổ chức trung gian khi thực hiện.</p> <p>Đối với cách thức nhận kết quả, chỉ sử dụng hình thức trực tiếp vì tổ chức trung gian phải thực hiện ký hợp đồng nhận hỗ trợ kinh phí và các thủ tục để giải ngân kinh phí hỗ trợ sau khi có Quyết định phê duyệt hỗ trợ của Sở Khoa học và Công nghệ.</p>
4. Thành phần, số lượng hồ sơ	
<p>a) Tên thành phần hồ sơ 1: Đơn đề nghị hỗ trợ</p>	<p>- Nêu rõ lý do quy định: Cung cấp các thông tin sơ bộ về nội dung đề nghị hỗ trợ.</p> <p>- Yêu cầu về hình thức: Theo mẫu quy định tại Phụ lục II Quy định kèm theo Nghị quyết</p> <p>Lý do quy định: thống nhất các thông tin sơ bộ về nội dung đề nghị hỗ trợ.</p>
<p>b) Tên thành phần hồ sơ 2: Bản sao chứng thực Giấy phép đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Quyết định thành lập tổ chức</p>	<p>- Nêu rõ lý do quy định: Cung cấp thông tin pháp lý về đối tượng đề nghị hỗ trợ.</p> <p>- Yêu cầu về hình thức: Bản sao chứng thực</p> <p>Lý do quy định: Đảm bảo tính pháp lý của đối tượng đề nghị hỗ trợ theo quy định.</p>
<p>c) Tên thành phần hồ sơ 3: Thuyết minh nhiệm vụ đề xuất hỗ trợ kinh phí phát triển dự án khởi nghiệp sáng tạo</p>	<p>- Nêu rõ lý do quy định: Cung cấp thông tin chi tiết về nội dung đề nghị hỗ trợ làm cơ sở để xem xét, quyết định việc hỗ trợ.</p> <p>- Yêu cầu về hình thức: theo Mẫu 02.TMNV-TCTG (đối với tổ chức trung gian), Mẫu 03.TMNV-DN (đối với doanh nghiệp) theo phụ lục II kèm theo</p>

	<p>Nghị quyết.</p> <p>Lý do quy định: cung cấp đầy đủ các thông tin cần thiết về nội dung đề nghị hỗ trợ và đảm bảo tính rõ ràng, khoa học của báo cáo thuyết minh dự án.</p>
<p>d) Các giấy tờ, tài liệu để chứng minh việc đáp ứng yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính có được quy định rõ ràng, cụ thể ở thành phần hồ sơ của thủ tục hành chính không?</p>	<p>Có <input checked="" type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/></p> <p>Nêu rõ:</p> <p>- Xác nhận nợ thuế của năm trước liền kề, xác nhận việc đóng bảo hiểm xã hội đối với người lao động của năm trước liền kề, xác nhận việc chấp hành các quy định về bảo vệ môi trường của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.</p>
<p>d) Số lượng bộ hồ sơ: 01 bộ</p>	<p>Lý do (nếu quy định từ 02 bộ hồ sơ trở lên):</p>
<p>5. Thời hạn giải quyết</p>	
<p>a) Có được quy định rõ ràng, cụ thể và phù hợp không?</p>	<p>- Có <input checked="" type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/></p> <p>- Nêu rõ thời hạn giải quyết thủ tục hành chính: 60 (sáu mươi) ngày làm việc</p> <p>Lý do quy định: bảo đảm tiết kiệm thời gian cho tổ chức trung gian, doanh nghiệp và phù hợp với khả năng của cơ quan giải quyết thủ tục hành chính, đảm bảo hiệu quả của việc thực hiện TTHC</p>
<p>b) Trong trường hợp một thủ tục hành chính do nhiều cơ quan có thẩm quyền giải quyết, đã quy định rõ ràng, đầy đủ thời hạn giải quyết của từng cơ quan và thời hạn chuyển giao hồ sơ giữa các cơ quan?</p>	<p>Có <input type="checkbox"/> Không <input checked="" type="checkbox"/></p> <p>Lý do quy định: TTHC do Sở Khoa học và Công nghệ triển khai thực hiện.</p>
<p>6. Đối tượng thực hiện</p>	
<p>a) Đối tượng thực hiện:</p>	<p>- Tổ chức: Trong nước <input checked="" type="checkbox"/> Nước ngoài <input type="checkbox"/></p> <p>Mô tả rõ: Tổ chức trung gian, doanh nghiệp có dự án</p>

	<p>khởi nghiệp sáng tạo.</p> <p>Lý do quy định: xác định rõ ràng đối tượng thực hiện thủ tục hành chính.</p> <p>- Cá nhân: Trong nước <input type="checkbox"/> Nước ngoài <input type="checkbox"/></p> <p>Mô tả rõ:</p> <p>Lý do quy định:</p> <p>- Có thể mở rộng/ thu hẹp đối tượng thực hiện không?:</p> <p>Có <input type="checkbox"/> Không <input checked="" type="checkbox"/></p> <p>Nêu rõ lý do: đối tượng thực hiện chính sách đã được quy định cụ thể trong nội dung chính sách</p>
<p>b) Phạm vi áp dụng:</p>	<p>- Toàn quốc <input type="checkbox"/> Vùng <input type="checkbox"/> Địa phương <input checked="" type="checkbox"/></p> <p>- Nông thôn <input type="checkbox"/> Đô thị <input type="checkbox"/> Miền núi <input type="checkbox"/></p> <p>- Biên giới, hải đảo <input type="checkbox"/></p> <p>- Lý do quy định: chính sách quy định hỗ trợ phát triển dự án khởi nghiệp sáng tạo trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.</p> <p>- Có thể mở rộng/ thu hẹp phạm vi áp dụng không?:</p> <p>Có <input type="checkbox"/> Không <input checked="" type="checkbox"/></p> <p>Nêu rõ lý do: theo quy định tại Nghị quyết số 136/2024/QH15, chính sách quy định hỗ trợ phát triển các dự án khởi nghiệp sáng tạo trên địa bàn thành phố Đà Nẵng</p>
<p>Dự kiến số lượng đối tượng thực hiện/1 năm: 15 (mười lăm)</p>	
<p>7. Cơ quan giải quyết</p>	
<p>a) Có được quy định rõ ràng, cụ thể về cơ quan giải quyết thủ tục hành chính không?</p>	<p>Có <input checked="" type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/></p> <p>- Lý do quy định: Phân công rõ trách nhiệm của Sở Khoa học và Công nghệ trong triển khai chính sách, tiếp nhận và xử lý, giải quyết thủ tục hành chính;</p> <p>Trách nhiệm phê duyệt Quyết định hỗ trợ là Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ.</p>
<p>b) Có thể mở rộng ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện không?</p>	<p>Có <input type="checkbox"/> Không <input checked="" type="checkbox"/></p> <p>Nêu rõ lý do: Vì Sở Khoa học và Công nghệ là cơ quan tham mưu, giúp UBND thành phố quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ. Do đó, việc quy</p>

	định Sở Khoa học và Công nghệ là cơ quan đầu mối tiếp nhận hồ sơ, theo dõi tình trạng và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính là phù hợp.
8. Phí, lệ phí và các chi phí khác (nếu có)	
a) Có quy định về phí, lệ phí và các chi phí khác (nếu có) không?	<p>- Lệ phí: Không <input checked="" type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/></p> <p>Nếu có, nêu rõ lý do:</p> <p>- Phí: Không <input checked="" type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/></p> <p>Nếu Có nêu rõ lý do:.....</p> <p>- Chi phí khác: Không <input checked="" type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/></p> <p>Nếu Có, nêu rõ lý do:</p> <p>- Nêu rõ mức phí, lệ phí hoặc chi phí khác (nếu được quy định tại dự án, dự thảo):</p> <p>+ Mức phí (hoặc đính kèm biểu phí):</p> <p>+ Mức lệ phí (hoặc đính kèm biểu lệ phí):</p> <p>+ Mức chi phí khác:</p> <p>+ Mức phí, lệ phí và các chi phí khác (nếu có) có phù hợp không: Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/></p> <p>Lý do:</p> <p>- Nếu mức phí, lệ phí hoặc chi phí khác (nếu có) chưa được quy định tại dự án, dự thảo thì nêu rõ lý do:</p>
b) Quy định về cách thức, thời điểm nộp phí, lệ phí và các chi phí khác (nếu có) có hợp lý không?	<p>Có <input type="checkbox"/> Không <input checked="" type="checkbox"/></p> <p>Nội dung quy định:</p> <p>Lý do quy định:</p>
9. Mẫu đơn, tờ khai	
a) Có quy định về mẫu đơn, tờ khai không?	<p>Có <input checked="" type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/></p> <p>Lý do: Cung cấp các thông tin sơ bộ về nội dung đề nghị hỗ trợ.</p>
b) Tên mẫu đơn, tờ khai 1: Đơn đề nghị hỗ trợ	<p>- Nêu rõ những nội dung (nhóm) thông tin cần cung cấp trong mẫu đơn, tờ khai:</p> <p>+ Nội dung thông tin 1: Thông tin chung về tổ chức</p>

	<p>trung gian đề nghị hỗ trợ (Tên tổ chức, địa chỉ, điện thoại, fax, email, thông tin người đại diện theo pháp luật, mã số doanh nghiệp)</p> <p>Lý do quy định: cung cấp các thông tin cơ bản về đối tượng đề nghị hỗ trợ</p> <p>+ Nội dung thông tin 2: Nội dung đề nghị hỗ trợ (lĩnh vực hỗ trợ, nội dung hỗ trợ, mức đề nghị hỗ trợ)</p> <p>Lý do quy định: cung cấp thông tin cơ bản về nội dung đề nghị hỗ trợ.</p> <p>+ Nội dung thông tin 3: Cam kết của đơn vị đề xuất về việc chấp hành các quy định của pháp luật và tính đúng đắn, trung thực của các thành phần hồ sơ</p> <p>Lý do quy định: cung cấp thông tin về việc tổ chức trung gian, doanh nghiệp chấp hành các quy định của pháp luật.</p> <p>+ Nội dung thông tin 4: Các tài liệu kèm theo</p> <p>Lý do quy định: liệt kê các tài liệu kèm theo Đơn đề nghị làm cơ sở để xem xét hỗ trợ.</p> <p>- Có quy định việc xác nhận tại đơn, tờ khai không? Có <input checked="" type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/></p> <p>Nếu Có, nêu rõ nội dung xác nhận, người/cơ quan có thẩm quyền xác nhận: Người đại diện theo pháp luật ký xác nhận và đóng dấu</p> <p>Lý do quy định: xác nhận và chịu trách nhiệm đối với thông tin khai tại đơn.</p>
<p>c) Mẫu đơn, tờ khai 2: Thuyết minh nhiệm vụ hỗ trợ phát triển dự án khởi nghiệp sáng tạo dành cho các tổ chức trung gian</p>	<p>- Nêu rõ những nội dung (nhóm) thông tin cần cung cấp trong mẫu đơn, tờ khai:</p> <p>+ Nội dung thông tin 1: Tên nhiệm vụ</p> <p>Lý do quy định: cung cấp các thông tin cơ bản về đối tượng đề nghị hỗ trợ</p> <p>+ Nội dung thông tin 2: Thông tin về tổ chức trung gian thực hiện nhiệm vụ</p> <p>Lý do quy định: cung cấp các thông tin về tổ chức trung gian thực hiện nhiệm vụ bao gồm: tổ chức chủ trì (Lãnh đạo tổ chức, năng lực người đứng đầu tổ chức chủ trì, chủ nhiệm nhiệm vụ, nội dung, kết quả hoạt động hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng</p>

	<p>tạo của tổ chức chức trung gian), tổ chức tham gia liên danh,....</p> <p>+ Nội dung thông tin 3: Mô tả ngắn gọn về nhiệm vụ</p> <p>Lý do quy định: cung cấp các thông tin mục tiêu và nội dung hoạt động chính của nhiệm vụ đề xuất thực hiện.</p> <p>+ Nội dung thông tin 4: Nguồn nhân lực và tài chính, cơ sở vật chất - kỹ thuật được sử dụng để thực hiện nhiệm vụ</p> <p>Lý do quy định: cung cấp các thông tin Tóm tắt năng lực, kinh nghiệm của đội ngũ cán bộ, nhân viên của tổ chức, mạng lưới chuyên gia tham gia thực hiện nội dung chính của nhiệm vụ; kết quả, giải thưởng, danh hiệu liên quan đến hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo đã đạt được; nguồn lực tài chính, cơ sở vật chất-kỹ thuật được phép khai thác, sử dụng để thực hiện nhiệm vụ, kèm theo tài liệu chứng minh.</p> <p>+ Nội dung thông tin 5: Tổng quan nhu cầu thực tiễn</p> <p>Lý do quy định: Phân tích điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội, thách thức về thực trạng năng lực, nhu cầu của các chủ thể liên quan trong hệ sinh thái hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo và khả năng đáp ứng nhu cầu đó.</p> <p>+ Nội dung thông tin 6: Giải pháp</p> <p>Lý do quy định: Phân tích giải pháp đề xuất trên cơ sở phân tích tổng quan nhu cầu thực tiễn; nêu rõ điểm mới trong cách tiếp cận, biện pháp, cách thức triển khai, điều kiện đảm bảo tính khả thi của giải pháp.</p> <p>+ Nội dung thông tin 7: Vai trò của tổ chức tham gia liên danh (nếu có)</p> <p>Lý do quy định: cung cấp các thông tin làm rõ những hoạt động chính do tổ chức chủ trì, tổ chức tham gia liên danh thực hiện trong triển khai nhiệm vụ; vai trò điều phối, trách nhiệm của tổ chức chủ trì và người đứng đầu liên danh; phương án phân công, phối hợp, giám sát, kiểm tra hoạt động và đánh giá kết quả thực hiện nhiệm của các tổ chức tham gia liên danh</p> <p>+ Nội dung thông tin 8: Nội dung hoạt động, dự kiến</p>
--	---

	<p>sản phẩm, kết quả thực hiện nhiệm vụ</p> <p>Lý do quy định: cung cấp các thông tin cơ bản làm rõ nội dung hoạt động chính và số liệu liên quan làm cơ sở cho dự toán kinh phí, khả năng đạt được các kết quả theo mục tiêu đã hoạch định.</p> <p>+ Nội dung thông tin 9: Tính bền vững của quá trình thực hiện nhiệm vụ</p> <p>Lý do quy định: Phân tích các yếu tố rủi ro chủ quan và khách quan, biện pháp kiểm soát rủi ro; phương án nhân rộng mô hình, chuyển giao, khai thác sản phẩm/kết quả thực hiện nhiệm vụ .</p> <p>+ Nội dung thông tin 10: Hiệu quả mang lại và sự kết nối, hợp tác với các chủ thể khác trong hệ sinh thái</p> <p>Lý do quy định: Đánh giá được tác động và hiệu quả về mặt kinh tế - xã hội, khoa học và công nghệ; mối liên kết và hoạt động hợp tác với chủ thể khác ở trong và ngoài nước.</p> <p>+ Nội dung thông tin 11: Quá trình tham gia các dự án hỗ trợ khác</p> <p>Lý do quy định: cung cấp các thông tin về tình hình triển khai các nhiệm vụ tương tự nhiệm vụ đề xuất hoặc các nhiệm vụ đã triển khai thực hiện từ các nguồn kinh phí được hỗ trợ.</p> <p>+ Nội dung thông tin 12: Tổng dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ</p> <p>Lý do quy định: cung cấp các thông tin về nguồn kinh phí và khả năng đối ứng kinh phí của đơn vị đề xuất.</p> <p>- Có quy định việc xác nhận tại đơn, tờ khai không?</p> <p>Có <input checked="" type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/></p> <p>Nếu Có, nêu rõ nội dung xác nhận, người/cơ quan có thẩm quyền xác nhận: Người đại diện theo pháp luật ký xác nhận và đóng dấu</p> <p>Lý do quy định: xác nhận và chịu trách nhiệm đối với thông tin khai tại thuyết minh nhiệm vụ.</p>
d) Mẫu đơn, tờ khai 3: Thuyết minh nhiệm vụ hỗ trợ phát triển dự	- Nêu rõ những nội dung (nhóm) thông tin cần cung cấp trong mẫu đơn, tờ khai:

<p>án khởi nghiệp sáng tạo giai đoạn phát triển doanh nghiệp</p>	<p>+ Nội dung thông tin 1: Tên nhiệm vụ</p> <p>Lý do quy định: cung cấp các thông tin cơ bản về đối tượng đề nghị hỗ trợ</p> <p>+ Nội dung thông tin 2: Thông tin về tổ chức chức trung gian thực hiện nhiệm vụ</p> <p>Lý do quy định: cung cấp các thông tin về tổ chức thực hiện nhiệm vụ bao gồm: tổ chức chủ trì (Lãnh đạo tổ chức, năng lực người đứng đầu tổ chức chủ trì, chủ nhiệm nhiệm vụ, nội dung, kết quả hoạt động hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo của tổ chức), tổ chức tham gia liên danh,....</p> <p>+ Nội dung thông tin 3: Mô tả ngắn gọn về nhiệm vụ</p> <p>Lý do quy định: cung cấp các thông tin mục tiêu và nội dung hoạt động chính của nhiệm vụ đề xuất thực hiện.</p> <p>+ Nội dung thông tin 4: Năng lực thực hiện nhiệm vụ</p> <p>Lý do quy định: cung cấp các thông tin về năng lực, kinh nghiệm chuyên môn của sáng lập viên, ban điều hành, đội ngũ cán bộ/nhân viên của doanh nghiệp; chuyên gia cố vấn, đối tác chính ở trong nước, nước ngoài; năng lực vốn cố định, vốn lưu động, giá trị tài sản trí tuệ, giá trị công nghệ, giá trị doanh nghiệp do doanh nghiệp tự đánh giá hoặc do tổ chức khác đánh giá, giá trị giao dịch gọi vốn/thoái vốn đã thực hiện, kết quả hoạt động, giải thưởng, danh hiệu liên quan đến khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo, công nghệ, sở hữu trí tuệ, tiêu chuẩn - chất lượng, đóng góp phát triển cộng đồng đã đạt được</p> <p>+ Nội dung thông tin 5: Tổng quan nhu cầu thị trường</p> <p>Lý do quy định: Phân tích thực trạng, dự báo nhu cầu của thị trường mục tiêu ở phạm vi quốc gia và quốc tế; cơ hội và thách thức trong giải quyết vấn đề của thị trường.</p> <p>+ Nội dung thông tin 6: Giải pháp</p> <p>Lý do quy định: Phân tích cách thức giải quyết vấn đề liên quan đến thị trường mục tiêu, nhu cầu khách hàng, sản phẩm/dịch vụ cạnh tranh, biện pháp đối phó với đối thủ cạnh tranh và dự báo xu hướng thay</p>
--	--

	<p>đôi của thị trường ở phạm vi quốc gia và quốc tế.</p> <p>+ Nội dung thông tin 7: Sản phẩm/dịch vụ, mô hình kinh doanh</p> <p>Lý do quy định: cung cấp các thông tin làm rõ tính mới, khả thi và giá trị khác biệt của sản phẩm/dịch vụ; tính sáng tạo, khả năng nhân rộng của mô hình kinh doanh; giải pháp công nghệ, tài sản trí tuệ được khai thác sử dụng; thị trường, khách hàng mục tiêu; kênh phân phối chính; tốc độ tăng trưởng quy mô thị trường; số lượng khách hàng/người dùng, khối lượng sản phẩm/dịch vụ tiêu thụ; mức tăng trưởng doanh thu</p> <p>+ Nội dung thông tin 8: Nội dung hoạt động, dự kiến sản phẩm, kết quả thực hiện nhiệm</p> <p>Lý do quy định: cung cấp các thông tin cơ bản làm rõ nội dung hoạt động chính và số liệu liên quan làm cơ sở cho dự toán kinh phí, khả năng đạt được các kết quả theo mục tiêu đã hoạch định.</p> <p>+ Nội dung thông tin 9: Khả năng kiểm soát rủi ro, tính bền vững của nhiệm vụ</p> <p>Lý do quy định: Phân tích các yếu tố rủi ro chủ quan và khách quan, biện pháp kiểm soát rủi ro; phương hướng phát triển sản phẩm/dịch vụ mới và nhân rộng mô hình kinh doanh ở thị trường trong nước và nước ngoài qua đó thể hiện tính bền vững về tài chính.</p> <p>+ Nội dung thông tin 10: Sự cần thiết hỗ trợ của Nhà nước đối với nhiệm vụ</p> <p>Lý do quy định: Tóm tắt phương án, mục tiêu, lộ trình phát triển về quy mô thị trường và sự cần thiết hỗ trợ từ Nhà nước; dự tính giá trị lợi ích tạo ra đối với các đối tượng thụ hưởng sản phẩm/dịch vụ/mô hình kinh doanh mới; tác động về kinh tế - xã hội, văn hóa, môi trường, thúc đẩy đổi mới sáng tạo từ phát triển sản phẩm/dịch vụ/mô hình kinh doanh mới của tổ chức chủ trì và tổ chức, cá nhân tham gia thực hiện nhiệm vụ.</p> <p>+ Nội dung thông tin 11: Quá trình tham gia các dự án hỗ trợ khác</p> <p>Lý do quy định: cung cấp các thông tin làm rõ những dự án, chương trình, đề án được hỗ trợ kinh</p>
--	--

	<p>phí từ ngân sách nhà nước ở trung ương và địa phương, dự án tài trợ quốc tế, dự án vay tín dụng mà tổ chức chủ trì, tổ chức, cá nhân tham gia thực hiện đã, đang thực hiện hoặc đã nộp hồ sơ đăng ký tham gia.</p> <p>+ Nội dung thông tin 12: Tổng dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ</p> <p>Lý do quy định: cung cấp các thông tin về nguồn kinh phí và khả năng đối ứng kinh phí của đơn vị đề xuất.</p> <p>- Có quy định việc xác nhận tại đơn, tờ khai không? Có <input checked="" type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/></p> <p>Nếu Có, nêu rõ nội dung xác nhận, người/cơ quan có thẩm quyền xác nhận: Người đại diện theo pháp luật ký xác nhận và đóng dấu</p> <p>Lý do quy định: xác nhận và chịu trách nhiệm đối với thông tin khai tại thuyết minh nhiệm vụ.</p>
đ) Ngôn ngữ	<p>- Tiếng Việt <input checked="" type="checkbox"/> Song ngữ <input type="checkbox"/></p> <p>Nêu rõ loại song ngữ:</p> <p>Lý do quy định (trong trường hợp mẫu đơn song ngữ):</p>
10. Yêu cầu, điều kiện	
Có quy định yêu cầu, điều kiện không?	<p>Có <input checked="" type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/></p> <p>Lý do quy định:</p> <p>Thủ tục hành chính áp dụng cho các tổ chức trung gian, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo có dự án khởi nghiệp sáng tạo.</p>
11. Kết quả thực hiện	
a) Hình thức của kết quả thực hiện thủ tục hành chính là gì?	<p>- Giấy phép <input type="checkbox"/></p> <p>- Giấy chứng nhận <input type="checkbox"/></p> <p>- Giấy đăng ký <input type="checkbox"/></p> <p>- Chứng chỉ <input type="checkbox"/></p> <p>- Thẻ <input type="checkbox"/></p> <p>- Quyết định hành chính <input checked="" type="checkbox"/></p>

	<p>- Văn bản xác nhận/chấp thuận <input type="checkbox"/></p> <p>- Loại khác: <input type="checkbox"/> Đề nghị nêu rõ:</p> <p>Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:</p> <p>Bản giấy <input checked="" type="checkbox"/> Bản điện tử <input type="checkbox"/></p>
b) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính có được mẫu hóa phù hợp không?	<p>Có <input checked="" type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/></p> <p>Lý do quy định: thống nhất nội dung và bố cục văn bản công nhận kết quả xét chọn nhiệm vụ.</p>
c) Quy định về thời hạn có giá trị hiệu lực của kết quả thực hiện thủ tục hành chính có hợp lý không (nếu có)?	<p>Có <input type="checkbox"/> Không <input checked="" type="checkbox"/></p> <p>- Nếu Có, nêu thời hạn cụ thể: tháng/năm.</p> <p>- Nếu Không, nêu rõ lý do: Quyết định hỗ trợ làm căn cứ để thực hiện hỗ trợ kinh phí cho tổ chức trung gian tổ chức các hoạt động phát triển dự án khởi nghiệp sáng tạo trên địa bàn thành phố.</p>
d) Quy định về phạm vi có hiệu lực của kết quả thực hiện thủ tục hành chính có hợp lý không (nếu có)?	<p>Toàn quốc <input checked="" type="checkbox"/> Địa phương <input type="checkbox"/></p> <p>Lý do: Kết quả thực hiện thủ tục là bằng chứng chứng minh kết quả thực hiện nhiệm vụ, không bị giới hạn về phạm vi địa lý.</p>

IV. THÔNG TIN LIÊN HỆ

Họ và tên người điền: Hoàng Quốc Toàn

Điện thoại cố định: 0236.3887429; Di động: 0935750098; E-mail: toanhq@danang.gov.vn

THỦ TỤC HÀNH CHÍNH 2: Đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ hỗ trợ phát triển dự án khởi nghiệp sáng tạo

I. SỰ CẦN THIẾT CỦA QUY ĐỊNH VỀ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TẠI DỰ ÁN, DỰ THẢO VĂN BẢN

1. Nội dung cụ thể trong ngành, lĩnh vực mà Nhà nước cần quản lý hoặc các biện pháp có tính chất đặc thù phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế	<p>a) Nội dung cụ thể trong ngành, lĩnh vực mà Nhà nước cần quản lý hoặc các biện pháp có tính chất đặc thù phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương:</p> <p>Quy định quản lý việc đánh giá nghiệm thu kết quả triển khai nhiệm vụ hỗ trợ phát triển dự án khởi</p>
---	---

<p>- xã hội của địa phương?</p>	<p>nghiệp sáng tạo phù hợp với đặc thù, điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của thành phố Đà Nẵng.</p> <p>b) Nêu rõ lý do Nhà nước cần quản lý hoặc ban hành các biện pháp có tính chất đặc thù phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương:</p> <p>Để đảm bảo việc tổ chức đánh giá nghiệm thu các nhiệm vụ của tổ chức trung gian, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo được công khai, minh bạch; đảm bảo các quyền lợi, trách nhiệm của các tổ chức trung gian, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo trong quá trình triển khai nhiệm vụ hỗ trợ phát triển dự án khởi nghiệp sáng tạo trên địa bàn thành phố.</p>
<p>2. Nội dung quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp cụ thể của cá nhân, tổ chức cần được bảo đảm?</p>	<p>a) Nội dung quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp cụ thể của cá nhân, tổ chức cần được bảo đảm:</p> <p>Để đảm bảo quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp của tổ chức trung gian, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo có dự án khởi nghiệp sáng tạo trên địa bàn thành phố như: Quyền được biết và hiểu rõ trình tự, thủ tục được quy định liên quan đến hoạt động đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ; đảm bảo tổ chức trung gian, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo thực hiện đúng các nghĩa vụ được quy định. Qua đó, được đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ và được hỗ trợ kinh phí triển khai nhiệm vụ hỗ trợ phát triển dự án khởi nghiệp sáng tạo. Đồng thời quy định trách nhiệm thực hiện của các cơ quan quản lý nhà nước. TTHC được xây dựng với đầy đủ các cấu phần (phạm vi, đối tượng, loại hình, điều kiện, nguyên tắc, trình tự, cách thức, hồ sơ, thời hạn, kết quả...).</p> <p>b) Nêu rõ lý do Nhà nước cần quy định:</p> <p>TTHC với các cấu phần được quy định đầy đủ và chặt chẽ là biện pháp hữu hiệu nhất giúp bảo đảm quyền và lợi ích của các tổ chức trung gian, doanh nghiệp, đảm bảo việc đánh giá, nghiệm thu kết quả được thực hiện công bằng, khách quan, công khai và minh bạch.</p>
<p>3. Lý do lựa chọn biện pháp quy định thủ tục hành chính để</p>	<p>a) Lý do quy định thủ tục hành chính:</p> <p>TTHC với các cấu phần được quy định đầy đủ và</p>

<p>thực hiện yêu cầu quản lý nhà nước hoặc thực hiện các biện pháp có tính chất đặc thù phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và bảo đảm quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức?</p>	<p>chặt chẽ là biện pháp hữu hiệu nhất giúp bảo đảm quyền và lợi ích của tổ chức trung gian, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo có dự án khởi nghiệp sáng tạo trong quá trình thực hiện đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.</p> <p>b) Nêu rõ điều, khoản quy định thủ tục hành chính tại dự án, dự thảo văn bản:</p> <p>Quy định tại Điều 10 Chương III, của Nghị quyết.</p>
<p>4. Có biện pháp nào khác có thể sử dụng mà không phải bằng quy định thủ tục hành chính không?</p>	<p>Không</p> <p>Nếu Không, nêu rõ lý do: TTHC với các cầu phần được quy định đầy đủ và chặt chẽ là biện pháp hữu hiệu nhất giúp bảo đảm quyền và lợi ích của tổ chức trung gian, doanh nghiệp có dự án khởi nghiệp sáng tạo, đảm bảo việc đánh giá, nghiệm thu được thực hiện công khai, minh bạch. Việc quy định TTHC tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức trung gian, doanh nghiệp cũng như cơ quan xử lý TTHC trong quá trình triển khai thực hiện.</p>
<p>II. ĐÁNH GIÁ TÍNH HỢP PHÁP CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH</p>	
<p>1. Có được ban hành theo đúng thẩm quyền không?</p>	<p>Có <input checked="" type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/></p> <p>Nêu rõ lý do: Ban hành theo đúng thẩm quyền được giao tại Nghị quyết số 136/2024/QH15, Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2020) và các quy định của pháp luật về kiểm soát thủ tục hành chính.</p>
<p>2. Có mâu thuẫn, chồng chéo hoặc không phù hợp, thống nhất với quy định tại các văn bản khác không?</p>	<p>- Với văn bản của cơ quan nhà nước cấp trên:</p> <p>Có <input type="checkbox"/> Không <input checked="" type="checkbox"/></p> <p>Nếu Có, đề nghị nêu rõ:</p> <p>+ Tên bộ phận tạo thành:</p> <p>+ Nêu rõ điều, khoản, tên văn bản tương ứng:</p> <p>+ Đề xuất cách thức giải quyết để đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật hoặc lý do vẫn quy định như tại dự án, dự thảo</p>

	<p>- Với văn bản của cơ quan khác: Có <input type="checkbox"/> Không <input checked="" type="checkbox"/></p> <p>Nếu Có, đề nghị nêu rõ:</p> <p>+ Tên bộ phận tạo thành:</p> <p>+ Nêu rõ điều, khoản, tên văn bản tương ứng:</p> <p>+ Đề xuất cách thức giải quyết để đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật hoặc lý do vẫn quy định như tại dự án, dự thảo</p> <p>- Với điều ước quốc tế có liên quan mà CHXHCN Việt Nam là thành viên: Có <input type="checkbox"/> Không <input checked="" type="checkbox"/></p> <p>Nếu Có, đề nghị nêu rõ:</p> <p>+ Tên bộ phận tạo thành:</p> <p>+ Nêu rõ điều, khoản, điều ước quốc tế tương ứng:</p> <p>+ Đề xuất cách thức giải quyết để đảm bảo tính tương thích với điều ước quốc tế hoặc lý do vẫn quy định như tại dự án, dự thảo</p>
III. ĐÁNH GIÁ TÍNH HỢP LÝ CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	
1. Tên thủ tục hành chính	
Có được quy định rõ ràng, cụ thể và phù hợp không?	<p>Có <input checked="" type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/></p> <p>Nêu rõ lý do: xác định rõ ràng, cụ thể tên của thủ tục hành chính phù hợp với nội dung hỗ trợ nêu tại Điều 10 Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết</p>
2. Trình tự thực hiện	
a) Có được quy định rõ ràng và cụ thể về các bước thực hiện không?	<p>Có <input checked="" type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/></p> <p>Nêu rõ lý do: Trình tự thực hiện được quy định cụ thể tại Điều 10 Chương III của Nghị quyết.</p>
b) Có được quy định, phân định rõ trách nhiệm và nội dung công việc của cơ quan nhà nước và cá nhân, tổ chức khi thực hiện không?	<p>Có <input checked="" type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/></p> <p>Nêu rõ lý do: Việc quy định, phân định rõ trách nhiệm và nội dung công việc của Sở Khoa học và Công nghệ, Hội đồng đánh giá. Đảm bảo vai trò, trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân và hiệu quả khi thực hiện thủ tục hành chính.</p>
c) Có áp dụng cơ chế liên thông không?	<p>Có <input type="checkbox"/> Không <input checked="" type="checkbox"/></p> <p>Nêu rõ lý do: Quá trình xử lý hồ sơ thủ tục hành</p>

	chính chỉ thực hiện ở Sở Khoa học và Công nghệ không liên thông đến các đơn vị khác.
d) Có quy định việc kiểm tra, đánh giá, xác minh thực tế của cơ quan nhà nước không?	Có <input type="checkbox"/> Không <input checked="" type="checkbox"/> Nếu Có, nêu rõ nội dung quy định: - Các biện pháp có thể thay thế: Có <input type="checkbox"/> Không <input checked="" type="checkbox"/> Nếu Có, nêu rõ lý do vẫn quy định như tại dự án, dự thảo:
3. Cách thức thực hiện	
a) Nộp hồ sơ: Trực tiếp <input checked="" type="checkbox"/> Bưu chính <input checked="" type="checkbox"/> Điện tử <input checked="" type="checkbox"/> b) Nhận kết quả: Trực tiếp <input checked="" type="checkbox"/> Bưu chính <input type="checkbox"/> Điện tử <input type="checkbox"/>	- Có được quy định rõ ràng, cụ thể không? Có <input checked="" type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> Nêu rõ lý do: quy định rõ ràng, cụ thể để tổ chức trung gian/doanh nghiệp có nhiều lựa chọn trong việc nộp hồ sơ. - Có được quy định phù hợp và tạo thuận lợi, tiết kiệm chi phí cho cơ quan nhà nước, cá nhân, tổ chức khi thực hiện không? Có <input checked="" type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> Nêu rõ lý do: phù hợp với điều kiện thành phố xây dựng hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính thành phố Đà Nẵng, tạo điều kiện thuận lợi, tiết kiệm chi phí cho cơ quan nhà nước, cá nhân, tổ chức khi thực hiện. Đối với cách thức nhận kết quả, chỉ sử dụng hình thức trực tiếp vì tổ chức trung gian, doanh nghiệp phải thực hiện ký hợp đồng nhận hỗ trợ kinh phí và các thủ tục để quyết toán kinh phí hỗ trợ sau khi có văn bản xác nhận về kết quả thực hiện nhiệm vụ của Sở Khoa học và Công nghệ.
4. Thành phần, số lượng hồ sơ	
a) Tên thành phần hồ sơ 1: Văn bản đề nghị nghiệm thu nhiệm vụ	- Nêu rõ lý do quy định: Cung cấp các thông tin về nhiệm vụ đã triển khai thực hiện và tổ chức đề nghị đánh giá nghiệm thu nhiệm vụ. - Yêu cầu về hình thức: Theo mẫu 05.ĐNNT quy định tại Phụ lục II Quy định kèm theo Nghị quyết Lý do quy định: thống nhất các thông tin sơ bộ về nội dung đề nghị hỗ trợ.

<p>b) Tên thành phần hồ sơ 2: Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ</p>	<p>- Nêu rõ lý do quy định: Cung cấp thông tin về kết quả triển khai nhiệm vụ - Yêu cầu về hình thức: Theo Mẫu 06.BCKQ tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị quyết Lý do quy định: Đảm bảo tính pháp lý của báo cáo kết quả triển khai nhiệm vụ</p>
<p>c) Tên thành phần hồ sơ 3: Các hồ sơ, tài liệu khác có liên quan đến các sản phẩm trung gian theo thuyết minh nhiệm vụ và hợp đồng thực hiện nhiệm vụ đã được phê duyệt (nếu có).</p>	<p>- Nêu rõ lý do quy định: Cung cấp thêm thông tin chi tiết về kết quả triển khai nhiệm vụ - Yêu cầu về hình thức: Không quy định hình thức. Lý do quy định: Cung cấp thêm thông tin về quá trình triển khai nhiệm vụ</p>
<p>d) Các giấy tờ, tài liệu để chứng minh việc đáp ứng yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính có được quy định rõ ràng, cụ thể ở thành phần hồ sơ của thủ tục hành chính không?</p>	<p>Có <input checked="" type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> Nêu rõ: Quy định các thành phần hồ sơ để đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ</p>
<p>d) Số lượng bộ hồ sơ: 01 bộ</p>	<p>Lý do (nếu quy định từ 02 bộ hồ sơ trở lên):.....</p>
<p>5. Thời hạn giải quyết</p>	
<p>a) Có được quy định rõ ràng, cụ thể và phù hợp không?</p>	<p>- Có <input checked="" type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> - Nêu rõ thời hạn giải quyết thủ tục hành chính: 45 (bốn mươi lăm) ngày làm việc Lý do quy định: bảo đảm tiết kiệm thời gian cho tổ chức trung gian, doanh nghiệp và phù hợp với khả năng của cơ quan giải quyết thủ tục hành chính, đảm bảo hiệu quả của việc thực hiện TTHC</p>
<p>b) Trong trường hợp một thủ tục hành chính do nhiều cơ</p>	<p>Có <input type="checkbox"/> Không <input checked="" type="checkbox"/> Lý do quy định: TTHC do Sở Khoa học và Công</p>

<p>quan có thẩm quyền giải quyết, đã quy định rõ ràng, đầy đủ thời hạn giải quyết của từng cơ quan và thời hạn chuyển giao hồ sơ giữa các cơ quan?</p>	<p>nghệ triển khai thực hiện.</p>
<p>6. Đối tượng thực hiện</p>	
<p>a) Đối tượng thực hiện:</p>	<p>- Tổ chức: Trong nước <input checked="" type="checkbox"/> Nước ngoài <input checked="" type="checkbox"/></p> <p>Mô tả rõ: Tổ chức trung gian trong và ngoài nước có hoạt động ươm tạo dự án khởi nghiệp sáng tạo ở giai đoạn tiền ươm tạo, ươm tạo và tăng tốc.</p> <p>Doanh nghiệp có dự án khởi nghiệp sáng tạo trên địa bàn thành phố.</p> <p>Lý do quy định: các đối tượng thụ hưởng chính sách sẽ trực tiếp thực hiện</p> <p>- Cá nhân: Trong nước <input type="checkbox"/> Nước ngoài <input type="checkbox"/></p> <p>Mô tả rõ:</p> <p>Lý do quy định:</p> <p>- Có thể mở rộng/ thu hẹp đối tượng thực hiện không?:</p> <p>Có <input type="checkbox"/> Không <input checked="" type="checkbox"/></p> <p>Nêu rõ lý do: đối tượng thực hiện chính sách đã được quy định cụ thể trong nội dung chính sách</p>
<p>b) Phạm vi áp dụng:</p>	<p>- Toàn quốc <input type="checkbox"/> Vùng Địa phương <input checked="" type="checkbox"/></p> <p>- Nông thôn <input type="checkbox"/> Đô thị <input type="checkbox"/> Miền núi <input type="checkbox"/></p> <p>- Biên giới, hải đảo <input type="checkbox"/></p> <p>- Lý do quy định: chính sách quy định hỗ trợ phát triển các dự án khởi nghiệp sáng tạo trên địa bàn thành phố Đà Nẵng</p> <p>- Có thể mở rộng/thu hẹp phạm vi áp dụng không?:</p> <p>Có <input type="checkbox"/> Không <input checked="" type="checkbox"/></p> <p>Nêu rõ lý do: theo quy định tại Nghị quyết số 136/2024/QH15, chính sách quy định hỗ trợ phát triển các dự án khởi nghiệp sáng tạo trên địa bàn</p>

	thành phố Đà Nẵng
Dự kiến số lượng đối tượng thực hiện/1 năm: 15 (mười lăm)	
7. Cơ quan giải quyết	
a) Có được quy định rõ ràng, cụ thể về cơ quan giải quyết thủ tục hành chính không?	<p>Có <input checked="" type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/></p> <p>- Lý do quy định: Phân công rõ trách nhiệm của Sở Khoa học và Công nghệ trong triển khai chính sách, tiếp nhận và xử lý, giải quyết thủ tục hành chính;</p> <p>Trách nhiệm phê duyệt Quyết định hỗ trợ là Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ.</p>
b) Có thể mở rộng ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện không?	<p>Có <input type="checkbox"/> Không <input checked="" type="checkbox"/></p> <p>Nêu rõ lý do: Vì Sở Khoa học và Công nghệ là cơ quan tham mưu, giúp UBND thành phố quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ. Do đó, việc quy định Sở Khoa học và Công nghệ là cơ quan đầu mối tiếp nhận hồ sơ, theo dõi tình trạng và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính là phù hợp.</p>
8. Phí, lệ phí và các chi phí khác (nếu có)	
a) Có quy định về phí, lệ phí và các chi phí khác (nếu có) không?	<p>- Lệ phí: Không <input checked="" type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/></p> <p>Nếu có, nêu rõ lý do:</p> <p>- Phí: Không <input checked="" type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/></p> <p>Nếu Có nêu rõ lý do:</p> <p>- Chi phí khác: Không <input checked="" type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/></p> <p>Nếu Có, nêu rõ lý do:</p> <p>- Nêu rõ mức phí, lệ phí hoặc chi phí khác (nếu được quy định tại dự án, dự thảo):</p> <p>+ Mức phí (hoặc đính kèm biểu phí):</p> <p>+ Mức lệ phí (hoặc đính kèm biểu lệ phí):</p> <p>+ Mức chi phí khác:</p> <p>+ Mức phí, lệ phí và các chi phí khác (nếu có) có phù hợp không: Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/></p> <p>Lý do:</p> <p>- Nếu mức phí, lệ phí hoặc chi phí khác (nếu có) chưa được quy định tại dự án, dự thảo thì nêu rõ lý</p>

	do:
b) Quy định về cách thức, thời điểm nộp phí, lệ phí và các chi phí khác (nếu có) có hợp lý không?	Có <input type="checkbox"/> Không <input checked="" type="checkbox"/> Nội dung quy định: Lý do quy định:
9. Mẫu đơn, tờ khai	
a) Có quy định về mẫu đơn, tờ khai không?	Có <input checked="" type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> Lý do: Cung cấp các thông tin liên quan đến nhiệm vụ triển khai thực hiện và nội dung yêu cầu đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện.
b) Tên mẫu đơn, tờ khai 1: Văn bản đề nghị đánh giá nghiệm thu nhiệm vụ	- Nêu rõ những nội dung (nhóm) thông tin cần cung cấp trong mẫu đơn, tờ khai: + Nội dung thông tin 1: Tên nhiệm vụ Lý do quy định: cung cấp các thông tin về nhiệm vụ đề nghị đánh giá, nghiệm thu + Nội dung thông tin 2: Tổ chức chủ trì Lý do quy định: cung cấp thông tin của đơn vị đề nghị đánh giá nghiệm thu nhiệm vụ + Nội dung thông tin 3: Tổ chức tham gia thực hiện (nếu có). Lý do quy định: liệt kê các đơn vị tham gia thực hiện nhiệm vụ. + Nội dung thông tin 4: Hợp đồng số... Lý do quy định: Cung cấp thông tin về việc hợp đồng ký kết giữa Sở Khoa học và Công nghệ và cơ quan thực hiện nhiệm vụ. + Nội dung thông tin 5: Thời gian thực hiện hợp đồng Lý do quy định: cung cấp thông tin về thời gian thực hiện nhiệm vụ + Nội dung thông tin 6: Thời gian được điều chỉnh, gia hạn (nếu có). Lý do quy định: Cung cấp thêm thông tin về thời gian thực hiện nhiệm vụ trong trường hợp có điều chỉnh thời gian thực hiện.

	<p>+ Nội dung thông tin 7: hồ sơ đánh giá nhiệm vụ</p> <p>Lý do quy định:</p> <p>Làm rõ các thành phần hồ sơ liên quan đến quá trình triển khai nhiệm vụ.</p> <p>- Có quy định việc xác nhận tại đơn, tờ khai không?</p> <p>Có <input checked="" type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/></p> <p>Nếu Có, nêu rõ nội dung xác nhận, người/cơ quan có thẩm quyền xác nhận: Người đại diện theo pháp luật ký xác nhận và đóng dấu</p> <p>Lý do quy định: xác nhận và chịu trách nhiệm đối với thông tin khai tại đơn.</p>
d) Ngôn ngữ	<p>- Tiếng Việt <input checked="" type="checkbox"/> Song ngữ <input type="checkbox"/></p> <p>Nêu rõ loại song ngữ:</p> <p>Lý do quy định (trong trường hợp mẫu đơn song ngữ):</p>
10. Yêu cầu, điều kiện	
Có quy định yêu cầu, điều kiện không?	<p>Có <input type="checkbox"/> Không <input checked="" type="checkbox"/></p> <p>Lý do quy định:</p>
11. Kết quả thực hiện	
a) Hình thức của kết quả thực hiện thủ tục hành chính là gì?	<p>- Giấy phép <input type="checkbox"/></p> <p>- Giấy chứng nhận <input type="checkbox"/></p> <p>- Giấy đăng ký <input type="checkbox"/></p> <p>- Chứng chỉ <input type="checkbox"/></p> <p>- Thẻ <input type="checkbox"/></p> <p>- Quyết định hành chính <input checked="" type="checkbox"/></p> <p>- Văn bản xác nhận/chấp thuận <input type="checkbox"/></p> <p>- Loại khác: <input type="checkbox"/> Đề nghị nêu rõ:</p> <p>Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:</p> <p>Bản giấy <input checked="" type="checkbox"/> Bản điện tử <input type="checkbox"/></p>
b) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính có	<p>Có <input checked="" type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/></p> <p>Lý do: thống nhất nội dung và bố cục văn bản công</p>

được mẫu hóa phù hợp không?	nhận kết quả thực hiện nhiệm vụ.
c) Quy định về thời hạn có giá trị hiệu lực của kết quả thực hiện thủ tục hành chính có hợp lý không (nếu có)?	Có <input type="checkbox"/> Không <input checked="" type="checkbox"/> - Nếu Có, nêu thời hạn cụ thể: tháng/năm. - Nếu Không, nêu rõ lý do: Quyết định công nhận kết quả thực hiện làm căn cứ để thực hiện các hoạt động nghiệm thu, thanh lý hợp đồng triển khai hỗ trợ kinh phí cho tổ chức trung gian tổ chức các hoạt động phát triển dự án khởi nghiệp sáng tạo hoặc các dự án ở giai đoạn phát triển doanh nghiệp trên địa bàn thành phố.
d) Quy định về phạm vi có hiệu lực của kết quả thực hiện thủ tục hành chính có hợp lý không (nếu có)?	Toàn quốc <input checked="" type="checkbox"/> Địa phương <input type="checkbox"/> Lý do: Kết quả thực hiện nhiệm vụ là bằng chứng việc tổ chức chủ trì đã thực hiện các nội dung đã đề xuất liên quan đến việc hỗ trợ phát triển dự án khởi nghiệp sáng tạo.
IV. THÔNG TIN LIÊN HỆ	
Họ và tên người điền: Hoàng Quốc Toàn Điện thoại cố định: 0236.3887429; Di động: 0935750098; E-mail: toanhq@danang.gov.vn	

THỦ TỤC HÀNH CHÍNH 3: Thủ tục xét hồ sơ đề nghị hỗ trợ dự án khởi nghiệp sáng tạo ở giai đoạn phát triển doanh nghiệp theo phương thức hỗ trợ sau

I. SỰ CẦN THIẾT CỦA QUY ĐỊNH VỀ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TẠI DỰ ÁN, DỰ THẢO VĂN BẢN	
1. Nội dung cụ thể trong ngành, lĩnh vực mà Nhà nước cần quản lý hoặc các biện pháp có tính chất đặc thù phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương?	a) Nội dung cụ thể trong ngành, lĩnh vực mà Nhà nước cần quản lý hoặc các biện pháp có tính chất đặc thù phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương: Quy định cách thức triển khai các dự án khởi nghiệp sáng tạo giai đoạn phát triển sản phẩm theo hình thức hỗ trợ sau trên địa bàn thành phố Đà Nẵng. b) Nêu rõ lý do Nhà nước cần quản lý hoặc ban hành các biện pháp có tính chất đặc thù phù hợp với điều

	<p>kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương:</p> <p>Để đảm bảo việc hỗ trợ được thực hiện được công khai, minh bạch, bình đẳng, đảm bảo các quyền lợi, trách nhiệm của các dự án khởi nghiệp sáng tạo trên địa bàn thành phố</p>
<p>2. Nội dung quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp cụ thể của cá nhân, tổ chức cần được bảo đảm?</p>	<p>a) Nội dung quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp cụ thể của cá nhân, tổ chức cần được bảo đảm:</p> <p>Để đảm bảo quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp của các dự án khởi nghiệp sáng tạo trên địa bàn thành phố, đồng thời quy định trách nhiệm thực hiện của các cơ quan quản lý nhà nước. TTHC được xây dựng với đầy đủ các cấu phần (phạm vi, đối tượng, loại hình, điều kiện, nguyên tắc, trình tự, cách thức, hồ sơ, thời hạn, kết quả...).</p> <p>b) Nêu rõ lý do Nhà nước cần quy định:</p> <p>TTHC với các cấu phần được quy định đầy đủ và chặt chẽ là biện pháp hữu hiệu nhất giúp bảo đảm quyền và lợi ích của các dự án khởi nghiệp sáng tạo, đảm bảo việc xét hỗ trợ công khai, minh bạch.</p>
<p>3. Lý do lựa chọn biện pháp quy định thủ tục hành chính để thực hiện yêu cầu quản lý nhà nước hoặc thực hiện các biện pháp có tính chất đặc thù phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và bảo đảm quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức?</p>	<p>a) Lý do quy định thủ tục hành chính:</p> <p>TTHC với các cấu phần được quy định đầy đủ và chặt chẽ là biện pháp hữu hiệu nhất giúp bảo đảm quyền và lợi ích của các dự án khởi nghiệp sáng tạo, đảm bảo việc xét hỗ trợ công khai, minh bạch.</p> <p>b) Nêu rõ điều, khoản quy định thủ tục hành chính tại dự án, dự thảo văn bản:</p> <p>Quy định tại Điều 11, Chương III, của Nghị quyết.</p>
<p>4. Có biện pháp nào khác có thể sử dụng mà không phải bằng quy định thủ tục hành chính không?</p>	<p>Không</p> <p>Nếu Không, nêu rõ lý do: TTHC với các cấu phần được quy định đầy đủ và chặt chẽ là biện pháp hữu hiệu nhất giúp bảo đảm quyền và lợi ích của các dự án khởi nghiệp sáng tạo, đảm bảo việc xét hỗ trợ công khai, minh bạch. Việc quy định TTHC tạo điều</p>

	kiện thuận lợi cho tổ chức trung gian, doanh nghiệp có dự án khởi nghiệp sáng tạo cũng như cơ quan xử lý TTHC trong quá trình triển khai thực hiện.
II. ĐÁNH GIÁ TÍNH HỢP PHÁP CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	
1. Có được ban hành theo đúng thẩm quyền không?	Có <input checked="" type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> Nêu rõ lý do: Ban hành theo đúng thẩm quyền được giao tại Nghị quyết số 136/2024/QH15, Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2020) và các quy định của pháp luật về kiểm soát thủ tục hành chính.
2. Có mâu thuẫn, chồng chéo hoặc không phù hợp, thống nhất với quy định tại các văn bản khác không?	- Với văn bản của cơ quan nhà nước cấp trên: Có <input type="checkbox"/> Không <input checked="" type="checkbox"/> Nếu Có, đề nghị nêu rõ: + Tên bộ phận tạo thành: + Nêu rõ điều, khoản, tên văn bản tương ứng: + Đề xuất cách thức giải quyết để đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật hoặc lý do vẫn quy định như tại dự án, dự thảo - Với văn bản của cơ quan khác: Có <input type="checkbox"/> Không <input checked="" type="checkbox"/> Nếu Có, đề nghị nêu rõ: + Tên bộ phận tạo thành: + Nêu rõ điều, khoản, tên văn bản tương ứng: + Đề xuất cách thức giải quyết để đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật hoặc lý do vẫn quy định như tại dự án, dự thảo - Với điều ước quốc tế có liên quan mà CHXHCN Việt Nam là thành viên: Có <input type="checkbox"/> Không <input checked="" type="checkbox"/> Nếu Có, đề nghị nêu rõ: + Tên bộ phận tạo thành: + Nêu rõ điều, khoản, điều ước quốc tế tương ứng: + Đề xuất cách thức giải quyết để đảm bảo tính tương thích với điều ước quốc tế hoặc lý do vẫn quy định như tại dự án, dự thảo
III. ĐÁNH GIÁ TÍNH HỢP LÝ CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	

1. Tên thủ tục hành chính	
Có được quy định rõ ràng, cụ thể và phù hợp không?	Có <input checked="" type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> Nêu rõ lý do: xác định rõ ràng, cụ thể tên của thủ tục hành chính phù hợp với nội dung hỗ trợ nêu tại Điều 9 Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết
2. Trình tự thực hiện	
a) Có được quy định rõ ràng và cụ thể về các bước thực hiện không?	Có <input checked="" type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> Nêu rõ lý do: Trình tự thực hiện được quy định cụ thể tại Điều 9, Chương III của Nghị quyết.
b) Có được quy định, phân định rõ trách nhiệm và nội dung công việc của cơ quan nhà nước và cá nhân, tổ chức khi thực hiện không?	Có <input checked="" type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> Nêu rõ lý do: Việc quy định, phân định rõ trách nhiệm và nội dung công việc của Sở Khoa học và Công nghệ, Hội đồng khoa học, Tổ thẩm định, đảm bảo vai trò, trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân và hiệu quả khi thực hiện thủ tục hành chính.
c) Có áp dụng cơ chế liên thông không?	Có <input type="checkbox"/> Không <input checked="" type="checkbox"/> Nêu rõ lý do: Quá trình xử lý hồ sơ thủ tục hành chính chỉ thực hiện ở Sở Khoa học và Công nghệ không liên thông đến các đơn vị khác.
d) Có quy định việc kiểm tra, đánh giá, xác minh thực tế của cơ quan nhà nước không?	Có <input type="checkbox"/> Không <input checked="" type="checkbox"/> Nếu Có, nêu rõ nội dung quy định: - Các biện pháp có thể thay thế: Có <input type="checkbox"/> Không <input checked="" type="checkbox"/> Nếu Có, nêu rõ lý do vẫn quy định như tại dự án, dự thảo:
3. Cách thức thực hiện	
a) Nộp hồ sơ: Trực tiếp <input checked="" type="checkbox"/> Bưu chính <input checked="" type="checkbox"/> Điện tử <input checked="" type="checkbox"/>	- Có được quy định rõ ràng, cụ thể không? Có <input checked="" type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> Nêu rõ lý do: quy định rõ ràng, cụ thể để tổ chức trung gian có nhiều lựa chọn trong việc nộp hồ sơ.
b) Nhận kết quả:	- Có được quy định phù hợp và tạo thuận lợi, tiết kiệm chi phí cho cơ quan nhà nước, cá nhân, tổ chức

<p>Trực tiếp <input checked="" type="checkbox"/></p> <p>Bưu chính <input type="checkbox"/></p> <p>Điện tử <input type="checkbox"/></p>	<p>khi thực hiện không?</p> <p>Có <input checked="" type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/>.</p> <p>Nêu rõ lý do: phù hợp với điều kiện thành phố xây dựng hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính thành phố Đà Nẵng, tạo điều kiện thuận lợi, tiết kiệm chi phí cho cơ quan nhà nước, cá nhân, tổ chức khi thực hiện.</p> <p>Đối với cách thức nhận kết quả, chỉ sử dụng hình thức trực tiếp vì tổ chức trung gian phải thực hiện ký hợp đồng nhận hỗ trợ kinh phí và các thủ tục để giải ngân kinh phí hỗ trợ sau khi có Quyết định phê duyệt hỗ trợ của Sở Khoa học và Công nghệ.</p>
<p>4. Thành phần, số lượng hồ sơ</p>	
<p>a) Tên thành phần hồ sơ 1: Đơn đề nghị hỗ trợ</p>	<p>- Nêu rõ lý do quy định: Cung cấp các thông tin sơ bộ về nội dung đề nghị hỗ trợ.</p> <p>- Yêu cầu về hình thức: Theo mẫu quy định tại Phụ lục II Quy định kèm theo Nghị quyết</p> <p>Lý do quy định: thống nhất các thông tin sơ bộ về nội dung đề nghị hỗ trợ.</p>
<p>b) Tên thành phần hồ sơ 2: Bản sao chứng thực Giấy phép đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Quyết định thành lập tổ chức</p>	<p>- Nêu rõ lý do quy định: Cung cấp thông tin pháp lý về đối tượng đề nghị hỗ trợ.</p> <p>- Yêu cầu về hình thức: Bản sao chứng thực</p> <p>Lý do quy định: Đảm bảo tính pháp lý của đối tượng đề nghị hỗ trợ theo quy định.</p>
<p>c) Tên thành phần hồ sơ 3: Thuyết minh nhiệm vụ đề xuất hỗ trợ kinh phí phát triển dự án khởi nghiệp sáng tạo</p>	<p>- Nêu rõ lý do quy định: Cung cấp thông tin chi tiết về nội dung đề nghị hỗ trợ làm cơ sở để xem xét, quyết định việc hỗ trợ.</p> <p>- Yêu cầu về hình thức: theo Mẫu 02.TMNV-TCTG (đối với tổ chức trung gian), Mẫu 03.TMNV-DN (đối với doanh nghiệp) theo phụ lục II kèm theo Nghị quyết.</p> <p>Lý do quy định: cung cấp đầy đủ các thông tin cần thiết về nội dung đề nghị hỗ trợ và đảm bảo tính rõ ràng, khoa học của báo cáo thuyết minh dự án.</p>
<p>d) Các giấy tờ, tài liệu</p>	<p>Có <input checked="" type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/></p>

<p>để chứng minh việc đáp ứng yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính có được quy định rõ ràng, cụ thể ở thành phần hồ sơ của thủ tục hành chính không?</p>	<p>Nêu rõ: Xác nhận việc chấp hành nghĩa vụ thuế và bảo hiểm xã hội đối với người lao động.</p>
<p>d) Số lượng bộ hồ sơ: 01 bộ</p>	<p>Lý do (nếu quy định từ 02 bộ hồ sơ trở lên):.....</p>
<p>5. Thời hạn giải quyết</p>	
<p>a) Có được quy định rõ ràng, cụ thể và phù hợp không?</p>	<p>- Có <input checked="" type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/></p> <p>- Nêu rõ thời hạn giải quyết thủ tục hành chính: 60 (sáu mươi) ngày làm việc</p> <p>Lý do quy định: bảo đảm tiết kiệm thời gian cho cá nhân, tổ chức và phù hợp với khả năng của cơ quan giải quyết thủ tục hành chính, đảm bảo hiệu quả của việc thực hiện TTHC</p>
<p>b) Trong trường hợp một thủ tục hành chính do nhiều cơ quan có thẩm quyền giải quyết, đã quy định rõ ràng, đầy đủ thời hạn giải quyết của từng cơ quan và thời hạn chuyển giao hồ sơ giữa các cơ quan?</p>	<p>Có <input type="checkbox"/> Không <input checked="" type="checkbox"/></p> <p>Lý do quy định: TTHC do Sở Khoa học và Công nghệ triển khai thực hiện.</p>
<p>6. Đối tượng thực hiện</p>	
<p>a) Đối tượng thực hiện:</p>	<p>- Tổ chức: Trong nước <input checked="" type="checkbox"/> Nước ngoài <input type="checkbox"/></p> <p>Mô tả rõ: Doanh nghiệp trên địa bàn thành phố có dự án khởi nghiệp sáng tạo.</p> <p>Lý do quy định: quy định rõ ràng đối tượng thực hiện thủ tục hành chính.</p> <p>- Cá nhân: Trong nước <input type="checkbox"/> Nước ngoài <input type="checkbox"/></p> <p>Mô tả rõ:</p>

	<p>Lý do quy định:</p> <p>- Có thể mở rộng/ thu hẹp đối tượng thực hiện không?:</p> <p>Có <input type="checkbox"/> Không <input checked="" type="checkbox"/></p> <p>Nêu rõ lý do: đối tượng thực hiện chính sách đã được quy định cụ thể trong nội dung chính sách</p>
b) Phạm vi áp dụng:	<p>- Toàn quốc <input type="checkbox"/> Vùng <input type="checkbox"/> Địa phương <input checked="" type="checkbox"/></p> <p>- Nông thôn <input type="checkbox"/> Đô thị <input type="checkbox"/> Miền núi <input type="checkbox"/></p> <p>- Biên giới, hải đảo <input type="checkbox"/></p> <p>- Lý do quy định: chính sách quy định hỗ trợ cho các dự án khởi nghiệp sáng tạo ở giai đoạn phát triển sản phẩm trên địa bàn thành phố.</p> <p>- Có thể mở rộng/ thu hẹp phạm vi áp dụng không?:</p> <p>Có <input type="checkbox"/> Không <input checked="" type="checkbox"/></p> <p>Nêu rõ lý do: theo quy định tại Nghị quyết số 136/2024/QH15, chính sách quy định hỗ trợ phát triển các dự án khởi nghiệp sáng tạo trên địa bàn thành phố Đà Nẵng</p>
Dự kiến số lượng đối tượng thực hiện/1 năm: 15 (mười lăm)	
7. Cơ quan giải quyết	
a) Có được quy định rõ ràng, cụ thể về cơ quan giải quyết thủ tục hành chính không?	<p>Có <input checked="" type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/></p> <p>- Lý do quy định: Phân công rõ trách nhiệm của Sở Khoa học và Công nghệ trong triển khai chính sách, tiếp nhận và xử lý, giải quyết thủ tục hành chính;</p> <p>Trách nhiệm phê duyệt Quyết định hỗ trợ là Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ.</p>
b) Có thể mở rộng ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện không?	<p>Có <input type="checkbox"/> Không <input checked="" type="checkbox"/></p> <p>Nêu rõ lý do: Vì Sở Khoa học và Công nghệ là cơ quan tham mưu, giúp UBND thành phố quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ. Do đó, việc quy định Sở Khoa học và Công nghệ là cơ quan đầu mối tiếp nhận hồ sơ, theo dõi tình trạng và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính là phù hợp.</p>
8. Phí, lệ phí và các chi phí khác (nếu có)	

<p>a) Có quy định về phí, lệ phí và các chi phí khác (nếu có) không?</p>	<p>- Lệ phí: Không <input checked="" type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/></p> <p>Nếu có, nêu rõ lý do:</p> <p>- Phí: Không <input checked="" type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/></p> <p>Nếu Có nêu rõ lý do:.....</p> <p>- Chi phí khác: Không <input checked="" type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/></p> <p>Nếu Có, nêu rõ lý do:</p> <p>- Nêu rõ mức phí, lệ phí hoặc chi phí khác (nếu được quy định tại dự án, dự thảo):</p> <p>+ Mức phí (hoặc đính kèm biểu phí):</p> <p>+ Mức lệ phí (hoặc đính kèm biểu lệ phí):</p> <p>+ Mức chi phí khác:</p> <p>+ Mức phí, lệ phí và các chi phí khác (nếu có) có phù hợp không: Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/></p> <p>Lý do:</p> <p>- Nếu mức phí, lệ phí hoặc chi phí khác (nếu có) chưa được quy định tại dự án, dự thảo thì nêu rõ lý do:</p>
<p>b) Quy định về cách thức, thời điểm nộp phí, lệ phí và các chi phí khác (nếu có) có hợp lý không?</p>	<p>Có <input type="checkbox"/> Không <input checked="" type="checkbox"/></p> <p>Nội dung quy định:</p> <p>Lý do quy định:</p>
<p>9. Mẫu đơn, tờ khai</p>	
<p>a) Có quy định về mẫu đơn, tờ khai không?</p>	<p>Có <input checked="" type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/></p> <p>Lý do: Cung cấp các thông tin sơ bộ về nội dung đề nghị hỗ trợ.</p>
<p>b) Tên mẫu đơn, tờ khai 1: Đơn đề nghị hỗ trợ</p>	<p>- Nêu rõ những nội dung (nhóm) thông tin cần cung cấp trong mẫu đơn, tờ khai:</p> <p>+ Nội dung thông tin 1: Thông tin chung về tổ chức đề nghị hỗ trợ (Tên tổ chức, địa chỉ, điện thoại, fax, email, thông tin người đại diện theo pháp luật)</p> <p>Lý do quy định: cung cấp các thông tin cơ bản về đối tượng đề nghị hỗ trợ</p> <p>+ Nội dung thông tin 2: Nội dung đề nghị hỗ trợ</p>

	<p>(lĩnh vực hỗ trợ, nội dung hỗ trợ, mức đề nghị hỗ trợ)</p> <p>Lý do quy định: cung cấp thông tin cơ bản về nội dung đề nghị hỗ trợ</p> <p>+ Nội dung thông tin 3: Các tài liệu kèm theo</p> <p>Lý do quy định: liệt kê các tài liệu kèm theo Đơn đề nghị làm cơ sở để xem xét hỗ trợ.</p> <p>- Có quy định việc xác nhận tại đơn, tờ khai không?</p> <p>Có <input checked="" type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/></p> <p>Nếu Có, nêu rõ nội dung xác nhận, người/cơ quan có thẩm quyền xác nhận: Người đại diện theo pháp luật ký xác nhận và đóng dấu</p> <p>Lý do quy định: xác nhận và chịu trách nhiệm đối với thông tin khai tại đơn.</p>
c) Mẫu đơn, tờ khai 2	
d) Ngôn ngữ	<p>- Tiếng Việt <input checked="" type="checkbox"/> Song ngữ <input type="checkbox"/></p> <p>Nêu rõ loại song ngữ:</p> <p>Lý do quy định (trong trường hợp mẫu đơn song ngữ):</p>
10. Yêu cầu, điều kiện	
Có quy định yêu cầu, điều kiện không?	<p>Có <input type="checkbox"/> Không <input checked="" type="checkbox"/></p> <p>Lý do quy định:</p>
11. Kết quả thực hiện	
a) Hình thức của kết quả thực hiện thủ tục hành chính là gì?	<p>- Giấy phép <input type="checkbox"/></p> <p>- Giấy chứng nhận <input type="checkbox"/></p> <p>- Giấy đăng ký <input type="checkbox"/></p> <p>- Chứng chỉ <input type="checkbox"/></p> <p>- Thẻ <input type="checkbox"/></p> <p>- Quyết định hành chính <input checked="" type="checkbox"/></p> <p>- Văn bản xác nhận/chấp thuận <input type="checkbox"/></p> <p>- Loại khác: <input type="checkbox"/> Đề nghị nêu rõ:</p>

	Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Bản giấy <input checked="" type="checkbox"/> Bản điện tử <input type="checkbox"/>
b) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính có được mẫu hóa phù hợp không?	Có <input checked="" type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> Lý do: thống nhất nội dung và bố cục văn bản công nhận kết quả thực hiện nhiệm vụ.
c) Quy định về thời hạn có giá trị hiệu lực của kết quả thực hiện thủ tục hành chính có hợp lý không (nếu có)?	Có <input type="checkbox"/> Không <input checked="" type="checkbox"/> - Nếu Có, nêu thời hạn cụ thể: tháng/năm. - Nếu Không, nêu rõ lý do: Quyết định hỗ trợ làm căn cứ để đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ hỗ trợ kinh phí cho các dự án khởi nghiệp sáng tạo ở giai đoạn phát triển sản phẩm trên địa bàn thành phố.
d) Quy định về phạm vi có hiệu lực của kết quả thực hiện thủ tục hành chính có hợp lý không (nếu có)?	Toàn quốc <input checked="" type="checkbox"/> Địa phương <input type="checkbox"/> Lý do: Kết quả thực hiện nhiệm vụ là bằng chứng việc doanh nghiệp đã thực hiện phát triển dự án khởi nghiệp sáng tạo.
IV. THÔNG TIN LIÊN HỆ	
Họ và tên người điền: Hoàng Quốc Toàn Điện thoại cố định: 0236.3887429; Di động: 0935750098; E-mail: toanhq@danang.gov.vn	

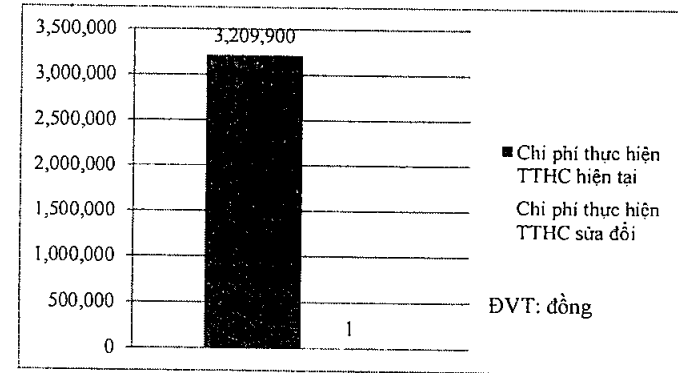
STT	Các công việc khi thực hiện TTHC	Các hoạt động/ cách thức thực hiện cụ thể	Số trang bình quân	Thời gian thực hiện (giờ)	Mức TNBQ/ 01 giờ làm việc (đồng)	Mức chi phí thuê tư vấn, dịch vụ (đồng)	Mức phí, lệ phí, chi phí khác (đồng)	Số lần thực hiện/ 01 năm	Số lượng đối tượng tuân thủ/01 năm	Chi phí thực hiện TTHC (đồng)	Tổng chi phí thực hiện TTHC/ 01 năm (đồng)	Ghi chú
6	Nhận kết quả	Trực tiếp		1	48,250			1	20	48,300	966,000	
		Bưu chính										
		Điện tử										
TỔNG										3,209,900	64,198,000	

II. CHI PHÍ TUẦN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ UNG HOẶC BÀI BỎ ()

STT	Các công việc khi thực hiện TTHC	Các hoạt động/ cách thức thực hiện cụ thể	Số trang bình quân	Thời gian thực hiện (giờ)	Mức TNBQ/ 01 giờ làm việc (đồng)	Mức chi phí thuê tư vấn, dịch vụ (đồng)	Mức phí, lệ phí, chi phí khác (đồng)	Số lần thực hiện/ 01 năm	Số lượng đối tượng tuân thủ/01 năm	Chi phí thực hiện TTHC (đồng)	Tổng chi phí thực hiện TTHC/ 01 năm (đồng)	Ghi chú
1	Chuẩn bị hồ sơ (02 bộ hồ sơ)									0	0	
1.1												

III. SO SÁNH CHI PHÍ

1. So sánh chi phí thực hiện TTHC (đối với 01 đối tượng tuân thủ)



2. So sánh tổng chi phí thực hiện TTHC trong 1 năm

Chi phí thực hiện TTHC không thay đổi do đây là TTHC mới ban hành lần đầu

CHI PHÍ TUÂN THỦ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TRONG DỰ ÁN, DỰ THẢO VĂN BẢN

TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH: Thủ tục xét hồ sơ đề nghị hỗ trợ dự án khởi nghiệp sáng tạo ở giai đoạn phát triển doanh nghiệp theo phương thức hỗ trợ sau

I. CHI PHÍ TUÂN THỦ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH (dự kiến)

STT	Các công việc khi thực hiện TTHC	Các hoạt động/ cách thức thực hiện cụ thể	Số trang bình quân	Thời gian thực hiện (giờ)	Mức TNBQ/ 01 giờ làm việc (đồng)	Mức chi phí thuê tư vấn, dịch vụ (đồng)	Mức phí, lệ phí, chi phí khác (đồng)	Số lần thực hiện/ 01 năm	Số lượng đối tượng tuân thủ/01 năm	Chi phí thực hiện TTHC (đồng)	Tổng chi phí thực hiện TTHC/ 01 năm (đồng)	Ghi chú
1	Chuẩn bị hồ sơ (01 bộ hồ sơ)									2,718,400	40,776,000	
1.1	Đơn đề nghị hỗ trợ	Lập đơn đề nghị hỗ trợ theo biểu mẫu, in ấn, photo	2	2	48,250	0		1	15	96,500	1,447,500	- Tổng sản phẩm trong nước (GDP) năm 2023 là 10.221.815 tỷ đồng, dân số là 100.309.209 người (theo niên giám thống kê của Cục Thống kê). Tương ứng mức TNBQ/1 giờ làm việc là 48.250 đồng.
1.2	Bản sao chứng thực Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp	Chứng thực, photo	4	1	48,250	14,800		1	15	63,100	946,500	
1.3	Báo cáo kết quả triển khai thực hiện	Lập báo cáo kết quả triển khai dự án hoặc các nội dung đề xuất hỗ trợ	80	50	48,250	0		1	15	2,412,500	36,187,500	
1.4	- Hồ sơ xác nhận việc chấp hành nghĩa vụ thuế, bảo hiểm xã hội - Các hồ sơ minh chứng cho nội dung đề xuất hỗ trợ	Chứng thực, photo	30	1	48,250	98,000		1	15	146,300	2,194,500	
2	Nộp hồ sơ	Trực tiếp		1	48,250			1	15	48,300	724,500	
		Bưu chính									0	
		Điện tử									0	
3	Nộp phí, lệ phí, chi phí khác										0	
3.1	Phí										0	
3.2	Lệ phí										0	
3.3	Chi phí khác (nếu có)										0	
4	Chuẩn bị, phục vụ việc kiểm tra, đánh giá của cơ quan có thẩm quyền (nếu có)	Chuẩn bị nội dung phục vụ quá trình thẩm định, Hội đồng khoa học		20	48,250			1	15	965000	14,475,000	

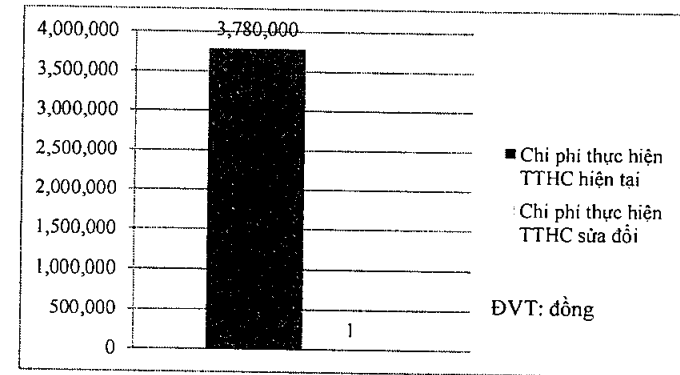
STT	Các công việc khi thực hiện TTHC	Các hoạt động/ cách thức thực hiện cụ thể	Số trang bình quân	Thời gian thực hiện (giờ)	Mức TNBQ/ 01 giờ làm việc (đồng)	Mức chi phí thuê tư vấn, dịch vụ (đồng)	Mức phí, lệ phí, chi phí khác (đồng)	Số lần thực hiện/ 01 năm	Số lượng đối tượng tuân thủ/01 năm	Chi phí thực hiện TTHC (đồng)	Tổng chi phí thực hiện TTHC/ 01 năm (đồng)	Ghi chú
5	Công việc khác (nếu có)											
6	Nhận kết quả	Trực tiếp		1	48,250			1	15	48,300	724,500	
		Bưu chính										
		Điện tử										
TỔNG										3,780,000	56,700,000	

II. CHI PHÍ TUÂN THỦ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ UNG HOẶC BÀI BỎ ()

STT	Các công việc khi thực hiện TTHC	Các hoạt động/ cách thức thực hiện cụ thể	Số trang bình quân	Thời gian thực hiện (giờ)	Mức TNBQ/ 01 giờ làm việc (đồng)	Mức chi phí thuê tư vấn, dịch vụ (đồng)	Mức phí, lệ phí, chi phí khác (đồng)	Số lần thực hiện/ 01 năm	Số lượng đối tượng tuân thủ/01 năm	Chi phí thực hiện TTHC (đồng)	Tổng chi phí thực hiện TTHC/ 01 năm (đồng)	Ghi chú

III. SO SÁNH CHI PHÍ

1. So sánh chi phí thực hiện TTHC (đối với 01 đối tượng tuân thủ)



2. So sánh tổng chi phí thực hiện TTHC trong 1 năm

Chi phí thực hiện TTHC không thay đổi do đây là TTHC mới ban hành lần đầu

CHI PHÍ TUẦN THỦ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TRONG DỰ ÁN, DỰ THẢO VĂN BẢN

TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH: Thủ tục Đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ hỗ trợ phát triển dự án khởi nghiệp sáng tạo

I. CHI PHÍ TUẦN THỦ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH (dự kiến)

STT	Các công việc khi thực hiện TTHC	Các hoạt động/ cách thức thực hiện cụ thể	Số trang bình quân	Thời gian thực hiện (giờ)	Mức TNBQ/ 01 giờ làm việc (đồng)	Mức chi phí thuê tư vấn, dịch vụ (đồng)	Mức phí, lệ phí, chi phí khác (đồng)	Số lần thực hiện/ 01 năm	Số lượng đối tượng tuần thủ/01 năm	Chi phí thực hiện TTHC (đồng)	Tổng chi phí thực hiện TTHC/ 01 năm (đồng)	Ghi chú
1	Chuẩn bị hồ sơ (01 bộ hồ sơ)									6,851,500	137,030,000	
1.1	Văn bản đề nghị đánh giá nghiệm thu	Lập đề nghị đánh giá nghiệm thu theo biểu mẫu, in ấn, photo	2	2	48,250	0		1	20	96,500	1,930,000	- Tổng sản phẩm trong nước (GDP) năm 2023 là 10.221.815 tỷ đồng, dân số là 100.309.209 người (theo niên giám thống kê của Cục Thống kê). Tương ứng mức TNBQ/1 giờ làm việc là 48.250 đồng.
1.2	Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ	Lập báo cáo kết quả triển khai nhiệm vụ	100	100	48,250	0		1	20	4,825,000	96,500,000	
1.3	-Thuyết minh nhiệm vụ	Các hồ sơ, tài liệu khác có liên quan đến các sản phẩm trung gian theo thuyết minh nhiệm vụ và hợp đồng hỗ trợ thực hiện nhiệm vụ đã ký kết	50	40	48,250	0		1	20	1,930,000	38,600,000	
2	Nộp hồ sơ	Trực tiếp		1	48,250			1	20	43000	860,000	
		Bưu chính									0	
		Điện tử									0	
3	Nộp phí, lệ phí, chi phí khác										0	
3.1	Phí										0	
3.2	Lệ phí										0	
3.3	Chi phí khác (nếu có)										0	

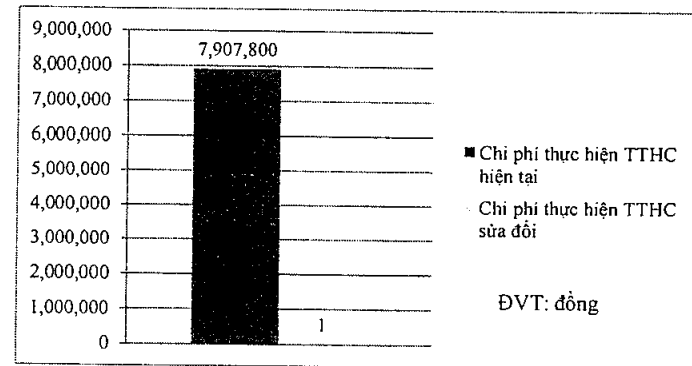
STT	Các công việc khi thực hiện TTHC	Các hoạt động/ cách thức thực hiện cụ thể	Số trang bình quân	Thời gian thực hiện (giờ)	Mức TNBQ/ 01 giờ làm việc (đồng)	Mức chi phí thuê tư vấn, dịch vụ (đồng)	Mức phí, lệ phí, chi phí khác (đồng)	Số lần thực hiện/ 01 năm	Số lượng đối tượng tuân thủ/01 năm	Chi phí thực hiện TTHC (đồng)	Tổng chi phí thực hiện TTHC/ 01 năm (đồng)	Ghi chú
4	Chuẩn bị, phục vụ việc kiểm tra, đánh giá của cơ quan có thẩm quyền (nếu có)	Chuẩn bị nội dung phục vụ quá trình thẩm định, Hội đồng khoa học		20	48,250			1	20	965000	19,300,000	
5	Công việc khác (nếu có)										0	
6	Nhận kết quả	Trực tiếp		1	48,250			1	20	48,300	966,000	
		Bưu chính										
		Điện tử										
TỔNG										7,907,800	158,156,000	

II. CHI PHÍ TUẦN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỎ UNG HOẶC BÀI BỎ ()

STT	Các công việc khi thực hiện TTHC	Các hoạt động/ cách thức thực hiện cụ thể	Số trang bình quân	Thời gian thực hiện (giờ)	Mức TNBQ/ 01 giờ làm việc (đồng)	Mức chi phí thuê tư vấn, dịch vụ (đồng)	Mức phí, lệ phí, chi phí khác (đồng)	Số lần thực hiện/ 01 năm	Số lượng đối tượng tuân thủ/01 năm	Chi phí thực hiện TTHC (đồng)	Tổng chi phí thực hiện TTHC/ 01 năm (đồng)	Ghi chú

III. SO SÁNH CHI PHÍ

1. So sánh chi phí thực hiện TTHC (đối với 01 đối tượng tuân thủ)



2. So sánh tổng chi phí thực hiện TTHC trong 1 năm

Chi phí thực hiện TTHC không thay đổi do đây là TTHC mới ban hành lần đầu

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT

Quy định trình tự, thủ tục, điều kiện, số lượng, nội dung và mức hỗ trợ không hoàn lại từ ngân sách nhà nước để phát triển dự án khởi nghiệp sáng tạo trên địa bàn thành phố Đà Nẵng

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG
KHOÁ IX, NHIỆM KỲ 2016 - 2021, KỲ HỌP THỨ**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Khoa học và Công nghệ ngày 18 tháng 6 năm 2013;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 11 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 15 tháng 6 năm 2018;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 14 Nghị quyết số 136/2024/QH15 ngày 26 tháng 6 năm 2024 của Quốc hội về tổ chức mô hình chính quyền đô thị và thí điểm thực hiện một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển thành phố Đà Nẵng”;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều về Luật Ngân sách nhà nước;

Xét Tờ trình số/TTr-UBND ngày tháng năm 2024 của Ủy ban nhân dân thành phố về ban hành Nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố quy định trình tự, thủ tục, điều kiện, số lượng, nội dung và mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước để thực hiện hỗ trợ phát triển dự án khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trên địa bàn thành phố Đà Nẵng; Báo cáo thẩm tra số /BC-HĐND ngày tháng năm 2024 của Ban Kinh tế Ngân sách Hội đồng nhân dân thành phố; Ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định trình tự, thủ tục, điều kiện, số lượng, nội dung và mức hỗ trợ không hoàn lại từ ngân sách nhà nước để phát triển dự án khởi nghiệp sáng tạo trên địa bàn thành phố Đà Nẵng quy định tại điểm d, khoản 1, Điều 14 của Nghị quyết số 136/2024/QH15 ngày 26 tháng 6 năm 2024 của Quốc hội về tổ chức mô hình chính quyền đô thị và thí điểm thực hiện một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển thành phố Đà Nẵng.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Cá nhân, nhóm cá nhân (gọi tắt là cá nhân), tổ chức có dự án khởi nghiệp sáng tạo trên địa bàn thành phố Đà Nẵng và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. Dự án khởi nghiệp sáng tạo là dự án sản xuất, kinh doanh dựa trên khai thác tài sản trí tuệ, công nghệ, mô hình kinh doanh mới, có khả năng tăng trưởng nhanh.

2. Dự án khởi nghiệp sáng tạo ở giai đoạn tiền ươm tạo, ươm tạo, tăng tốc tại các tổ chức trung gian để hoàn thiện ý tưởng; hoàn thiện và phát triển sản phẩm hoặc mở rộng thị trường, kết nối nhà đầu tư. Các dự án ở giai đoạn này có thể hình thành hoặc chưa hình thành doanh nghiệp.

a) Dự án khởi nghiệp sáng tạo ở giai đoạn tiền ươm tạo là dự án trong giai đoạn hoàn thiện ý tưởng thông qua các hoạt động nghiên cứu sản phẩm/ dịch vụ/ giải pháp, kiểm chứng ý tưởng, nghiên cứu thị trường và lập kế hoạch khả thi phát triển sản phẩm/ dịch vụ/ giải pháp;

b) Dự án khởi nghiệp sáng tạo ở giai đoạn ươm tạo là dự án trong giai đoạn phát triển sản phẩm/dịch vụ/giải pháp, hoàn thiện mô hình kinh doanh và chiến lược phát triển thông qua các hoạt động: tư vấn, kết nối với các thành phần của hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo, dịch vụ hỗ trợ đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp, cơ sở vật chất và các nguồn lực khác;

c) Dự án khởi nghiệp sáng tạo ở giai đoạn tăng tốc là dự án trong giai đoạn đã có sản phẩm/dịch vụ/giải pháp, khách hàng và đang có nhu cầu mở rộng thị trường, tìm kiếm nhà đầu tư thông qua các hoạt động: tư vấn, kết nối với các thành phần của hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo, đặc biệt là các quỹ đầu tư mạo hiểm, dịch vụ hỗ trợ đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp, cơ sở vật chất và các nguồn lực khác.

3. Dự án khởi nghiệp sáng tạo ở giai đoạn phát triển doanh nghiệp là dự án đã có sản phẩm/dịch vụ/giải pháp, khách hàng và đang phát triển sản phẩm, mở rộng thị trường. Ở giai đoạn này, dự án đã hình thành và phát triển doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo.

4. Phương thức hỗ trợ trước: là phương thức hỗ trợ trước khi thực hiện nhiệm vụ trên cơ sở xem xét thuyết minh nhiệm vụ sẽ thực hiện.

5. Phương thức hỗ trợ sau: là phương thức hỗ trợ sau khi dự án được thực hiện trên cơ sở xem xét kết quả đã thực hiện và các hồ sơ chứng từ có liên quan.

Điều 4. Nguyên tắc hỗ trợ

1. Việc hỗ trợ phát triển phải đảm bảo nguyên tắc công khai, minh bạch, bình đẳng, không trùng lặp.

2. Tổ chức, cá nhân có dự án khởi nghiệp sáng tạo quy định tại khoản 2 Điều 3 Nghị quyết được hỗ trợ thông qua các tổ chức trung gian hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo (sau đây gọi tắt là tổ chức trung gian).

3. Doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo có dự án khởi nghiệp sáng tạo quy định tại khoản 3 Điều 3 (sau đây gọi tắt là doanh nghiệp) được hỗ trợ trực tiếp từ Sở Khoa học và Công nghệ.

4. Nhà nước không hỗ trợ phát triển những dự án thuộc ngành nghề cấm đầu tư kinh doanh.

5. Trường hợp thuộc đối tượng ưu đãi, hỗ trợ của nhiều chính sách hỗ trợ phát triển dự án khởi nghiệp sáng tạo thì tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp được chọn chính sách có mức hỗ trợ cao nhất, thuận lợi nhất cho tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp.

6. Thời gian hỗ trợ nhiệm vụ theo phương thức hỗ trợ trước không quá 12 tháng/nhiệm vụ.

Điều 5. Điều kiện hỗ trợ

1. Tổ chức, cá nhân có dự án khởi nghiệp sáng tạo phải đáp ứng điều kiện: Tại thời điểm đăng ký, chưa nhận được bất kỳ nguồn kinh phí hỗ trợ từ ngân sách thành phố cho nội dung đề nghị hỗ trợ theo giai đoạn đề xuất hỗ trợ của dự án.

2. Đối với doanh nghiệp và tổ chức trung gian phải đảm bảo điều kiện tại khoản 1 Điều 5 và chấp hành các nghĩa vụ về thuế đối với Nhà nước và bảo hiểm xã hội cho người lao động.

3. Tổ chức trung gian phải có tư cách pháp nhân được thành lập theo quy định của pháp luật Việt Nam có hoạt động hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

4. Doanh nghiệp phải đăng ký thành lập trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

5. Trường hợp doanh nghiệp lựa chọn đề nghị hỗ trợ phát triển dự án theo phương thức hỗ trợ sau thì hồ sơ chứng từ có liên quan của dự án phải trong thời gian có hiệu lực của Nghị quyết và trước thời điểm nộp hồ sơ đề nghị hỗ trợ không quá 36 tháng.

Chương II

NỘI DUNG VÀ MỨC HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN DỰ ÁN KHỞI NGHIỆP SÁNG TẠO

Điều 6. Nội dung, mức hỗ trợ phát triển dự án khởi nghiệp sáng tạo giai đoạn tiền ươm tạo, ươm tạo, tăng tốc tại các tổ chức trung gian

1. Nội dung hỗ trợ

a) Hỗ trợ tiền công lao động trực tiếp cho tổ chức, cá nhân thực hiện dự án khởi nghiệp sáng tạo;

b) Hỗ trợ chi phí cho tổ chức hoạt động tuyển chọn dự án; chi phí thuê chuyên gia; dịch vụ hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo (bao gồm hoạt động marketing, quảng bá sản phẩm, dịch vụ; đánh giá, định giá tài sản trí tuệ, công nghệ, doanh nghiệp; hỗ trợ tư vấn, xây dựng áp dụng và chứng nhận các hệ thống quản lý; tư vấn pháp lý; sở hữu trí tuệ); chi phí sử dụng cơ sở kỹ thuật, cơ sở ươm tạo, khu làm việc chung; chi phí ươm tạo, nghiên cứu phát triển, hoàn thiện công nghệ, sản xuất thử nghiệm sản phẩm khởi nghiệp đổi mới sáng tạo.

2. Mức hỗ trợ

a) Dự án ở giai đoạn tiền ươm tạo

Mức hỗ trợ theo điểm a khoản 1 Điều này là 10 triệu đồng/dự án;

Mức hỗ trợ theo điểm b khoản 1 Điều này là 20 triệu đồng/dự án.

b) Dự án ở giai đoạn ươm tạo

Mức hỗ trợ theo điểm a khoản 1 Điều này là 20 triệu đồng/dự án;

Mức hỗ trợ theo điểm b khoản 1 Điều này là 40 triệu đồng/dự án.

c) Dự án ở giai đoạn tăng tốc

Mức hỗ trợ theo điểm a khoản 1 Điều này là 30 triệu đồng/dự án;

Mức hỗ trợ theo điểm b khoản 1 Điều này là 50 triệu đồng/dự án.

Điều 7. Nội dung, mức hỗ trợ dự án khởi nghiệp sáng tạo ở giai đoạn phát triển doanh nghiệp

1. Nội dung hỗ trợ

a) Hỗ trợ tiền công lao động trực tiếp thực hiện dự án khởi nghiệp sáng tạo;

b) Hỗ trợ chi phí thuê chuyên gia; dịch vụ hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo (bao gồm hoạt động marketing, quảng bá sản phẩm, dịch vụ; đánh giá, định giá tài sản trí tuệ, công nghệ, doanh nghiệp; hỗ trợ tư vấn, xây dựng áp dụng và chứng nhận các hệ thống quản lý; tư vấn pháp lý; sở hữu trí tuệ); chi phí sử dụng cơ sở kỹ thuật, cơ sở ươm tạo, khu làm việc chung; chi phí ươm tạo, nghiên cứu phát triển, hoàn thiện công nghệ, sản xuất thử nghiệm sản phẩm khởi nghiệp đổi mới sáng tạo.

2. Mức hỗ trợ

a) Hỗ trợ tiền công lao động trực tiếp thực hiện dự án khởi nghiệp sáng tạo tối đa 400 triệu đồng/dự án.

Định mức lập dự toán tiền công lao động theo quy định tại điểm a khoản 1 mục II Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 58/2023/NQ-HĐND ngày 21/9/2023 của Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng quy định mức lập dự toán thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

b) Mức hỗ trợ chi phí thuê chuyên gia tư vấn, huấn luyện, đào tạo, phối hợp nghiên cứu phát triển dự án khởi nghiệp sáng tạo

Hỗ trợ chi phí thuê chuyên gia trong nước: mức hỗ trợ tối đa 15 triệu đồng/chuyên gia. Trong trường hợp cần thiết phải thuê chuyên gia chuyên sâu, dài ngày (từ 30 ngày trở lên), mức hỗ trợ tối đa 40 triệu đồng/chuyên gia;

Hỗ trợ chi phí thuê chuyên gia quốc tế: doanh nghiệp căn cứ nội dung yêu cầu công việc thuê chuyên gia thực hiện thương thảo mức tiền thuê chuyên gia, thuyết minh rõ sự cần thiết, kết quả của việc thuê chuyên gia, tiêu chí đánh giá kết quả thuê chuyên gia làm cơ sở phê duyệt về số lượng và mức kinh phí thuê chuyên gia theo hợp đồng khoán việc;

c) Mức hỗ trợ chi phí dịch vụ hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tối đa 200 triệu đồng/dự án, trong đó:

Hỗ trợ hoạt động marketing, quảng bá sản phẩm, dịch vụ; đánh giá, định giá tài sản trí tuệ, công nghệ, doanh nghiệp; hỗ trợ tư vấn, xây dựng áp dụng và chứng nhận các hệ thống quản lý; tư vấn pháp lý: Hỗ trợ tối đa 150 triệu/dự án.

Thực hiện theo các quy định hiện hành về chế độ và định mức chi tiêu ngân sách nhà nước (nếu có), thanh toán theo hợp đồng và thực tế phát sinh trong phạm vi dự toán được phê duyệt;

Hỗ trợ hoạt động sở hữu trí tuệ, bao gồm: Hỗ trợ 35 triệu đồng/văn bằng bảo hộ đối với sáng chế/giải pháp hữu ích/ giống cây trồng mới trong nước; Hỗ trợ kinh phí 15 triệu đồng/văn bằng bảo hộ đối với đơn đăng ký bảo hộ kiểu dáng công nghiệp và nhãn hiệu trong nước; Hỗ trợ 60 triệu đồng/văn bằng bảo hộ đối với sáng chế, giải pháp hữu ích, kiểu dáng công nghiệp và nhãn hiệu, giống cây trồng mới ở nước ngoài.

d) Mức hỗ trợ sử dụng cơ sở kỹ thuật, cơ sở ươm tạo, khu làm việc chung:

Hỗ trợ chi phí sử dụng trang thiết bị tại cơ sở kỹ thuật, cơ sở ươm tạo, khu làm việc chung nhưng tối đa 50 triệu đồng/năm/doanh nghiệp;

Hỗ trợ chi phí thuê mặt bằng tại các cơ sở ươm tạo, khu làm việc chung nhưng tối đa 15 triệu đồng/tháng/doanh nghiệp. Thời gian hỗ trợ tối đa 12 tháng/doanh nghiệp;

Hỗ trợ kinh phí thuê không gian số, dịch vụ hỗ trợ trực tuyến cho doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, mức hỗ trợ tối đa 10 triệu đồng/tháng/doanh nghiệp. Thời gian hỗ trợ tối đa 12 tháng/doanh nghiệp.

Thực hiện theo các quy định hiện hành về chế độ và định mức chi tiêu ngân sách nhà nước (nếu có), thanh toán theo hợp đồng và thực tế phát sinh trong phạm vi dự toán được phê duyệt;

đ) Hỗ trợ kinh phí sản xuất thử nghiệm, làm sản phẩm mẫu, hoàn thiện công nghệ để phát triển dự án cho doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, mức hỗ trợ tối đa 300 triệu đồng.

Thực hiện theo các quy định hiện hành về chế độ và định mức chi tiêu ngân sách nhà nước (nếu có), thanh toán theo hợp đồng và thực tế phát sinh trong phạm vi dự toán được phê duyệt.

3. Tổng mức hỗ trợ theo quy định tại khoản 2 Điều này tối đa 01 tỷ đồng/dự án.

CHƯƠNG III

THẨM QUYỀN VÀ TRÌNH TỰ THỦ TỤC XÉT HỒ SƠ ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ

Điều 8. Thẩm quyền quyết định hỗ trợ

Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ quyết định hỗ trợ đối với các nội dung quy định tại Điều 6, Điều 7 của Nghị quyết.

Điều 9. Trình tự, thủ tục xét hồ sơ đề nghị hỗ trợ phát triển dự án khởi nghiệp sáng tạo giai đoạn tiền ươm tạo, ươm tạo, tăng tốc tại các tổ chức trung gian và dự án khởi nghiệp sáng tạo ở giai đoạn phát triển doanh nghiệp theo phương thức hỗ trợ trước

1. Trình tự thực hiện

a) Tổ chức, cá nhân có dự án khởi nghiệp sáng tạo theo khoản 2 Điều 3 Nghị quyết đăng ký tham gia các chương trình tiền ươm tạo, ươm tạo, tăng tốc tại các tổ chức trung gian. Tổ chức trung gian tổ chức tuyển chọn các dự án khởi nghiệp sáng tạo để hỗ trợ phát triển dự án khởi nghiệp sáng tạo giai đoạn tiền ươm tạo, ươm tạo, tăng tốc;

b) Hàng năm, Sở Khoa học và Công nghệ thông báo về việc tiếp nhận hồ sơ đề xuất hỗ trợ phát triển dự án khởi nghiệp sáng tạo để các tổ chức trung gian, doanh nghiệp biết và đề xuất nhiệm vụ hỗ trợ;

c) Tổ chức trung gian, doanh nghiệp có dự án khởi nghiệp sáng tạo nộp hồ sơ đề xuất nhiệm vụ hỗ trợ phát triển dự án khởi nghiệp sáng tạo về Sở Khoa học và Công nghệ;

d) Sở Khoa học và Công nghệ tiếp nhận hồ sơ đầy đủ, hợp lệ từ bộ phận tiếp nhận và trả kết quả;

đ) Sở Khoa học và Công nghệ tổ chức Hội đồng đánh giá hồ sơ đề xuất nhiệm vụ hỗ trợ

Trong 20 (hai mươi) ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Sở Khoa học và Công nghệ tổ chức Hội đồng đánh giá hồ sơ đề xuất nhiệm vụ hỗ trợ. Quy định về việc thành lập Hội đồng tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị quyết này.

Trên cơ sở kết quả làm việc của Hội đồng, trong 05 (năm) ngày làm việc, Sở Khoa học và Công nghệ đề nghị tổ chức trung gian/doanh nghiệp bổ sung, làm rõ thêm nội dung đề xuất và các hồ sơ liên quan (nếu có). Thời gian bổ sung hoàn thiện hồ sơ tối đa 15 (mười lăm) ngày làm việc.

Trường hợp không hỗ trợ, Sở Khoa học và Công nghệ có văn bản thông báo kết quả xét duyệt hồ sơ cho tổ chức, doanh nghiệp.

e) Sở Khoa học và Công nghệ thành lập Tổ thẩm định kinh phí

Trong 30 (ba mươi) ngày làm việc kể từ khi nhận được thuyết minh nhiệm vụ hoàn thiện theo ý kiến của Hội đồng, Sở Khoa học và Công nghệ thành lập Tổ thẩm định và tổ chức thẩm định kinh phí hỗ trợ. Quy định về việc thành lập Tổ thẩm định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị quyết này.

g) Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hoàn thiện theo kết luận của Tổ thẩm định, Sở Khoa học và Công nghệ ban hành Quyết định phê duyệt đơn vị chủ trì và kinh phí hỗ trợ (theo Mẫu 04.QĐPD tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị quyết này), ký kết Hợp đồng hỗ trợ kinh phí thực hiện nhiệm vụ.

2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

3. Thành phần hồ sơ gồm có:

a) Bản chính Đơn đề nghị hỗ trợ (theo Mẫu 01. ĐĐN theo Phụ lục II);

b) Bản sao có chứng thực Quyết định thành lập hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của tổ chức trung gian, doanh nghiệp đề xuất nhiệm vụ. Trong trường hợp tra cứu, khai thác được thông tin từ cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp thì tổ chức không phải nộp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

c) Bản chính thuyết minh nhiệm vụ theo Mẫu 02.TMNV-TCTG (đối với tổ chức trung gian), Mẫu 03.TMNV-DN (đối với doanh nghiệp) theo phụ lục II đính kèm;

d) Xác nhận việc chấp hành nghĩa vụ thuế, bảo hiểm xã hội đối với người lao động (Bản chính hoặc bản sao có chứng thực).

4. Cách thức thực hiện:

a) Nộp hồ sơ

Tổ chức trung gian, doanh nghiệp đề xuất nhiệm vụ nộp hồ sơ về Sở Khoa học và Công nghệ theo một trong các hình thức sau:

Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của Sở Khoa học và Công nghệ;

Gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích;

Nộp hồ sơ trực tuyến.

b) Trả kết quả

Trả kết quả trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của Sở Khoa học và Công nghệ.

5. Thời hạn giải quyết: 60 (sáu mươi) ngày làm việc.

6. Cơ quan giải quyết:

a) Cơ quan thực hiện: Sở Khoa học và Công nghệ;

b) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Khoa học và Công nghệ.

7. Kết quả thực hiện: Quyết định hỗ trợ của Sở Khoa học và Công nghệ hoặc văn bản thông báo kết quả xét duyệt hồ sơ.

Điều 10. Đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ hỗ trợ phát triển dự án khởi nghiệp sáng tạo

1. Trình tự thực hiện

a) Trước thời điểm kết thúc hợp đồng, tổ chức trung gian, doanh nghiệp chủ trì thực hiện nhiệm vụ gửi hồ sơ đề nghị đánh giá, nghiệm thu về Sở Khoa học và Công nghệ.

Trong trường hợp bất khả kháng không thể tiếp tục thực hiện nhiệm vụ, tổ chức trung gian, doanh nghiệp chủ trì thực hiện nhiệm vụ gửi hồ sơ đề nghị dừng triển khai nhiệm vụ về Sở Khoa học và Công nghệ;

b) Sở Khoa học và Công nghệ tiếp nhận hồ sơ đầy đủ, hợp lệ từ bộ phận tiếp nhận và trả kết quả;

c) Sở Khoa học và Công nghệ tổ chức Hội đồng đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ

Trong thời hạn 20 (hai mươi) ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Sở Khoa học và Công nghệ quyết định thành lập Hội đồng đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện. Quy định về việc thành lập Hội đồng tại Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị quyết này.

Trường hợp kết quả thực hiện nhiệm vụ được đánh giá đạt yêu cầu, trong thời hạn 07 ngày làm việc, tổ chức trung gian, doanh nghiệp chủ trì thực hiện nhiệm vụ có trách nhiệm chỉnh sửa, bổ sung các ý kiến góp ý của Hội đồng (nếu có).

Trường hợp kết quả thực hiện nhiệm vụ được Hội đồng đánh giá, nghiệm thu xếp loại không đạt yêu cầu hoặc nhiệm vụ dừng thực hiện. Hội đồng đánh giá, nghiệm thu tiến hành xác định nguyên nhân dẫn đến việc nhiệm vụ không hoàn thành hoặc dừng thực hiện;

d) Phê duyệt kết quả thực hiện nhiệm vụ

Trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ đầy đủ và đạt yêu cầu, Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm xem xét ban hành Quyết định công nhận kết quả thực hiện nhiệm vụ (theo Mẫu 07.QĐCN tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị quyết này).

Đối với kết quả thực hiện nhiệm vụ được Hội đồng đánh giá, nghiệm thu xếp loại không đạt yêu cầu hoặc nhiệm vụ dừng thực hiện, Sở Khoa học và Công nghệ ban hành Quyết định về việc hoàn trả kinh phí cho ngân sách nhà nước và tiến hành thu hồi kinh phí hỗ trợ, cụ thể như sau:

Tổ chức trung gian, doanh nghiệp chủ trì thực hiện nhiệm vụ có trách nhiệm nộp hoàn trả ngân sách nhà nước toàn bộ số kinh phí của nhiệm vụ đã được cấp nhưng chưa sử dụng.

Đối với phần kinh phí của nhiệm vụ đã sử dụng:

Trường hợp do nguyên nhân khách quan (thiên tai, hỏa hoạn, tai nạn hoặc các nguyên nhân khách quan liên quan đến công nghệ, thị trường và các trường hợp khách quan khác theo ý kiến của Hội đồng đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ): không phải hoàn trả kinh phí đã sử dụng.

Trường hợp do nguyên nhân chủ quan: Tổ chức chủ trì có trách nhiệm nộp hoàn trả ngân sách nhà nước 20% tổng kinh phí ngân sách nhà nước đã sử dụng đúng quy định. Trường hợp do nguyên nhân chủ quan và không chứng minh được kinh phí đã sử dụng đúng quy định: nộp trả 100% kinh phí đã sử dụng.

Căn cứ biên bản đánh giá, nghiệm thu của Hội đồng, Quyết định công nhận kết quả triển khai nhiệm vụ/ Quyết định về việc hoàn trả kinh phí cho ngân sách nhà nước, Sở Khoa học và Công nghệ thực hiện thủ tục thanh lý hợp đồng.

2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

3. Thành phần hồ sơ gồm có:

a) Bản chính văn bản đề nghị đánh giá, nghiệm thu/dừng thực hiện nhiệm vụ (Mẫu 05.ĐNNT tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị quyết này);

b) Bản chính báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ (Mẫu 06.BCKQ tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị quyết này);

c) Bản chính báo cáo quyết toán tình hình sử dụng kinh phí;

d) Các hồ sơ, tài liệu khác có liên quan đến các sản phẩm trung gian theo thuyết minh nhiệm vụ và hợp đồng hỗ trợ thực hiện nhiệm vụ đã ký kết (nếu có).

4. Cách thức thực hiện:

a) Nộp hồ sơ

Tổ chức trung gian/doanh nghiệp nộp hồ sơ về Sở Khoa học và Công nghệ theo một trong các hình thức sau:

Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của Sở Khoa học và Công nghệ.

Gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính, dịch vụ bưu chính công ích.

Nộp hồ sơ trực tuyến.

b) Trả kết quả

Trả kết quả trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của Sở Khoa học và Công nghệ.

5. Thời hạn giải quyết: 30 (ba mươi) ngày làm việc.

6. Cơ quan giải quyết:

a) Cơ quan thực hiện: Sở Khoa học và Công nghệ;

b) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Khoa học và Công nghệ.

7. Kết quả thực hiện: Quyết định công nhận kết quả thực hiện nhiệm vụ hoặc văn bản thông báo kết quả triển khai nhiệm vụ của Sở Khoa học và Công nghệ.

Điều 11. Trình tự, thủ tục xét hồ sơ đề nghị hỗ trợ dự án khởi nghiệp sáng tạo ở giai đoạn phát triển doanh nghiệp theo phương thức hỗ trợ sau

1) Trình tự thực hiện

a) Nộp hồ sơ: Doanh nghiệp có dự án khởi nghiệp sáng tạo nộp hồ sơ đề nghị hỗ trợ trực tiếp về Sở Khoa học và Công nghệ. Thành phần hồ sơ theo quy định tại khoản 2 của điều này;

b) Sở Khoa học và Công nghệ tiếp nhận hồ sơ đầy đủ, hợp lệ từ bộ phận tiếp nhận và trả kết quả;

c) Sở Khoa học và Công nghệ thành lập Tổ thẩm định hồ sơ

Trong 15 (mười lăm) ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Sở Khoa học và Công nghệ thành lập Tổ thẩm định và tổ chức thẩm định hồ sơ. Trên cơ sở kết quả làm việc của Tổ thẩm định, trong 05 (năm) ngày làm việc, Sở Khoa học và Công nghệ đề nghị doanh nghiệp bổ sung, làm rõ thêm nội dung dự án và các hồ sơ liên quan (nếu có). Thời gian bổ sung hoàn thiện hồ sơ tối đa 10 (mười) ngày làm việc. Quy định về việc thành lập Tổ thẩm định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị quyết này.

d) Trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày làm việc kể từ ngày doanh nghiệp bổ sung hoàn thiện hồ sơ, Sở Khoa học và Công nghệ tổ chức Hội đồng đánh giá hồ sơ đề nghị hỗ trợ. Quy định về việc thành lập Hội đồng tại Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị quyết này.

đ) Trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày họp Hội đồng đánh giá, Sở Khoa học và Công nghệ ban hành Quyết định hỗ trợ kinh phí (theo Mẫu 08.HTKP tại phụ lục II ban hành kèm theo Nghị quyết này), ký kết Hợp đồng hỗ trợ hoặc văn bản thông báo kết quả cho đơn vị đề xuất.

2. Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

3. Thành phần hồ sơ:

a) Trường hợp doanh nghiệp có dự án khởi nghiệp sáng tạo đề xuất hỗ trợ theo nội dung quy định tại điểm a khoản 2 Điều 7 của Nghị quyết hoặc tổng hợp nhiều nội dung quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 7 của Nghị quyết, thành phần hồ sơ bao gồm:

Bản chính Đơn đề nghị hỗ trợ (theo Mẫu 01. ĐĐN đơn tại Phụ lục II);

Bản sao có chứng thực Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Trong trường hợp tra cứu, khai thác được thông tin từ cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp thì tổ chức không phải nộp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;

Xác nhận việc chấp hành nghĩa vụ thuế, bảo hiểm xã hội đối với người lao động (Bản chính hoặc bản sao có chứng thực);

Bản chính báo cáo kết quả phát triển dự án khởi nghiệp sáng tạo theo Mẫu 06. BCKQ theo phụ lục II đính kèm.

b) Trường hợp doanh nghiệp có dự án khởi nghiệp sáng tạo đề xuất hỗ trợ một phần nội dung quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 7 của Nghị quyết, thành phần hồ sơ bao gồm:

Bản chính Đơn đề nghị hỗ trợ (theo Mẫu 01. ĐĐN đơn tại Phụ lục II).

Bản sao có chứng thực Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Trong trường hợp tra cứu, khai thác được thông tin từ cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp thì tổ chức không phải nộp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;

Xác nhận việc chấp hành nghĩa vụ thuế, bảo hiểm xã hội đối với người lao động (Bản chính hoặc bản sao có chứng thực).

Bản chính báo cáo kết quả hoạt động thuê chuyên gia tư vấn, huấn luyện, đào tạo, phối hợp nghiên cứu phát triển dự án khởi nghiệp sáng tạo và các tài liệu minh chứng kèm theo đối với nội dung đề xuất hỗ trợ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 7 của Nghị quyết này.

Bản chính báo cáo kết quả triển khai hoạt động marketing, quảng bá sản phẩm, dịch vụ và các tài liệu minh chứng kèm theo đối với nội dung đề xuất hỗ trợ quy định tại tiết đầu tiên điểm c khoản 2 Điều 7 của Nghị quyết này.

Bản sao có chứng thực văn bằng bảo hộ sáng chế, giải pháp hữu ích, kiểu dáng công nghiệp và nhãn hiệu, giống cây trồng mới đối với nội dung đề xuất hỗ trợ quy định tại tiết thứ hai điểm c khoản 2 Điều 7 của Nghị quyết này.

Bản sao có chứng thực Hợp đồng thuê sử dụng cơ sở kỹ thuật, cơ sở ươm tạo, khu làm việc chung; Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh của dự án khởi nghiệp sáng tạo trong thời gian sử dụng dụng cơ sở kỹ thuật, cơ sở ươm tạo, khu làm việc chung đối với nội dung đề xuất hỗ trợ quy định tại điểm d khoản 2 Điều 7 của Nghị quyết này.

Báo cáo kết quả triển khai hoạt động sản xuất thử nghiệm, làm sản phẩm mẫu, hoàn thiện công nghệ đối với nội dung đề xuất hỗ trợ quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 7 của Nghị quyết này.

4. Cách thức thực hiện:

a) Nộp hồ sơ

Đơn vị đề xuất nhiệm vụ nộp hồ sơ về Sở Khoa học và Công nghệ theo một trong các hình thức sau:

Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của Sở Khoa học và Công nghệ.

Gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính, dịch vụ bưu chính công ích.

Nộp hồ sơ trực tuyến.

b) Trả kết quả

Trả kết quả trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của Sở Khoa học và Công nghệ.

5. Thời hạn giải quyết: 60 (Sáu mươi) ngày làm việc.

6. Cơ quan giải quyết:

a) Cơ quan thực hiện: Sở Khoa học và Công nghệ;

b) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Khoa học và Công nghệ.

7. Kết quả thực hiện: Quyết định phê duyệt hỗ trợ của Sở Khoa học và Công nghệ hoặc văn bản thông báo kết quả xét duyệt hồ sơ đề nghị hỗ trợ.

Chương IV **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

Điều 12. Kinh phí thực hiện chính sách

1. Nguồn kinh phí

Kinh phí thực hiện cân đối từ nguồn ngân sách nhà nước được bố trí trong dự toán ngân sách nhà nước hàng năm cho Sở Khoa học và Công nghệ. Sở Khoa học và Công nghệ tổ chức thực hiện và thanh quyết toán đảm bảo theo đúng quy định hiện hành.

2. Nguyên tắc sử dụng kinh phí

a) Kinh phí thực hiện chính sách được bảo đảm chi cho các hoạt động hỗ trợ phát triển dự án khởi nghiệp sáng tạo và chi cho công tác tổ chức thẩm định, đánh giá hồ sơ đề nghị hỗ trợ, phù hợp với chủ trương, chính sách hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo của thành phố;

b) Các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp sử dụng kinh phí hỗ trợ phát triển dự án khởi nghiệp sáng tạo phải đúng mục đích, đúng chế độ, chịu sự kiểm tra, kiểm soát của cơ quan chức năng có thẩm quyền; thực hiện quyết toán kinh phí hỗ trợ theo quy định hiện hành;

Điều 13. Tổ chức thực hiện

1. UBND thành phố có trách nhiệm:

a) Cân đối bố trí ngân sách hằng năm để thực hiện Nghị quyết theo đúng quy định của pháp luật.

b) Giao Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì triển khai, hướng dẫn thực hiện chính sách, tiếp nhận hồ sơ, xét chọn, thẩm định, phê duyệt và thực hiện công tác hỗ trợ các nội dung theo Nghị quyết. Giao Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ quyết định thành lập Hội đồng và ban hành các biểu mẫu làm việc của Hội đồng.

2. Thường trực HĐND thành phố, các Ban của HĐND thành phố, các Tổ đại biểu và đại biểu HĐND thành phố giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

3. Trong trường hợp có sự thay đổi, điều chỉnh về trình tự, thủ tục thực hiện các nội dung chính sách, UBND thành phố trình HĐND thành phố để xem xét, điều chỉnh cho phù hợp.

4. Cá nhân, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, tổ chức trung gian chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của các thông tin trong hồ sơ đề xuất hỗ trợ phát triển dự án khởi nghiệp sáng tạo.

Điều 14. Điều khoản thi hành

1. Trường hợp các văn bản dẫn chiếu tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì thực hiện theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

2. Nghị quyết này đã được HĐND thành phố Đà Nẵng khóa ..., nhiệm kỳ, kỳ họp thứ ... thông qua ngàytháng....năm 2024 và có hiệu lực thi hành từ ngày....tháng....năm 2025./.

Nơi nhận:

UBTVQH, Chính phủ, VP Chủ tịch nước;
 Vụ Pháp chế Bộ KH&CN;
 Bộ Tài chính; Cục KTVB QPPL Bộ Tư pháp;
 BTV Thành ủy, cơ quan tham mưu, giúp việc Thành ủy;
 ĐB HĐND TP; Đoàn ĐBQH TP;
 CT, PCT UBND TP;
 UBND TP, UBMTTQVN TP;
 Các sở, ngành, đoàn thể TP;
 Quận, huyện ủy; HĐND, UBND, UBMTTQ các quận, huyện;
 Báo ĐN, Báo CATP ĐN, Đài PTTH ĐN, TT TTVN tại ĐN
 (VTV8), Cổng TTĐT thành phố;
 Công báo thành phố;
 Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND và UBND TP;
 Lưu: VTLT, NCPC, VHXX.

CHỦ TỊCH

Phụ lục I

THÀNH PHẦN HỘI ĐỒNG, PHƯƠNG THỨC LÀM VIỆC, TRÌNH TỰ LÀM VIỆC, TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG ĐÁNH GIÁ HỒ SƠ VÀ TỔ THẨM ĐỊNH KINH PHÍ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN DỰ ÁN KHỞI NGHIỆP SÁNG TẠO TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số /2025/NQ-HĐND ngày tháng năm 2025 của Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng)

A. HỘI ĐỒNG ĐÁNH GIÁ HỒ SƠ

I. THÀNH PHẦN

Hội đồng đánh giá hồ sơ đề xuất hỗ trợ do Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ thành lập, có 05-09 thành viên, bao gồm Chủ tịch, 01 Phó Chủ tịch Hội đồng, các thành viên Hội đồng là chuyên gia về khoa học công nghệ, khởi nghiệp sáng tạo (KNST) hoặc đại diện cơ quan quản lý, cơ quan chuyên môn có liên quan.

II. PHƯƠNG THỨC LÀM VIỆC

1. Phiên họp của Hội đồng phải có mặt ít nhất 2/3 thành viên của Hội đồng, trong đó phải có Chủ tịch hoặc Phó chủ tịch.

2. Thành viên hội đồng có trách nhiệm nghiên cứu tài liệu do Sở Khoa học và Công nghệ cung cấp và chuẩn bị ý kiến nhận xét đánh giá thuyết minh nhiệm vụ.

3. Hội đồng làm việc theo nguyên tắc tập trung dân chủ. Các ý kiến kết luận của hội đồng được thông qua khi trên 3/4 (ba phần tư) số thành viên của hội đồng có mặt nhất trí bằng hình thức biểu quyết trực tiếp hoặc bỏ phiếu kín.

4. Các ý kiến khác nhau của thành viên được thư ký khoa học của hội đồng tổng hợp để hội đồng thảo luận và biểu quyết thông qua. Thành viên hội đồng chịu trách nhiệm cá nhân về ý kiến của mình và chịu trách nhiệm tập thể về ý kiến kết luận của hội đồng.

III. TRÌNH TỰ LÀM VIỆC

1. Thư ký hành chính đọc quyết định thành lập hội đồng, giới thiệu thành phần hội đồng và các đại biểu tham dự.

2. Hội đồng trao đổi thống nhất nguyên tắc làm việc và bầu thư ký khoa học của Hội đồng.

3. Hội đồng tiến hành đánh giá các hồ sơ:

Các ủy viên hội đồng trình bày nhận xét đánh giá hồ sơ theo các tiêu chí trong phiếu đánh giá hồ sơ đề xuất nhiệm vụ.

Thư ký hội đồng đọc ý kiến nhận xét bằng văn bản của thành viên vắng mặt (nếu có) để Hội đồng xem xét, tham khảo;

Hội đồng thảo luận, đánh giá từng hồ sơ theo các tiêu chí đánh giá quy định. Trong quá trình thảo luận hội đồng có thể nêu câu hỏi đối với các thành viên hội đồng hoặc tổ chức trung gian về ý kiến nhận xét.

4. Hội đồng bầu ban kiểm phiếu và cho điểm đánh giá hồ sơ đề xuất nhiệm vụ hỗ trợ

Hội đồng bầu ban kiểm phiếu gồm ba (03) người là ủy viên của hội đồng, trong đó có trưởng ban kiểm phiếu và hai (02) thành viên.

Hội đồng cho điểm theo các tiêu chí, thang điểm;

Các thư ký hành chính của hội đồng giúp ban kiểm phiếu tổng hợp kết quả đánh giá của các thành viên hội đồng.

5. Tổ chức trung gian được hội đồng đề xuất thực hiện nhiệm vụ phải có hồ sơ với tổng số điểm trung bình đạt từ 70/100 điểm trở lên, trong đó, tiêu chí bắt buộc phải có ít nhất 2/3 số thành viên hội đồng đánh giá đạt.

6. Hội đồng công bố công khai kết quả chấm điểm đánh giá và thông qua biên bản làm việc của hội đồng.

7. Hội đồng thảo luận để thống nhất kiến nghị.

8. Thư ký hành chính hoàn thiện biên bản họp Hội đồng.

9. Hội đồng thông qua biên bản làm việc.

IV. TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ HỒ SƠ ĐỀ XUẤT NHIỆM VỤ

1. Tiêu chí bắt buộc đối với tổ chức trung gian, doanh nghiệp đề xuất nhiệm vụ hỗ trợ

a) Đối với tổ chức trung gian

Người đứng đầu có ít nhất 01 năm kinh nghiệm hoạt động tư vấn đầu tư, tài chính, hỗ trợ, phát triển doanh nghiệp;

Có khung chương trình ươm tạo, đào tạo, huấn luyện, tư vấn cho khởi nghiệp sáng tạo hoặc có khả năng liên kết với các tổ chức, cá nhân khác thực hiện nhiệm vụ.

b) Đối với doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, đáp ứng các tiêu chí sau:

Có thời gian hoạt động không quá 05 năm kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu;

Chưa thực hiện chào bán chứng khoán ra công chúng đối với công ty cổ phần;

Sản xuất, kinh doanh sản phẩm, dịch vụ trên cơ sở khai thác công nghệ, tài sản trí tuệ, tài sản số, mô hình kinh doanh mới có khả năng tăng trưởng nhanh hoặc đáp ứng được một trong các tiêu chí quy định tại Điều 20 Nghị định số 80/2021/NĐ-CP ngày 26/4/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.

Căn cứ tiêu chí đối với doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, Hội đồng xác định doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo theo một trong các phương thức sau đây:

- Lựa chọn các doanh nghiệp có giải thưởng cấp quốc gia, quốc tế về khởi nghiệp sáng tạo hoặc sản phẩm, dự án về đổi mới sáng tạo; hoặc được cấp văn bằng bảo hộ đối với sáng chế; hoặc được cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học công nghệ, Giấy chứng nhận doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

- Lựa chọn các doanh nghiệp đã được đầu tư hoặc cam kết đầu tư bởi các quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo; được hỗ trợ hoặc cam kết hỗ trợ bởi các khu làm việc chung, các tổ chức hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo, tổ chức cung cấp dịch vụ, cơ sở ươm tạo, cơ sở thúc đẩy kinh doanh, các trung tâm đổi mới sáng tạo theo quy định của pháp luật về đầu tư.

- Hội đồng xem xét, đánh giá theo các tiêu chí quy định trên cơ sở hồ sơ đề xuất nhiệm vụ của doanh nghiệp.

2. Tiêu chí đánh giá thuyết minh nhiệm vụ dành cho tổ chức trung gian

a) Năng lực, kinh nghiệm của tổ chức/cá nhân thực hiện nhiệm vụ (tối đa 30 điểm)

Năng lực, kinh nghiệm của tổ chức trung gian đề xuất nhiệm vụ;

Năng lực, kinh nghiệm của cá nhân chủ nhiệm nhiệm vụ;

Năng lực tài chính, cơ sở vật chất kỹ thuật, năng lực của tổ chức chủ trì, đối tác, nhân sự, chuyên gia khởi nghiệp sáng tạo tham gia thực hiện nhiệm vụ;

b) Đánh giá nội dung nhiệm vụ (tối đa 40 điểm)

Khả năng đáp ứng nhu cầu khách hàng, quy mô tăng trưởng của thị trường;

Tính khả thi, tính thống nhất, phù hợp với nhu cầu thực tiễn;

Mức độ phù hợp của kế hoạch triển khai nhiệm vụ;

Sự phù hợp và khả năng đáp ứng yêu cầu triển khai nhiệm vụ của tổ chức chủ trì, cá nhân chủ nhiệm và nhân sự triển khai nhiệm vụ.

c) Mức độ liên kết với các thành phần khác của hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo (tối đa 10 điểm)

Phương án phối hợp với các đơn vị hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo khác trong quá trình triển khai và sau khi hoàn thành nhiệm vụ;

Phương án kết hợp với các chủ thể khác trong hệ sinh thái để lan tỏa phạm vi tác động của nhiệm vụ;

d) Mức độ ảnh hưởng đối với hệ sinh thái hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo (tối đa 20 điểm).

Phạm vi, số lượng đối tượng được thụ hưởng từ việc triển khai nhiệm vụ;

Phạm vi tác động của kết quả thực hiện nhiệm vụ đối với hệ sinh thái hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo.

3. Tiêu chí đánh giá thuyết minh nhiệm vụ dành cho doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo

a) Năng lực, kinh nghiệm của doanh nghiệp/cá nhân chủ nhiệm nhiệm vụ (tối đa 30 điểm)

Năng lực về nhân sự: Năng lực, kinh nghiệm chuyên môn của sáng lập viên, ban điều hành, đội ngũ cán bộ/nhân viên của doanh nghiệp; chuyên gia cố vấn, đối tác chính ở trong nước, nước ngoài,...

Năng lực về tài chính và công nghệ: Vốn cố định, vốn lưu động, giá trị tài sản trí tuệ, giá trị công nghệ, giá trị doanh nghiệp do doanh nghiệp tự đánh giá hoặc do tổ chức khác đánh giá, giá trị giao dịch gọi vốn/thoái vốn đã thực hiện, kết quả hoạt động, giải thưởng, danh hiệu liên quan đến khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo, công nghệ, sở hữu trí tuệ, tiêu chuẩn chất lượng, đóng góp phát triển cộng đồng đã đạt được,...

b) Đánh giá nội dung nhiệm vụ (tối đa 40 điểm)

Đánh giá nhu cầu thị trường;

Đánh giá khả năng khả năng đáp ứng của giải pháp với nhu cầu thị trường;

Đánh giá sản phẩm/dịch vụ/mô hình kinh doanh;

c) Sự cần thiết hỗ trợ của Nhà nước, ảnh hưởng của nhiệm vụ đến đời sống kinh tế - xã hội và khả năng kiểm soát rủi ro (tối đa 30 điểm).

Khả năng kiểm soát rủi ro, tính bền vững của nhiệm vụ;

Tác động về kinh tế - xã hội, văn hóa, môi trường, thúc đẩy đổi mới sáng tạo từ việc phát triển sản phẩm/dịch vụ/mô hình kinh doanh mới của tổ chức chủ trì và tổ chức, cá nhân tham gia thực hiện nhiệm vụ.

B. TỔ THẨM ĐỊNH KINH PHÍ

I. THÀNH PHẦN

Tổ thẩm định kinh phí có 05 thành viên, bao gồm:

1. Một (01) Tổ trưởng tổ thẩm định kinh phí là Chủ tịch hoặc Phó chủ tịch Hội đồng đánh giá thuyết minh nhiệm vụ;

2. Bốn (04) thành viên là đại diện của các phòng, đơn vị thuộc Sở Khoa học và Công nghệ hoặc các đơn vị khác có liên quan đến nội dung của nhiệm vụ.

II. PHƯƠNG THỨC LÀM VIỆC

1. Phiên họp của tổ thẩm định phải có mặt ít nhất 2/3 thành viên của tổ thẩm định, trong đó phải có Tổ trưởng tổ thẩm định.

2. Thành viên tổ thẩm định có trách nhiệm nghiên cứu tài liệu do Sở Khoa học và Công nghệ cung cấp và chuẩn bị ý kiến nhận xét đánh giá kinh phí nhiệm vụ.

3. Tổ thẩm định làm việc theo nguyên tắc tập trung dân chủ. Các ý kiến kết luận của Tổ thẩm định được thông qua khi trên 3/4 (ba phần tư) số thành viên của Tổ thẩm định có mặt nhất trí bằng hình thức biểu quyết trực tiếp hoặc bỏ phiếu kín.

4. Các ý kiến khác nhau của thành viên được thư ký khoa học của tổ thẩm định tổng hợp để thảo luận và biểu quyết thông qua. Thành viên tổ thẩm định chịu trách nhiệm cá nhân về ý kiến của mình và chịu trách nhiệm tập thể về ý kiến kết luận của tổ thẩm định.

III. TRÌNH TỰ LÀM VIỆC

1. Thư ký hành chính đọc quyết định thành lập Tổ thẩm định, giới thiệu thành phần tổ thẩm định và các đại biểu tham dự.

2. Tổ trưởng Tổ thẩm định nêu những yêu cầu và nội dung chủ yếu về việc thẩm định kinh phí đối với nhiệm vụ.

3. Thành viên Tổ thẩm định là chủ tịch hoặc phó chủ tịch cho ý kiến nhận xét đối với những nội dung của nhiệm vụ và kinh phí thực hiện nhiệm vụ.

4. Các thành viên Tổ thẩm định nêu ý kiến thẩm định.

5. Thư ký hành chính giúp Tổ thẩm định hoàn thiện biên bản thẩm định.

6. Tổ thẩm định thông qua biên bản làm việc.

IV. NỘI DUNG ĐÁNH GIÁ KINH PHÍ NHIỆM VỤ

1. Sự phù hợp về khối lượng công việc và tổng dự toán kinh phí;

2. Mức độ hợp lý trong phân bổ dự toán kinh phí cho các hoạt động;

3. Mức độ hợp lý về nội dung, định mức hỗ trợ kinh phí từ ngân sách nhà nước;

4. Mức độ hợp lý trong phân bổ dự toán kinh phí trong liên danh (nếu có);

5. Mức độ đáp ứng về nguồn kinh phí đối ứng, nguồn kinh phí huy động từ các nguồn ngoài ngân sách nhà nước./.

Phụ lục II
BIỂU MẪU TRIỂN KHAI NHIỆM VỤ HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN
DỰ ÁN KHỞI NGHIỆP SÁNG TẠO

*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số /2025/NQ-HĐND ngày tháng năm 2025
của Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng)*

1. Mẫu 01. ĐĐN: Đơn đề nghị hỗ trợ
2. Mẫu 02. TMNV-TCTG: Thuyết minh nhiệm vụ hỗ trợ phát triển dự án khởi nghiệp sáng tạo dành cho các tổ chức trung gian
3. Mẫu 03. TMNV-DN: Thuyết minh nhiệm vụ hỗ trợ phát triển dự án khởi nghiệp sáng tạo của các doanh nghiệp
4. Mẫu 04. QĐPD: Quyết định đơn vị chủ trì và kinh phí hỗ trợ
5. Mẫu 05. ĐNNT: Văn bản đề nghị nghiệm thu nhiệm vụ hỗ trợ phát triển dự án khởi nghiệp sáng tạo;
6. Mẫu 06. BCKQ: Hướng dẫn viết báo cáo tổng kết nhiệm vụ;
7. Mẫu 07. QĐCN: Quyết định công nhận kết quả thực hiện nhiệm vụ;
8. Mẫu 08. HTKP: Quyết định hỗ trợ kinh phí.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập Tự do Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ.....

Kính gửi: Sở Khoa học và Công nghệ thành phố Đà Nẵng

1. Tên tổ chức trung gian/doanh nghiệp đề nghị hỗ trợ:
2. Địa chỉ:.....
3. Điện thoại:
4. Fax:
5. E-mail:
6. Người đại diện theo pháp luật:
 Họ và tên:.....
 Chức vụ:.....
7. Mã số doanh nghiệp:.....
8. Đề nghị xem xét hỗ trợ:
-
9. Các tài liệu kèm theo:
 (1).....
 (2).....

Chúng tôi cam kết các hồ sơ gửi đến Sở Khoa học và Công nghệ là đúng sự thật và chưa nhận được sự hỗ trợ kinh phí từ ngân sách nhà nước cho các nội dung đề xuất hỗ trợ.

Nơi nhận:
 Như trên;
 Lưu:

....., ngày tháng ... năm ...

NGƯỜI ĐẠI DIỆN
TỔ CHỨC TRUNG GIAN/ DOANH NGHIỆP
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

THUYẾT MINH NHIỆM VỤ
PHÁT TRIỂN DỰ ÁN KHỞI NGHIỆP SÁNG TẠO GIAI ĐOẠN TIỀN ƯƠM
TẠO/ƯƠM TẠO/TĂNG TỐC NĂM
(Dành cho tổ chức trung gian đề xuất nhiệm vụ)

1. Tên nhiệm vụ
2. Thông tin về tổ chức thực hiện nhiệm vụ
2.1. Tổ chức chủ trì (đồng thời là tổ chức đứng đầu liên danh, nếu có)
2.1.1. Tên, địa chỉ trụ sở
2.1.2. Lãnh đạo của tổ chức <i>(Họ và tên, chức vụ, thư điện tử, điện thoại, địa chỉ)</i>
2.1.3. Năng lực của người đứng đầu tổ chức chủ trì (đồng thời là người đứng đầu liên danh, nếu có)
2.1.4. Chủ nhiệm nhiệm vụ <i>(Họ và tên, chức vụ, thư điện tử, điện thoại, địa chỉ)</i>
2.1.5. Nội dung, kết quả hoạt động hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo của tổ chức

.....
2.2. Tổ chức tham gia liên danh thứ nhất (nếu có)
2.2.1. Tên, địa chỉ trụ sở
2.2.2. Lãnh đạo của tổ chức (Họ và tên, chức vụ, thư điện tử, điện thoại, địa chỉ)
2.2.3. Các thành viên chính tham gia thực hiện nhiệm vụ (Họ và tên, chức vụ, thư điện tử, điện thoại, địa chỉ)
2.2.4. Nội dung, kết quả hoạt động hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo của tổ chức
2.3. Tổ chức tham gia liên danh thứ hai (nếu có)
2.3.1. Tên, địa chỉ trụ sở
2.3.2. Lãnh đạo của tổ chức (Họ và tên, chức vụ, thư điện tử, điện thoại, địa chỉ)
2.3.3. Các thành viên chính tham gia thực hiện nhiệm vụ (Họ và tên, chức vụ, thư điện tử, điện thoại, địa chỉ)
2.3.4. Nội dung, kết quả hoạt động hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo của tổ chức
3. Mô tả ngắn gọn về nhiệm vụ (mục tiêu và nội dung hoạt động chính của nhiệm vụ đề xuất thực hiện)

.....

4. Nguồn nhân lực và tài chính, cơ sở vật chất kỹ thuật được sử dụng để thực hiện nhiệm vụ

(Tóm tắt năng lực, kinh nghiệm của đội ngũ cán bộ, nhân viên của tổ chức, mạng lưới chuyên gia tham gia thực hiện nội dung chính của nhiệm vụ; kết quả, giải thưởng, danh hiệu liên quan đến hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo đã đạt được; nguồn lực tài chính, cơ sở vật chất-kỹ thuật được phép khai thác, sử dụng để thực hiện nhiệm vụ, kèm theo tài liệu chứng minh)

.....

.....

.....

.....

5. Tổng quan nhu cầu thực tiễn

(Phân tích điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội, thách thức về thực trạng năng lực, nhu cầu của các chủ thể liên quan trong hệ sinh thái hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo và khả năng đáp ứng nhu cầu đó)

.....

.....

.....

.....

6. Giải pháp

(Phân tích giải pháp đề xuất trên cơ sở phân tích tổng quan nhu cầu thực tiễn; nêu rõ điểm mới trong cách tiếp cận, biện pháp, cách thức triển khai, điều kiện đảm bảo tính khả thi của giải pháp)

.....

.....

.....

.....

7. Vai trò của tổ chức tham gia liên danh (nếu có)

(Nêu rõ những hoạt động chính do tổ chức chủ trì, tổ chức tham gia liên danh thực hiện trong triển khai nhiệm vụ; vai trò điều phối, trách nhiệm của tổ chức chủ trì và người đứng đầu liên danh; phương án phân công, phối hợp, giám sát, kiểm tra hoạt động và đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của các tổ chức tham gia liên danh)

.....

.....

.....

.....

8. Nội dung hoạt động, dự kiến sản phẩm, kết quả thực hiện nhiệm vụ

(Nêu nội dung hoạt động chính và số liệu liên quan làm cơ sở cho dự toán kinh phí, các nội

dung hỗ trợ theo quy định tại Điều 5, Nghị quyết số/2025/NQ-HĐND thành phố Đà Nẵng)

8.1. Nội dung triển khai chính	8.2. Hoạt động	8.3. Giải thích
Nội dung 1	Hoạt động 1	
	Hoạt động 2	
	Hoạt động 3...	

8.4. Thời gian và tiến độ thực hiện nhiệm vụ

Nội dung, hoạt động	Kết quả phải đạt/Sản phẩm thu được	Thời gian thực hiện (Tháng thứ...)	Đơn vị thực hiện (đối với liên danh)
Nội dung 1:			
Hoạt động 1:			
Hoạt động 2:			
Nội dung 2:			
Hoạt động 1:			
Hoạt động 2:			
Nội dung 3:			
Hoạt động 1:			
Hoạt động 2:			

8.5. Kết quả thực hiện nhiệm vụ

(Phục vụ đánh giá nghiệm thu)

Nêu rõ số lượng dự án được hỗ trợ theo các giai đoạn (tiền ươm tạo, ươm tạo, tăng tốc).

8.6. Sản phẩm

(Phục vụ đánh giá nghiệm thu, thanh lý hợp đồng, ví dụ: khung chương trình ươm tạo, tài liệu đào tạo, báo cáo của các chuyên gia cố vấn, đồng hành với các dự án; báo cáo tình hình phát triển của dự án về quá trình tham gia ươm tạo, ...)

9. Tính bền vững của quá trình thực hiện nhiệm vụ

(Phân tích các yếu tố rủi ro chủ quan và khách quan, biện pháp kiểm soát rủi ro; phương án nhân rộng mô hình, chuyển giao, khai thác sản phẩm/kết quả thực hiện nhiệm vụ)

.....

10. Hiệu quả mang lại và sự kết nối, hợp tác với các chủ thể khác trong hệ sinh thái

(Tác động và hiệu quả về mặt kinh tế xã hội, khoa học và công nghệ; mối liên kết và hoạt động hợp tác với chủ thể khác ở trong và ngoài nước)

.....
11. Quá trình tham gia các dự án hỗ trợ khác <i>(Nêu rõ những dự án, chương trình, đề án được hỗ trợ kinh phí từ ngân sách nhà nước ở trung ương và địa phương, dự án tài trợ quốc tế mà tổ chức chủ trì, tổ chức tham gia liên danh đã, đang thực hiện hoặc đã nộp hồ sơ đăng ký tham gia)</i>
12. Tổng dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ
12.1. Kinh phí đối ứng của tổ chức thực hiện nhiệm vụ <i>(Nêu rõ kinh phí đối ứng của tổ chức chủ trì, tổ chức tham gia liên danh, kèm theo tài liệu chứng minh tài chính)</i>
12.2. Kinh phí đề nghị hỗ trợ từ ngân sách nhà nước
12.3. Kinh phí huy động từ các nguồn khác <i>(Nêu cụ thể nguồn kinh phí dự kiến huy động)</i>

Ngày.....tháng năm 20...

ĐƠN VỊ QUẢN LÝ NHIỆM VỤ

(Họ tên, chữ ký của lãnh đạo và đóng dấu)

Ngày.....tháng năm 20...

TỔ CHỨC CHỦ TRÌ

(Họ tên, chữ ký của lãnh đạo và đóng dấu)

Ngày.....tháng năm 20...

**TỔ CHỨC THAM GIA LIÊN DANH
(NẾU CÓ)**

(Họ tên, chữ ký của lãnh đạo và đóng dấu)

Ngày.....tháng.....năm 20....

CHỦ NHIỆM NHIỆM VỤ

(Họ tên, chữ ký)

**THUYẾT MINH NHIỆM VỤ HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN DỰ ÁN KHỞI NGHIỆP
SÁNG TẠO GIAI ĐOẠN PHÁT TRIỂN DOANH NGHIỆP NĂM**
(dành cho doanh nghiệp có dự án khởi nghiệp sáng tạo)

1. Tên nhiệm vụ
2. Thông tin về tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ
<i>2.1 Tên, địa chỉ trụ sở của tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ</i>
<i>2.2 . Thời gian hoạt động (Ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu)</i>
<i>2.3 Vốn điều lệ:</i>
<i>2.4 Thành viên sáng lập, Ban lãnh đạo</i> <i>(Họ và tên, chức vụ, thư điện tử, điện thoại, địa chỉ)</i>
<i>2.5 Hoạt động sản xuất, kinh doanh liên quan đến nhiệm vụ</i>
<i>2.6 Thông tin về (các) tổ chức, cá nhân tham gia thực hiện nhiệm vụ</i> <i>(Họ và tên, địa chỉ trụ sở của cá nhân, tổ chức và người đứng đầu tổ chức; tóm tắt hoạt động của cá nhân, tổ chức tham gia thực hiện nhiệm vụ)</i>
3. Mô tả ngắn gọn về nhiệm vụ đề nghị hỗ trợ

(Mục tiêu và nội dung hoạt động chính)

.....

.....

.....

.....

4. Năng lực thực hiện nhiệm vụ

4.1. Năng lực về nhân sự

(Năng lực, kinh nghiệm chuyên môn của sáng lập viên, ban điều hành, đội ngũ cán bộ/nhân viên của doanh nghiệp; chuyên gia cố vấn, đối tác chính ở trong nước, nước ngoài)

.....

.....

.....

4.2. Năng lực về tài chính và công nghệ

(Vốn cố định, vốn lưu động, giá trị tài sản trí tuệ, giá trị công nghệ, giá trị doanh nghiệp do doanh nghiệp tự đánh giá hoặc do tổ chức khác đánh giá, giá trị giao dịch gọi vốn/thoái vốn đã thực hiện, kết quả hoạt động, giải thưởng, danh hiệu liên quan đến khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo, công nghệ, sở hữu trí tuệ, tiêu chuẩn chất lượng, đóng góp phát triển cộng đồng đã đạt được)

.....

.....

.....

5. Tổng quan nhu cầu thị trường

(Phân tích thực trạng, dự báo nhu cầu của thị trường mục tiêu ở phạm vi quốc gia và quốc tế; cơ hội và thách thức trong giải quyết vấn đề của thị trường)

.....

.....

.....

6. Giải pháp

(Phân tích cách thức giải quyết vấn đề liên quan đến thị trường mục tiêu, nhu cầu khách hàng, sản phẩm/dịch vụ cạnh tranh, biện pháp đối phó với đối thủ cạnh tranh và dự báo xu hướng thay đổi của thị trường ở phạm vi quốc gia và quốc tế)

.....

.....

.....

7. Sản phẩm/dịch vụ, mô hình kinh doanh

(Tính mới, khả thi và giá trị khác biệt của sản phẩm/dịch vụ; tính sáng tạo, khả năng nhân rộng của mô hình kinh doanh; giải pháp công nghệ, tài sản trí tuệ được khai thác sử dụng; thị trường, khách hàng mục tiêu; kênh phân phối chính; tốc độ tăng trưởng quy mô thị trường; số lượng khách hàng/người dùng, khối lượng sản phẩm/dịch vụ tiêu thụ; mức tăng trưởng doanh thu)

.....

.....

.....

8. Nội dung hoạt động, dự kiến sản phẩm, kết quả thực hiện nhiệm vụ

(Nêu nội dung hoạt động chính và số liệu liên quan làm cơ sở cho dự toán kinh phí, các nội dung hỗ trợ theo quy định tại Điều 6, Nghị quyết số/2025/NQ-HĐND thành phố Đà Nẵng)

Ví dụ:

Nội dung 1: Hỗ trợ công lao động trực tiếp

Hoạt động 1: Nghiên cứu, đánh giá phân tích nhu cầu khách hàng

Hoạt động 2: Thiết kế mô hình sản phẩm, dịch vụ,

Nội dung 2: hỗ trợ chi phí thuê chuyên gia tư vấn, huấn luyện, đào tạo, phối hợp nghiên cứu phát triển dự án khởi nghiệp sáng tạo

Hoạt động 1: Thuê chuyên gia trong nước

Hoạt động 2: Thuê chuyên gia quốc tế

Nội dung 3: Hỗ trợ chi phí sử dụng dịch vụ hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo

Hoạt động 1:.....

.....

8.1. Nội dung triển khai	8.2. Hoạt động	8.3. Căn cứ đề xuất
Nội dung 1	Hoạt động 1	
	Hoạt động 2	
	Hoạt động 3...	

8.4. Thời gian và tiến độ thực hiện nhiệm vụ

Nội dung, hoạt động	Kết quả phải đạt/Sản phẩm thu được	Thời gian thực hiện (Tháng thứ...)	Đơn vị thực hiện
Nội dung 1:			
Hoạt động 1:			
Hoạt động 2:			
Nội dung 2:			
Hoạt động 1:			
Hoạt động 2:			
Nội dung 3:			
Hoạt động 1:			
Hoạt động 2:			

8.5. Sản phẩm

(Phục vụ đánh giá nghiệm thu, thanh lý hợp đồng)

.....

.....

.....

9. Khả năng kiểm soát rủi ro, tính bền vững của nhiệm vụ

(Phân tích các yếu tố rủi ro chủ quan và khách quan, biện pháp kiểm soát rủi ro; phương hướng phát triển sản phẩm/dịch vụ mới và nhân rộng mô hình kinh doanh ở thị trường trong nước và nước ngoài qua đó thể hiện tính bền vững về tài chính)

.....

.....

.....

10. Sự cần thiết hỗ trợ của Nhà nước đối với nhiệm vụ

(Tóm tắt phương án, mục tiêu, lộ trình phát triển về quy mô thị trường và sự cần thiết hỗ trợ từ Nhà nước; dự tính giá trị lợi ích tạo ra đối với các đối tượng thụ hưởng sản phẩm/dịch vụ/mô hình kinh doanh mới; tác động về kinh tế xã hội, văn hóa, môi trường, thúc đẩy đổi mới sáng tạo từ phát triển sản phẩm/dịch vụ/mô hình kinh doanh mới của tổ chức chủ trì và tổ chức, cá nhân tham gia thực hiện nhiệm vụ)

<p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p>
<p>11. Quá trình tham gia các dự án hỗ trợ khác</p> <p><i>(Nêu rõ những dự án, chương trình, đề án được hỗ trợ kinh phí từ ngân sách nhà nước ở trung ương và địa phương, dự án tài trợ quốc tế, dự án vay tín dụng mà tổ chức chủ trì, tổ chức, cá nhân tham gia thực hiện đã, đang thực hiện hoặc đã nộp hồ sơ đăng ký tham gia)</i></p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p>
<p>12. Tổng dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p>
<p>12.1 Kinh phí đối ứng của doanh nghiệp</p> <p><i>(Kinh phí đối ứng của doanh nghiệp, kèm theo tài liệu chứng minh tài chính)</i></p> <p>.....</p> <p>.....</p>
<p>12.2 Kinh phí đề nghị hỗ trợ từ ngân sách nhà nước</p> <p>.....</p> <p>.....</p>
<p>12.3 Kinh phí huy động từ các nguồn khác <i>(Nêu cụ thể nguồn kinh phí dự kiến huy động)</i></p> <p>.....</p> <p>.....</p>

Ngày.....tháng năm 20...
ĐƠN VỊ QUẢN LÝ NHIỆM VỤ
(Họ tên, chữ ký của lãnh đạo và đóng dấu)

Ngày.....tháng năm 20...
TỔ CHỨC CHỦ TRÌ
(Họ tên, chữ ký của lãnh đạo và đóng dấu)

Ngày.....tháng.....năm 20...
CHỦ NHIỆM NHIỆM VỤ
(Họ tên, chữ ký)

**TÊN TỔ CHỨC CHỦ TRÌ
NHIỆM VỤ****CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập Tự do Hạnh phúc**

Số: /.....

Đà Nẵng, ngày tháng năm 20...

V/v đề nghị đánh giá, nghiệm
thu nhiệm vụ

Kính gửi: Sở Khoa học và Công nghệ thành phố Đà Nẵng

Tổ chức chủ trì nhiệm vụ đề nghị Sở Khoa học và Công nghệ thành phố Đà Nẵng tổ chức đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ¹ hỗ trợ phát triển dự án khởi nghiệp sáng tạo sau đây:

Tên nhiệm vụ:

Tổ chức chủ trì:

Tổ chức tham gia thực hiện (nếu có):

Chủ nhiệm nhiệm vụ:

Hợp đồng số²:

Thời gian thực hiện theo hợp đồng: từ đến

Thời gian được điều chỉnh, gia hạn (nếu có) đến:

Kèm theo công văn này là hồ sơ đánh giá nhiệm vụ, gồm:

1. Bản chính Báo cáo đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ
2. Bản sao hợp đồng và thuyết minh nhiệm vụ
3. Kết quả, sản phẩm thực hiện nhiệm vụ
4. Biên bản kiểm tra, đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ (nếu có)
5. Các tài liệu khác (nếu có).

Số lượng hồ sơ gồm:

01 bộ (bản gốc) đầy đủ tài liệu kể trên;

01 bản điện tử về các file báo cáo ghi trên đĩa quang (dạng PDF, không cài đặt bảo mật).

Thời gian, địa điểm đề nghị tổ chức đánh giá nghiệm thu.....

Trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

Như trên;

.....

TỔ CHỨC CHỦ TRÌ NHIỆM VỤ

(Họ tên lãnh đạo, chữ ký và đóng dấu)

TỔ CHỨC THAM GIA THỰC HIỆN NHIỆM VỤ

(Họ tên lãnh đạo, chữ ký và đóng dấu)

¹ Ghi rõ tên nhiệm vụ theo thuyết minh, hợp đồng đã được phê duyệt.

² Ghi rõ số hợp đồng đã ký kết

UBND THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG
SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /QĐ-SKHCN

Đà Nẵng, ngày tháng năm 20...

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt đơn vị chủ trì và kinh phí hỗ trợ phát triển dự án khởi nghiệp sáng tạo năm...

GIÁM ĐỐC SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Căn cứ Quyết định số 17/2023/QĐ-UBND ngày 02 tháng 6 năm 2023 của UBND thành phố Đà Nẵng về việc ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Khoa học và Công nghệ thành phố Đà Nẵng;

Căn cứ Nghị quyết số .../.../NQ-HĐND ngày .../.../2025 của HĐND thành phố Quy định trình tự, thủ tục, điều kiện, số lượng, nội dung và mức hỗ trợ không hoàn lại từ ngân sách nhà nước để phát triển dự án khởi nghiệp sáng tạo trên địa bàn thành phố Đà Nẵng;

Căn cứ biên bản họp ngày của Hội đồng đánh giá thuyết minh nhiệm vụ phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo năm 2024;

Căn cứ

Theo đề nghị của Trưởng phòng Quản lý công nghệ và Trưởng phòng Kế hoạch - Tài chính Sở Khoa học và Công nghệ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt đơn vị chủ trì và kinh phí hỗ trợ thực hiện nhiệm vụ

- Đơn vị chủ trì:

- Thời gian thực hiện:

Tổng dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ:), trong đó:

- Kinh phí đề nghị hỗ trợ từ ngân sách nhà nước:

- Kinh phí đối ứng của tổ chức thực hiện nhiệm vụ:

- Kinh phí huy động từ các nguồn khác: 0 đồng.

Điều 2. Kinh phí hỗ trợ nêu trên cấp từ nguồn kinh phícủa Sở Khoa học và Công nghệ.

Điều 3. Đơn vị chủ trì có trách nhiệm tổ chức thực hiện nhiệm vụ, thực hiện chế độ thông tin báo cáo, quyết toán kinh phí theo quy định hiện hành và giao nộp sản phẩm theo đúng quy định.

Điều 4. Đơn vị chủ trì, Chủ nhiệm nhiệm vụ, Trưởng phòng Quản lý công nghệ, Trưởng phòng Kế hoạch - Tài chính Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 4;
- Lưu: VT,.....

GIÁM ĐỐC

BÁO CÁO KẾT QUẢ NHIỆM VỤ

Báo cáo tổng hợp kết quả nhiệm vụ là tài liệu tổng hợp quá trình thực hiện và kết quả đạt được khi nhiệm vụ đến thời hạn kết thúc để phục vụ đánh giá nghiệm thu. Sau khi được chỉnh sửa theo kết luận của Hội đồng đánh giá, báo cáo được dùng để công nhận kết quả nhiệm vụ, thanh lý hợp đồng và lưu trữ theo quy định.

A BỐ CỤC BÁO CÁO

Bố cục báo cáo bao gồm 3 phần: Phần đầu, phần chính, phần cuối và được trình bày theo thứ tự như sau:

Phần đầu	Trang bìa trước Trang bìa phụ Lời cảm ơn (nếu cần thiết) Mục lục Danh mục bảng, biểu, hình Danh mục từ viết tắt, ký hiệu, thuật ngữ... dùng trong báo cáo
Phần chính	Mở đầu Nội dung chính của báo cáo Kết luận và kiến nghị Kế hoạch triển khai kết quả nhiệm vụ Tài liệu tham khảo
Phần cuối	Phụ lục Bìa sau

I. PHẦN ĐẦU

1. Trang bìa trước (Xem biểu mẫu ở Mục C)

Bao gồm các thông tin sau:

Tên đầy đủ của Đơn vị chủ trì.

Tên nhiệm vụ.

Họ tên chủ nhiệm.

Địa điểm và thời gian hoàn thành báo cáo.

2. Trang bìa phụ (Xem biểu mẫu ở Mục C)

Nội dung và bố cục tương tự như Trang bìa trước, tuy nhiên ở Trang này bổ sung thêm thông tin về Danh sách những người thực hiện chính (viết đầy đủ họ tên

và tên cơ quan công tác); Danh sách các đơn vị phối hợp chính (nếu có); Thời gian thực hiện và kinh phí thực hiện (ghi rõ các nguồn kinh phí).

3. Lời cảm ơn (nếu thấy cần thiết)

Trình bày lời cảm ơn của Tác giả/tập thể tác giả đối với tổ chức, cá nhân giúp đỡ trong quá trình nghiên cứu.

4. Mục lục

Mục lục bao gồm danh mục các phần chia nhỏ của báo cáo và các phụ lục cùng với số trang. Ngoài ra, mục lục có thể bao gồm cả danh mục các hình và bảng.

5. Danh mục bảng, biểu, hình

Bao gồm danh mục các bảng, biểu đồ, đồ thị, hình vẽ, hình ảnh sử dụng trong báo cáo cùng với số trang.

6. Danh mục từ viết tắt, ký hiệu, thuật ngữ...

Bao gồm bảng chú giải các từ viết tắt, ký hiệu chữ quy ước, ký hiệu dấu, đơn vị, thuật ngữ... dùng trong báo cáo. Lưu ý, trình bày ký hiệu và từ viết tắt trước (cột thứ nhất), từ đầy đủ sau (cột thứ 2).

II. PHẦN CHÍNH

1. Mở đầu

Phần này được viết thành phần riêng, không đánh số phần hoặc chương.

Giới thiệu vắn tắt về sự hình thành nhiệm vụ, trình bày ngắn gọn mục tiêu, nội dung nhiệm vụ; ý nghĩa của nhiệm vụ; những vấn đề mà nhiệm vụ cần giải quyết.

Tổng quan nhu cầu thị trường (Phân tích thực trạng, dự báo nhu cầu của thị trường mục tiêu ở phạm vi quốc gia và quốc tế; cơ hội và thách thức trong giải quyết vấn đề của thị trường đối với sản phẩm của nhiệm vụ).

Giải pháp (Phân tích cách thức giải quyết vấn đề liên quan đến thị trường mục tiêu, nhu cầu khách hàng, sản phẩm/dịch vụ cạnh tranh, biện pháp đối phó với đối thủ cạnh tranh và dự báo xu hướng thay đổi của thị trường ở phạm vi quốc gia và quốc tế).

Sản phẩm/dịch vụ, mô hình kinh doanh (Tính mới, khả thi và giá trị khác biệt của sản phẩm/dịch vụ; tính sáng tạo, khả năng nhân rộng của mô hình kinh doanh; giải pháp công nghệ, tài sản trí tuệ được khai thác sử dụng; thị trường, khách hàng mục tiêu; kênh phân phối chính; tốc độ tăng trưởng quy mô thị trường; số lượng khách hàng/người dùng, khối lượng sản phẩm/dịch vụ tiêu thụ; mức tăng trưởng doanh thu).

2. Nội dung chính của báo cáo

Nội dung chính của báo cáo được chia thành các phần hoặc các chương có đánh số thứ tự và phải bao quát các vấn đề: lý thuyết, kết quả, bình luận hoặc kiến nghị.

Trong nội dung chính của báo cáo cần trình bày:

Kết quả thực hiện và thảo luận:

+ Trình bày cụ thể các nội dung thực hiện theo hợp đồng.
+ Trình bày, phân tích, đánh giá kết quả đạt được. Đưa ra được kết luận theo từng nội dung.

+ Tổng quát hóa và đánh giá đầy đủ, toàn diện kết quả thu được của nhiệm vụ và so với thuyết minh đề cương.

+ Tập trung mô tả và phân tích đánh giá được sản phẩm chính của nhiệm vụ. Khả năng ứng dụng và phát triển sản phẩm.

(Khối lượng, chất lượng của sản phẩm).

3. Kết luận và kiến nghị: Trình bày thành một phần riêng và không đánh số phần hoặc chương.

Trong phần kết luận trình bày súc tích các kết luận từ những nội dung của nhiệm vụ. Đánh giá kết quả đạt/chưa đạt/... của nhiệm vụ để phát triển sản phẩm của doanh nghiệp, hiệu quả kinh tế xã hội.

4. Kế hoạch triển khai kết quả nhiệm vụ

Trình bày thành một phần riêng và không đánh số phần hoặc chương. Trong phần này trình bày cụ thể kế hoạch để có thể tiếp tục phát triển sản phẩm của Công ty trong thời gian đến.

5. Tài liệu tham khảo

Nguồn tài liệu thường được trình bày theo thứ tự sau đây:

Họ tên tác giả/Nhan đề/Các yếu tố về xuất bản.

Ví dụ:

Đình Xuân Linh, Thân Đức Nhã. Kỹ thuật trồng, chế biến nấm ăn và nấm dược liệu. Hà Nội: Nhà xuất bản Nông nghiệp Hà Nội; 2010.

Hanna JN, McBride WJ, Brookes DL, Shield J, Taylor CT, Smith IL, et al. Hendra virus infection in a veterinarian. Med J Aust. 2006 Nov 20; 185(10):562-64.

Danh mục tài liệu tham khảo được sắp xếp theo trình tự sử dụng hoặc theo thứ tự alphabet trong báo cáo, không phân biệt tiếng Việt, Anh, Pháp... Các tài liệu bằng tiếng nước ngoài phải giữ nguyên văn, không phiên âm, không dịch. Những tài liệu viết bằng tiếng nước ngoài ít người Việt biết thì ghi thêm phần tiếng Việt đi kèm theo mỗi tài liệu. Hạn chế dùng luận văn, luận án, thông tin trên internet và sách giáo khoa làm tài liệu tham khảo.

III. PHẦN CUỐI

1. Phụ lục

Phần phụ lục bao gồm các bảng điều tra, bảng tính số liệu, mẫu biểu, hình chụp, sơ đồ, quy trình công nghệ, bản vẽ... cần minh họa hoặc hỗ trợ cho báo cáo.

2. Bìa sau

B – TRÌNH BÀY BÁO CÁO

Báo cáo được đóng thành quyển, đóng bìa cứng; in một mặt trên khổ giấy A4; cỡ chữ 13 hoặc 14; font chữ Times New Roman; dẫn dòng 1,3 lines 1,5 lines, lề trái 3,5 cm, lề phải 2,0 cm, lề trên 2,0 cm và lề dưới 2,0 cm. Số trang được đánh chính giữa, bên dưới.

Đánh số thứ tự: Báo cáo được chia thành Phần hoặc Chương (dùng số La Mã), dưới Phần/ Chương là đến Mục lớn (dùng số La Mã) và các Tiểu mục (dùng số Ả Rập). Các Tiểu mục được đánh số thứ tự nhiều nhất là 04 chữ số.

Ví dụ: 1.2.3.4 chỉ Tiểu mục 4 của nhóm Tiểu mục 3, thuộc Mục II của Chương I.

Không nên đánh lẫn lộn số La Mã và số Ả Rập (Ví dụ: Chương I rồi Mục I.1 hay Tiểu mục I.1.2).

Các bảng, biểu, hình, đồ thị, công thức...: Việc đánh số bảng biểu, hình vẽ, đồ thị, công thức, phương trình phải gắn với số Phần/Chương.

Ví dụ: Hình 2.4 có nghĩa là hình số 4 trong Chương II.

Thứ tự và đầu đề của bảng, biểu ghi phía trên bảng, biểu. Thứ tự và đầu đề của hình vẽ, đồ thị ghi phía dưới hình vẽ, đồ thị. Thứ tự của công thức, phương trình để trong ngoặc đơn ghi phía bên phải cùng hàng. Cỡ chữ của số thứ tự và đầu đề bằng cỡ chữ sử dụng trong báo cáo. Mọi bảng biểu, hình vẽ, số liệu, nhận định... lấy từ nguồn khác phải được trích dẫn đầy đủ nguồn tài liệu và được liệt kê trong danh mục Tài liệu tham khảo.

Tài liệu tham khảo và trích dẫn:

Trong khi viết báo cáo, nếu nội dung liên quan đến tài liệu tham khảo thì sau nội dung đó phải viết số thứ tự trong danh mục Tài liệu tham khảo trong ngoặc vuông [].

Khi trích dẫn nguyên văn một đoạn ít hơn hai câu hoặc bốn dòng đánh máy thì sử dụng dấu ngoặc kép để mở đầu và kết thúc phần trích dẫn. Nếu trích dẫn dài hơn thì tách phần này thành đoạn riêng, với lề trái lùi vào thêm 2 cm và không sử dụng dấu ngoặc kép. Sau đoạn trích dẫn có ngoặc vuông, trong đó ghi số thứ tự dựa vào số thứ tự trong danh mục Tài liệu tham khảo

Trích dẫn theo số thứ tự của tài liệu ở danh mục Tài liệu tham khảo và được đặt trong ngoặc vuông, nếu cần thiết thì nêu cả số trang, ví dụ: [15, tr.314-315].

Đối với phần được trích dẫn từ nhiều tài liệu khác nhau, số của từng tài liệu được đặt độc lập trong từng ngoặc vuông, theo thứ tự tăng dần, ví dụ: [19], [25], [41], [42].

Đơn vị đo lường: Phải sử dụng đơn vị đo lường hợp pháp của Việt Nam, nếu dùng đơn vị khác thì phải viết cả giá trị chuyển đổi và đặt trong dấu ngoặc đơn ().

Văn phong báo cáo: Câu văn cần giản dị, súc tích, ngắn gọn. Sử dụng từ ngữ rõ ràng, chính xác, tránh làm cho người đọc hiểu theo nhiều nghĩa khác nhau.

C CÁC BIỂU MẪU

2. Trang bìa phụ

ĐƠN VỊ CHỦ TRÌ**BÁO CÁO TỔNG HỢP KẾT QUẢ NHIỆM VỤ
HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP KHỞI NGHIỆP ĐỔI MỚI SÁNG TẠO**

Tên nhiệm vụ:

Chủ nhiệm nhiệm vụ:

Thành viên tham gia nhiệm vụ:

Thời gian thực hiện: (Ghi theo Hợp đồng)

Kinh phí: (Ghi theo Hợp đồng)

Tổ chức phối hợp nghiên cứu (nếu có):

Đà Nẵng, tháng... năm...

UBND THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG
SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /QĐ-SKHCHN

Đà Nẵng, ngày tháng năm 202...

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công nhận kết quả thực hiện
nhiệm vụ Hỗ trợ phát triển dự án khởi nghiệp sáng tạo

GIÁM ĐỐC SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Căn cứ Quyết định số 17/2023/QĐ-UBND ngày 02 tháng 6 năm 2023 của UBND thành phố Đà Nẵng về việc ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Khoa học và Công nghệ thành phố Đà Nẵng;

Căn cứ Nghị quyết số .../.../NQ-HĐND ngày .../.../2025 của HĐND thành phố Quy định trình tự, thủ tục, điều kiện, số lượng, nội dung và mức hỗ trợ không hoàn lại từ ngân sách nhà nước để phát triển dự án khởi nghiệp sáng tạo trên địa bàn thành phố Đà Nẵng;

Căn cứ biên bản họp ngày của Hội đồng đánh giá thuyết minh nhiệm vụ phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo năm 2024;

Căn cứ

Theo đề nghị của Trưởng phòng Quản lý công nghệ và Trưởng phòng Kế hoạch - Tài chính Sở Khoa học và Công nghệ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận kết quả thực hiện nhiệm vụ Hỗ trợ phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo “.....”.

Tổ chức chủ trì:

Chủ nhiệm nhiệm vụ:

Tổ chức tham gia thực hiện (nếu có):

Xếp loại:

Điều 2. Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm lưu giữ hồ sơ và công bố kết quả thực hiện nhiệm vụ.

Điều 3. Tổ chức chủ trì, Chủ nhiệm nhiệm vụ có trách nhiệm lưu giữ các hồ sơ, chứng từ, thực hiện chế độ thông tin báo cáo theo quy định hiện hành và ứng dụng kết quả thực hiện nhiệm vụ.

Điều 4. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 5. Tổ chức chủ trì, tổ chức tham gia thực hiện và các tổ chức, đơn vị liên quan, Trưởng phòng Quản lý Công nghệ, Trưởng phòng Kế hoạch - Tài chính Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm thực hiện Quyết định này có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Lưu VT,....

GIÁM ĐỐC

UBND THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG
SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /QĐ-SKHCN

Đà Nẵng, ngày tháng năm 20...

QUYẾT ĐỊNH

Về việc hỗ trợ kinh phí phát triển dự án khởi nghiệp sáng tạo

GIÁM ĐỐC SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Căn cứ Quyết định số 17/2023/QĐ-UBND ngày 02 tháng 6 năm 2023 của UBND thành phố Đà Nẵng về việc ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Khoa học và Công nghệ thành phố Đà Nẵng;

Căn cứ Nghị quyết số/..../NQ-HĐND ngày/.../2025 của HĐND thành phố Quy định trình tự, thủ tục, điều kiện, số lượng, nội dung và mức hỗ trợ không hoàn lại từ ngân sách nhà nước để phát triển dự án khởi nghiệp sáng tạo trên địa bàn thành phố Đà Nẵng;

Căn cứ biên bản họp ngày của Hội đồng đánh giá hồ sơ đề nghị hỗ trợ;

Căn cứ

Theo đề nghị của Trưởng phòng Quản lý công nghệ và Trưởng phòng Kế hoạch - Tài chính Sở Khoa học và Công nghệ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Hỗ trợ kinh phí phát triển dự án khởi nghiệp sáng tạo cho

Điều 2. Kinh phí hỗ trợ từ nguồn kinh phí sự nghiệp khoa học và công nghệ hàng năm của Sở Khoa học và Công nghệ thành phố Đà Nẵng. Các dự án, doanh nghiệp chịu trách nhiệm trước pháp luật đối với những nội dung khai báo trong hồ sơ và quản lý, sử dụng kinh phí được hỗ trợ theo đúng quy định.

Điều 3. Trưởng phòng Quản lý Công nghệ, Trưởng phòng Kế hoạch - Tài chính,..... và các đơn vị có liên quan có trách nhiệm thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;

- Lưu:

GIÁM ĐỐC

Phụ lục III

THÀNH PHẦN HỘI ĐỒNG, PHƯƠNG THỨC LÀM VIỆC, TRÌNH TỰ LÀM VIỆC, TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG ĐÁNH GIÁ, NGHIỆM THU NHIỆM VỤ HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN DỰ ÁN KHỞI NGHIỆP SÁNG TẠO VÀ HỒ SƠ ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ DỰ ÁN KHỞI NGHIỆP SÁNG TẠO Ở GIAI ĐOẠN PHÁT TRIỂN DOANH NGHIỆP THEO PHƯƠNG THỨC HỖ TRỢ SAU

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số /2024/NQ-HĐND ngày tháng năm 2024 của Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng)

A. HỘI ĐỒNG ĐÁNH GIÁ, NGHIỆM THU NHIỆM VỤ

I. THÀNH PHẦN

Hội đồng đánh giá hồ sơ đề nghị hỗ trợ dự án khởi nghiệp sáng tạo ở giai đoạn phát triển doanh nghiệp theo phương thức hỗ trợ sau do Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ thành lập có 07-09 thành viên, bao gồm Chủ tịch, 01 Phó Chủ tịch Hội đồng, các thành viên Hội đồng là chuyên gia về khoa học công nghệ, KNST hoặc đại diện cơ quan quản lý, cơ quan chuyên môn có liên quan.

II. PHƯƠNG THỨC LÀM VIỆC

1. Phiên họp của hội đồng phải có mặt ít nhất 2/3 thành viên của hội đồng, trong đó phải có Chủ tịch hoặc Phó chủ tịch.

2. Thành viên hội đồng có trách nhiệm nghiên cứu tài liệu do Sở Khoa học và Công nghệ cung cấp và chuẩn bị ý kiến nhận xét đánh giá hồ sơ kết quả thực hiện nhiệm vụ.

3. Hội đồng làm việc theo nguyên tắc tập trung dân chủ. Các ý kiến kết luận của hội đồng được thông qua khi trên 3/4 (ba phần tư) số thành viên của hội đồng có mặt nhất trí bằng hình thức biểu quyết trực tiếp hoặc bỏ phiếu kín.

4. Các ý kiến khác nhau của thành viên được thư ký khoa học của hội đồng tổng hợp để hội đồng thảo luận và biểu quyết thông qua. Thành viên hội đồng chịu trách nhiệm cá nhân về ý kiến của mình và chịu trách nhiệm tập thể về ý kiến kết luận của hội đồng.

III. TRÌNH TỰ LÀM VIỆC

1. Thư ký hành chính của hội đồng nêu lý do họp hội đồng, đọc quyết định thành lập hội đồng và giới thiệu các đại biểu tham dự. Thông báo về thời điểm nộp hồ sơ nghiệm thu; thông báo nguyên tắc chấm điểm, xếp loại nhiệm vụ theo phương thức bỏ phiếu.

2. Chủ tịch Hội đồng hoặc Phó chủ tịch Hội đồng (trong trường hợp Chủ tịch Hội đồng vắng mặt) chủ trì phiên họp Hội đồng.

3. Hội đồng bầu 01 thành viên trong Hội đồng làm thư ký khoa học Hội đồng.

4. Thư ký khoa học Hội đồng đọc bản nhận xét đánh giá của thành viên vắng mặt (nếu có) để Hội đồng tham khảo.

5. Hội đồng thảo luận, nhận xét, đánh giá chính thức kết quả thực hiện nhiệm vụ theo hợp đồng đã ký.

6. Hội đồng đánh giá và xếp loại nhiệm vụ. Thành viên Hội đồng đánh giá kết quả nhiệm vụ theo mẫu phiếu. Hội đồng tiến hành xếp loại nhiệm vụ theo phương thức bỏ phiếu kín.

7. Phiên họp Hội đồng có Ban kiểm phiếu. Ban kiểm phiếu gồm có 03 người: đại diện cơ quan/đơn vị tổ chức Hội đồng, thư ký hành chính Hội đồng, thư ký khoa học Hội đồng.

Ban kiểm phiếu và cơ quan tổ chức đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ phải có trách nhiệm giữ bí mật các thông tin về việc chấm điểm và đánh giá xếp loại nhiệm vụ của các thành viên Hội đồng.

8. Kết luận của Hội đồng

a) Chủ tịch Hội đồng hoặc Phó Chủ tịch Hội đồng tổng hợp ý kiến và kết luận đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ.

b) Hội đồng thảo luận để thông qua từng nội dung kết luận của Hội đồng.

c) Thư ký công bố kết quả chấm điểm và xếp loại nhiệm vụ sau khi đã tổng hợp các ý kiến của thành viên Hội đồng.

d) Trong trường hợp kết quả nhiệm vụ được đánh giá ở mức “không đạt”, Hội đồng xem xét, xác định những nội dung công việc đã thực hiện được so với hợp đồng làm căn cứ để các cơ quan quản lý có thẩm quyền xem xét và xử lý.

IV. TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG

1. Đánh giá báo cáo tổng hợp.

2. Đánh giá về số lượng, khối lượng sản phẩm

3. Đánh giá về chất lượng sản phẩm

4. Đánh giá về thời gian nộp hồ sơ nghiệm thu.

5. Xếp loại nhiệm vụ:

a) Xuất sắc: Khi 100% tiêu chí về sản phẩm đều đạt xuất sắc, báo cáo tổng hợp đạt yêu cầu trở lên

b) Đạt yêu cầu: *đáp ứng đồng thời các yêu cầu sau*

+ Tất cả các tiêu chí về chất lượng, chủng loại sản phẩm ở mức đạt trở lên.

+ Ít nhất 3/4 tiêu chí về khối lượng, số lượng sản phẩm ở mức “Đạt” trở lên (những sản phẩm không đạt về khối lượng, số lượng thì vẫn phải đảm bảo đạt ít nhất 3/4 so với đặt hàng).

+ Báo cáo tổng hợp đạt mức “Đạt” trở lên

c) Không đạt: không thuộc hai trường hợp trên hoặc nộp hồ sơ chậm trên 06 tháng

B. TỔ THẨM ĐỊNH, HỘI ĐỒNG ĐÁNH GIÁ HỒ SƠ ĐỀ XUẤT HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN DỰ ÁN KHỞI NGHIỆP SÁNG TẠO THEO PHƯƠNG THỨC HỖ TRỢ SAU

I. TỔ THẨM ĐỊNH

1. Thành phần

Tổ thẩm định hồ sơ có 03-05 thành viên, bao gồm: Một (01) Tổ trưởng tổ thẩm định hồ sơ là lãnh đạo Sở Khoa học và Công nghệ hoặc lãnh đạo phòng chuyên môn thuộc Sở Khoa học và Công nghệ phụ trách hoạt động khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, các thành viên khác là đại diện của các phòng, đơn vị thuộc Sở Khoa học và Công nghệ hoặc các đơn vị khác có liên quan đến nội dung của nhiệm vụ.

2. Phương thức làm việc

- a) Phiên họp của tổ thẩm định phải có mặt ít nhất 2/3 thành viên của tổ thẩm định, trong đó phải có Tổ trưởng tổ thẩm định.
- b) Thành viên tổ thẩm định có trách nhiệm nghiên cứu tài liệu và chuẩn bị ý kiến nhận xét đánh giá hồ sơ nhiệm vụ.
- c) Tổ thẩm định làm việc theo nguyên tắc tập trung dân chủ. Các ý kiến kết luận của Tổ thẩm định được thông qua khi trên 3/4 (ba phần tư) số thành viên của Tổ thẩm định có mặt nhất trí bằng hình thức biểu quyết trực tiếp hoặc bỏ phiếu kín.
- d) Các ý kiến khác nhau của thành viên được thư ký của tổ thẩm định tổng hợp để thảo luận và biểu quyết thông qua. Thành viên tổ thẩm định chịu trách nhiệm cá nhân về ý kiến của mình và chịu trách nhiệm tập thể về ý kiến kết luận của tổ thẩm định.

3. Trình tự làm việc

- a) Thư ký đọc quyết định thành lập Tổ thẩm định, giới thiệu thành phần tổ thẩm định và các đại biểu tham dự.
- b) Tổ trưởng Tổ thẩm định nêu những yêu cầu và nội dung chủ yếu về việc thẩm định đối với hồ sơ đề xuất hỗ trợ.
- c) Các thành viên Tổ thẩm định nêu ý kiến thẩm định.
- d) Tổ thẩm định thông qua biên bản làm việc.

4. Nội dung đánh giá hồ sơ đề nghị hỗ trợ

1. Thành phần hồ sơ đề nghị hỗ trợ;
2. Nhận xét sơ bộ các nội dung và kinh phí của dự án làm cơ sở báo cáo Hội đồng đánh giá.

II. HỘI ĐỒNG ĐÁNH GIÁ HỒ SƠ ĐỀ NGHỊ

1. Thành phần

Hội đồng đánh giá nhiệm vụ do Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ thành lập, có 05-07 thành viên, bao gồm Chủ tịch, 01 Phó Chủ tịch Hội đồng (nếu cần thiết), các thành viên Hội đồng là chuyên gia về KNST hoặc đại diện cơ quan quản lý, cơ quan chuyên môn có liên quan.

2. Phương thức làm việc

a) Phiên họp của hội đồng phải có mặt ít nhất 2/3 thành viên của Hội đồng, trong đó phải có Chủ tịch hoặc Phó chủ tịch.

b) Thành viên Hội đồng có trách nhiệm nghiên cứu tài liệu do Sở Khoa học và Công nghệ cung cấp và chuẩn bị ý kiến nhận xét đánh giá hồ sơ đề nghị hỗ trợ.

c) Hội đồng làm việc theo nguyên tắc tập trung dân chủ. Các ý kiến kết luận của Hội đồng được thông qua khi trên 3/4 (ba phần tư) số thành viên của Hội đồng có mặt nhất trí bằng hình thức biểu quyết trực tiếp hoặc bỏ phiếu kín.

d) Các ý kiến khác nhau của thành viên được thư ký của Hội đồng tổng hợp để Hội đồng thảo luận và biểu quyết thông qua. Thành viên Hội đồng chịu trách nhiệm cá nhân về ý kiến của mình và chịu trách nhiệm tập thể về ý kiến kết luận của Hội đồng.

3. Trình tự làm việc

a) Thư ký của Hội đồng nêu lý do họp Hội đồng, đọc quyết định thành lập Hội đồng và giới thiệu các đại biểu tham dự. Báo cáo tổng quan về đơn vị đề nghị hỗ trợ; thông báo nguyên tắc đánh giá hồ sơ đề nghị hỗ trợ.

b) Chủ tịch Hội đồng hoặc Phó chủ tịch Hội đồng (trong trường hợp Chủ tịch Hội đồng vắng mặt) chủ trì phiên họp Hội đồng.

c) Hội đồng bầu 01 thành viên trong Hội đồng làm thư ký Hội đồng.

d) Thư ký Hội đồng đọc bản nhận xét đánh giá của thành viên vắng mặt (nếu có) để Hội đồng tham khảo.

đ) Hội đồng thảo luận, nhận xét, đánh giá về hồ sơ đề nghị hỗ trợ phát triển dự án khởi nghiệp sáng tạo.

e) Hội đồng chấm điểm. Thành viên Hội đồng đánh giá hồ sơ đề nghị hỗ trợ theo thang điểm đã quy định được ghi trên phiếu. Hội đồng tiến hành chấm điểm theo phương thức bỏ phiếu kín.

g) Phiên họp Hội đồng có Ban kiểm phiếu. Ban kiểm phiếu gồm có 03 người: đại diện cơ quan/đơn vị tổ chức Hội đồng, thư ký hành chính Hội đồng, thư ký khoa học Hội đồng.

h) Ban kiểm phiếu và cơ quan tổ chức đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ phải có trách nhiệm giữ bí mật các thông tin về việc chấm điểm và đánh giá của các thành viên Hội đồng.

- i) Kết luận của Hội đồng
 - a) Chủ tịch Hội đồng hoặc Phó Chủ tịch Hội đồng tổng hợp ý kiến và kết luận đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ theo từng nội dung đã được quy định trong mẫu biên bản.
 - b) Hội đồng thảo luận để thông qua từng nội dung kết luận của Hội đồng.
 - c) Thư ký khoa học công bố kết quả chấm điểm và xếp loại nhiệm vụ sau khi đã tổng hợp các ý kiến của thành viên Hội đồng.

IV. TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ HỒ SƠ ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ KINH PHÍ PHÁT TRIỂN DỰ ÁN KHỞI NGHIỆP SÁNG TẠO THEO PHƯƠNG THỨC HỖ TRỢ SAU

1. Tiêu chí đánh giá doanh nghiệp

Thực hiện theo điểm b, khoản 1 Mục IV phần A của phụ lục I.
2. Tiêu chí đánh giá dự án
 - a) Tính mới, tính sáng tạo, khả năng phát triển bền vững của dự án.
 - b) Sự phù hợp về khối lượng công việc và kinh phí thực hiện;
 - c) Mức độ hợp lý trong phân bổ kinh phí cho các hoạt động;
 - d) Mức độ hợp lý về nội dung, định mức hỗ trợ kinh phí từ ngân sách nhà nước;
 - đ) Mức độ đáp ứng về nguồn kinh phí đối ứng, nguồn kinh phí huy động từ các nguồn ngoài ngân sách nhà nước.
3. Mức kinh phí Hội đồng đề xuất hỗ trợ